

HENRI BOND RESTARICK  
NGUYỄN SINH DUY dịch

# TÔN ĐẬT TIỀN NGƯỜI GIẢI PHÓNG TRUNG HOA

(TIỂU TRUYỆN DANH NHÂN)



2003 | PDF | 264 Pages  
[buihuuhanh@gmail.com](mailto:buihuuhanh@gmail.com)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HENRI BOND RESTARICK  
NGUYỄN SINH DUY dịch

# TÔN DẬT TIỀN NGƯỜI GIẢI PHÓNG TRUNG HOA

(TIỂU TRUYỆN DANH NHÂN)

## LỜI NGƯỜI DỊCH

Tôn Dật Tiên không phải là tên tuổi xa lạ đối với mọi người. Từ 1925 là năm Tôn Dật Tiên mệnh chung đến nay, sách báo trên thế giới viết về danh nhân này không thể kể hết. Đặc biệt các ngôi bút viết Tiểu truyện danh nhân theo cái nhìn phương Đông cổ hữu, thường có thói quen thần thánh hóa nhà lãnh tụ, bắc ánh hùng bàng những mô tả kỳ bí của một cuộc đời ngoại hạng.

Cuốn sách với bản chuyên ngữ đặc giá đang cầm trên tay là của một tác giả phương tây, H.B.Restarick quốc tịch Anh, từng sống nhiều năm ở Honolulu là nguyên cù cách mang dấu tiên của Tôn Dật Tiên. Bằng bút pháp phân tích, lý luận khúc chiết, Restarick giới thiệu "Người cha đẻ nền Cộng Hòa Trung Hoa" như là "một sinh vật với những cái xấu cùng những cái tốt của nó", nghĩa là rất "người". Chúng tôi không muốn nói điều dài dòng, vì nghĩ nội dung sách tự nó sẽ hấp dẫn người đọc.

Điều có thể muốn nói lên ở tác phẩm này là : bài học cách mạng canh tân nước Trung Hoa đầu thế kỷ XX - qua những dòng chữ đầy tâm huyết và rất khoa học của ngòi bút Restarick - trải một chặng đường lịch sử dài ngót thế kỷ, vẫn còn là kinh nghiệm sáng giá và quý báu cho những ai rắp tâm dấn thân vào sự nghiệp cứu dân cứu nước.

"Một nước phương Đông muốn thúc tinh bằng sự bình an tự tạo, thì nước ấy cần xây dựng nền giáo dục mới và áp dụng những phương pháp khoa học tân tiến trong công nghệ cũng như trong tinh thần chiến đấu"

## NGUYỄN SINH DUY

---

<sup>1</sup> H.B. Restarick, Sun Yat Sen, libérateur de la Chine, 1.88.

## LỜI NÓI ĐẦU

Ai đắc lòng viết lịch sử, cần chú tâm tìm tòi đọc những tác phẩm mắng mỏ khắp nơi - họ không thể ngờ rằng trước và trên mọi nhu cầu của một khu phố thích nghi, trong đó có cơ man sách vở đủ loại để họ xem và tra cứu những chi tiết nào đó mà ngoài bút của các nhà văn đã để lại, những chi tiết ấy được cẩn trọng lưu giữ trong trí nhớ của nhiều người - nên người viết lịch sử không muốn công trình của họ mang nhiều điều khiêm khuyết xét ra có thể tránh được một cách dễ dàng.

PLUTARQUE

Với ai muốn viết về cuộc đời Tôn Dật Tiên, Honolulu là nơi khả dĩ cung cấp đầy đủ tài liệu hơn cả. Trong thư mục của thư viện Hawai, người ta tìm thấy tới 600 nhan sách dưới đề mục "Trung Hoa", hơn nữa tại Honolulu hiện còn sống nhiều người mà ký ức đáng được tin cậy qua sự am hiểu của họ về Tôn Dật Tiên, từ áu thời cho đến cái chết của ông.

H.B.RESTARICK

## TRƯỚC KHI VÀO ĐỀ

Sách này viết ra với lòng ham thích giới thiệu một thán sú xác thực của Tôn Đật Tiên, từ buổi sơ sinh và tuổi trẻ cho đến ngày chung cục của đời sống khác thường và hiệu động của ông. Tất cả những sách gần đây ở Trung Hoa đều có đề cập đến ông; song những thám cứu về những năm đầu của đời ông, bằng phương pháp thông thường, hầu hết đều kỳ bí, thiếu chính xác và đáng nghi ngờ. Những sách viết cẩn kẽ đời ông cũng chưa đựng nhiều sai lầm không kém phần kỳ dị, chứng tỏ sự thiếu sót tư liệu, đôi khi, hiển nhiên khiến các nhà văn làm ngơ một cách có chủ ý. Mục đích thiêng thuật sự này nhằm rọi một tia sáng mới mẻ vào cuộc đời của ông, nhất là vào những thời kỳ khởi đầu.

Trong hai mươi tám năm, tôi quen biết mặt thiết nhiều người Trung Hoa sống cạnh Tôn Đật Tiên, từ lúc ông này còn trẻ tuổi cho đến khi chết. Nhiều người này lấy làm tiếc thấy xuất hiện nhiều kỷ sự sai lầm trong những sách dành cho người ban và cũng là nhà anh hùng của họ. Vài người đến tìm tôi và nói rằng,

bác sĩ Tôn nay đã chết, họ rất muốn trao cho tôi các chứng liệu mà họ đã từng nhiều lần từ chối trao cho những người đến phỏng vấn họ. Họ tin tưởng thời gian rồi ra sẽ đem lại sự thật và họ yêu cầu tôi viết về Tôn Đạt Tiên.

Công việc không phải dễ dàng. Khó mà nắm cho được những niên biểu chính xác. Chẳng còn một dòng chữ nào liên hệ đến thời tuổi trẻ của ông, cũng như tuyệt nhiên không một thư tín nào được lưu giữ để đánh dấu quãng đời cấp sách, cả đến những ngày hoạt động, dù chỉ một vài nét trong suốt thời bôn túa của ông. Thành ra, tài liệu truyền miệng được kiểm xét qua nhiều nhân chứng, kèm theo sự săn sóc chu đáo có thể có, cũng bảo đảm được sự chính xác.

Một phần lớn những gì tôi viết trong sách này đều chưa hề được công bố. Có khá nhiều sự việc mà những bạn Trung Hoa của tôi không muốn thấy in ra, nhưng tôi nói với họ rằng chính đây là một đặc sỹ của Tôn Đạt Tiên dành cho, chứ không phải về với tôi điểm như huyền thoại, mà cốt để giới thiệu một người như là : một sinh vật với những cái xấu cùng những cái tốt của nó.

Trước khi quyết định làm công việc này, tôi có viết thư cho Tôn Khoa (Sun Fo), con trai của Tôn Dật Tiên, xin ông những tài liệu liên quan đến thân phụ ông. Ông đã trả lời tôi như sau:

Văn phòng Cao Ủy  
Quảng Châu, ngày 26.7.1926

Giám mục Henri B. Restarick

1715 Anapuni Street

Honolulu, Hawai

Thân kính Ngài,

Thư Ngài đề ngày 14 tháng 4 làm tôi lưu tâm rất nhiều. Tôi vui sướng biết Ngài hiện lưu giữ được khá nhiều điều bổ ích về đời sống của cha tôi, Tôn Dật Tiên, để có dịp chuyên tâm ra công viết về Người.

Các tác giả, ngay cả người ngoài quốc hơn là người Trung Hoa, thường nghĩ rằng thật khó mà tìm cho được những nguồn tài liệu xác đáng, để viết tiểu sử đích thực của cha tôi, bởi vì sách vở hiện có đều hoàn toàn thiếu sót. Ít ra, Ngài cũng may mắn còn vắng tia nơi những người đứng đầu ở Honolulu, họ có thể cung cấp cho Ngài nhiều chứng liệu chính xác về buổi đầu thời cùng nhau trọn cả cuộc đời của cha tôi.

Tôi rất tiếc không có sẵn mấy tài liệu để giúp Ngài tham khảo, song tôi sẽ sung sướng giải đáp đầy đủ, những gì có

thể được, các câu hỏi Ngài đặt ra và sẽ sẵn lòng đọc bản thảo khi Ngài viết xong.

### *Chân thành dõi với Ngài*

Ký tên : Tôn Khoa

Trong thư gửi cho Tôn Khoa, tôi có dẫn rõ danh sách những người Trung Hoa sẵn lòng giúp tôi tài liệu về thân phụ ông, và Tôn Khoa trả lời rằng ông có biết những người này từ lâu, theo ông họ đều là những người chân thật và đáng tin cậy.

Sách này viết ra, không để bào chữa, cũng không phải để công kích chủ thuyết của Tôn Dật Tiên. Lại càng không phải là một cuốn sử ký Trung Hoa hay một cuốn sách kể những phong tục của dân tộc này, ở đây, những điều đó chỉ được ám chỉ khi cần đưa ra phán xét bằng nhận thức sáng suốt qua những biến cố. Đây là một tiêu sử thông thường của Tôn Dật Tiên "Nhà Cách mạng" hay, như người ta thường gọi ông là "Cha đẻ nền Cộng Hòa Trung Hoa".

Tôi mong mỗi bầy tôi niềm trí ân đối với những người sau đây, những người đã đem đến cho tôi sự giúp đỡ vô giá.

Luke Chan sinh cùng làng với Tôn Dật Tiên và là bạn thân thiết của gia đình ông này. Ông là người đại diện bác sĩ Tôn tại Honolulu, và, năm 1911, sống trong cùng một nhà với bác sĩ tại Nam Kinh (Nankin) khi ông này từ bỏ chức vị tổng thống lui về. Ông Chan là một trí thức Trung Hoa và một giáo đồ của Khổng Tử. Ông có đứng quyền sáng lập một thương cuộc Hoa Kỳ to lớn tại Honolulu trong nhiều năm.

Chang Chau là đồng chí của Tôn Dật Tiên và từng theo ông này trong hai lần bôn đảo. Ông hiện là một vị chưởng khế ở Hawaï và là một nhà doanh nghiệp tài mẫn.

Chang Kun Ai, thường gọi là C.K.Ai, là bạn học trường làng với Tôn Dật Tiên, người bạn chung thủy và là cố vấn cho bác sĩ Tôn. Ông hiện là nhà kinh doanh ở Honolulu, làm ăn phát đạt và được mọi người kính trọng.

Ho Fon chủ tọa lần họp đầu tiên của các nhà cách mạng, diễn ra tại Honolulu và sống liền bên cạnh Tôn Dật Tiên cho đến khi ông này chết đi. Ông là nhân viên của một ngân hàng Hoa Kỳ tại Honolulu trong 30 năm.

Tong Phong làm lễ rửa tội cùng lúc với Tôn Dật Tiên ở Hồng Kông và là bạn thiết của ông này. Hiện ông ta làm giám đốc ngân hàng Trung-Mỹ ( sino-américaine) ở Honolulu.

Bác sĩ Mon Fa Chung là một nhà khoa bảng của trường Đại học Y - Được Havard, có mặt ở Bắc Kinh (Pékin) khi Tôn Dật Tiên mất. Ông từng tham dự cuộc khám nghiệm cho bác sĩ Tôn tại viện điều dưỡng Bắc Kinh, vào đúng lúc trước khi ông này chết.

Bác sĩ H.N.Kinnear cùng vợ sinh sống ở miền nam Trung Hoa trái 40 năm. Bác sĩ Tôn, một đôi khi, từng là thân chủ của bác sĩ Kinnear.

Tôi cũng còn mối nợ với Shao Chang Lee, giáo sư ngôn ngữ và văn chương Trung Hoa tại trường đại học Hawaï, về sự đóng góp khả ái của ông trong công trình phiên dịch những tài liệu cùng những chỉ dẫn từ nguyên của ngữ nghĩa Trung Hoa.

Năm trong số các người nói trên đây đã đọc trọn hết bản thảo, những người khác chỉ đọc vài phần mà những nhuận chính và lời khích lệ của họ là phần thường lớn lao cho tôi.

Việc chép danh tánh Trung Hoa, cái họ dùng trước thay luôn luôn được giữ lại, còn hai chữ đặt nối theo sau họ tánh nhiều khi có thể thay đổi. Tôi có đem trường hợp này ra chất chính những người Trung Hoa thành thạo, thì được biết họ ua viết bằng chữ hoa khởi đầu cho mỗi chữ, không dùng dấu ngang nối, lấy lý rằng mỗi chữ có một nghĩa riêng biệt và không liên quan đến những chữ khác. Vậy, tốt hơn hết, nay chịu theo sở thích người Trung Hoa trong sự nêu danh tánh trong sách này, thay vì dùng hình thức quen thuộc với dấu ngang nối giữa những chữ như Tôn-Dật-Tiên thì xin viết là Tôn Dật Tiên.

Honolulu, Hawai

1932

H.B. Restarick

## CHƯƠNG I

### NGÔI SINH CỦA TÔN ĐẠT TIỀN

#### Tuổi thơ và tên lúc còn nhỏ : Đề Tượng

Những năm tháng khởi đầu của đời người thường là yếu tố quyết định vận mệnh của họ sau này; nơi sinh, dòng dõi, thân thích và nền giáo dục luôn luôn có một ảnh hưởng lớn lao đến sự thăng tiến của họ.

Tôn Đạt Tiên, người hiển nhiên được gọi là nhà cách mạng, sinh tại làng Thúy Hanh (Choy Hung), thủ phủ Quảng Châu, Trung Quốc. Làng này xa Quảng Châu chừng bốn mươi dặm, cách cửa sông Châu giang (Riviere des Perles) không bao xa. Năm sinh của ông bị thay đổi theo ngòi bút các nhà văn, nhưng chính ra là năm 1866, ngày 2 tháng 11. Số đó có những sai biệt về năm sinh là do bởi người biên chép, không chút may mắn hò nghi, thường ghi theo cách tính Trung Hoa, nó không giống như cách tính của chúng ta\*. Tí dụ một đứa trẻ sinh nhầm ngày mồng một Tết nguyên đán Trung Hoa, người ta bảo nó đã được một tuổi; cũng vậy, nếu đứa trẻ ra đời

\* theo cách tính tuổi theo phương Tây (người dịch chú tước)

sau dịp Tết ấy, nhưng thời gian còn thuộc con trăng của tháng Tết, thì sự sai thù vẫn là một năm trong phép tính tuổi giữa họ và ta\*. Do có những sai lầm chung về ngày tháng như thế, nay, tôi hơn là nên nghe theo những gì chính Tôn Đạt Tiên nói ra.

Vào lê sinh nhật cuối cùng của ông tại Quảng Châu, ít lâu trước khi chết, ông có mời một số bạn bè đến dự tiệc. Trong những người này có Eugène Chen là bí thư trong ba năm cuối của đời ông. Ông Chen có viết \*\* :

Bữa tiệc hôm ấy, để trả lời cho một câu hỏi, bác sĩ Tôn đã thô lỗ rằng, theo cách tính ngoại quốc thì đến ngày hôm ấy ông được năm mươi tam tuổi, sinh tại Thúy Hành, thủ phủ Quảng Châu, ngày 2 tháng 11 năm 1866, nhằm ngày 25 tháng 9 năm thứ V đời vua Đồng Tri (Tung Tai).

Tên thân phụ là Tôn Đạt Thành (Sun Tat Sung); Tôn là chữ ho mà theo tục lệ Trung Hoa để lên hàng đầu. Ông cu, một nhà nông, không là chủ diền mà phải cày thuê, hàng năm đóng mất gần nửa số hoa lợi

\* phép tính tuổi giữa người Trung Quốc và người Anh (nđc)

\*\* Trong một cuộc trao đổi thư từ với báo chí ở Thượng Hải : tờ The China Press.

thu được cho chú ruộng. Nhà ông cũ, như phần  
nhiều nhà khác trong làng, xây bằng đất bùn và vôi  
đá trộn lân râm rạ, một thứ vật liệu không kèm rắn  
chắc, mái và râm nhà lớp ngoài. Ánh sáng và khí trời  
xuyên qua những cánh cửa làm bằng những liếp gỗ có  
thể đóng lại khi trời lạnh hoặc nổi gió. Đồ đạc sơ sài,  
gồm một cái bàn, mấy chiếc ghế và vài cái giường gỗ,  
người Trung Hoa không ngồi và ngủ trên sàn gỗ như  
người Nhật Bản. Thế đó, những người biết về nhà của  
ông chỉ có thể mô tả được ngắn ấy.

Chính trong căn nhà đó, đứa bé chào đời mà tên  
tuổi sau này được toàn thế giới biết đến như là  
nguyên động lực chính khả dĩ lôi kéo được Trung Hoa  
ra khỏi cơn hôn mê hủ lâu.

Thân mẫu ông có đôi chân bé nhở vì là người bón  
địa (Punti), và, do đó, bà nhìn lên những người dân  
bà ngoại tộc (hakka<sup>2</sup>) hầu như chẳng có ai bỏ chân cá;  
trải nhiều năm, chủng tộc này từ phía bắc tràn xuống  
và chiếm đất dai thuộc vùng Quang Đông (Kouang  
toung). Họ nói bằng một thô ngữ riêng.

<sup>2</sup> hakka : khách gia, một chủng tộc ở Trung nguyên tràn xuống  
chiếm cứ vùng Quang Đông (nyc).

Khi bà sinh đứa bé, ngày 2 tháng 11 năm 1866, theo tục lệ, người ta đặt ngay cho nó một cái tên quai nón. Tên ấy, hoặc thường mang nghĩa một sự chúc tung cho tương lai đứa trẻ, hoặc đặt ra do từ một việc ngẫu nhiên liên quan đến sự sinh nở hay trước thời kỳ làm sản.

Nhiều tên được đề nghị, song người mẹ nản nài để bà gọi nó là Đề Tương (Tai Cheong) và chính bởi tên này mà, dưới mái nhà và ngôi trường làng, tương lai Tôn Dật Tiên thể hiện rõ ràng trong suốt thời hoa niên của ông. Cái lý lẽ khiến người mẹ chọn tên ấy, bà có cho biết vào năm 1896 tại Honolulu, nơi bà đặt chân đến sau lần thất bại mưu đồ đầu tiên của Tôn trong cuộc khởi nghĩa năm 1895. Trốn sang Hồng Kông với người vợ và ba đứa con của bác sĩ Tôn, bà rất đỗi lo sợ nhà đương quyền đuổi bắt và trả thù đỗi với thân thích kể phiến loạn. Bà trở nên góa bụa và muôn sang Hawaï, nơi người con trai trưởng - Ah Mi - đang có một cơ sở làm ăn thịnh vượng. Vào thời kỳ này, Luke Chan, một người bạn xưa, được gia đình Tôn ủy thác trở về Trung Hoa để đem vợ Tôn qua Honolulu.

Khi lên bến tàu, vợ con bác sĩ Tôn về ở tạm nơi nhà ban bè của ông ta, và tại đây họ được săn sóc cho tới

khi họ có thể đặt chân lên đảo Maui, nơi Ah Mi đang sinh sống. Người mẹ góa rất nán lòng trước nỗi tha hương, xa mái nhà cũ kỹ, và thường thương, bàng thó ngứ, bà theo dòng ý nghĩ mà phiền hà : "Ôi! Đề Tượng ! Tại sao mày đem khôn dôn vào cho gia đình ? Tại sao mày không sống yên lành ở Thúy Hanh mà lại đi rước lấy phiền não?"

Thường nghe bà nói như vậy, Chang Chau, một người thân thích, hỏi vì lẽ gì bà cứ tiếp tục gọi con là Đề Tượng, một cái tên ông ta chưa hề nghe tái từ trước ngày. Bà bèn kể :

Chừng một tháng trước ngày sinh Đạt Tiên, tôi một thấy một diêm bắt tôi nghỉ khá nhiều. Vì thần to lớn Bắc Đề (Buck Dai) hiện đến trước tôi. Tóc thần rụt xuống như những lúc chúng ta đẻ tang. Thần khóc và nhìn sang tôi ra chiêu giận dữ. Khi tỉnh giấc, tôi thầm nghĩ là thần e ngại rằng đứa trẻ tôi sắp sinh ra dài báo hiệu điều không may. Lúc sinh đứa bé tôi chọn tên Đề Tượng, và tôi gọi nó luôn như vậy, thật rồi nó vận vào số mệnh thiêng bê khiên cho gia đình gặp mãi những khó khăn. Ôi ! Đề Tượng ! Mày chọn chủ con đường lẹ tung áy !

Những duyên có ta thân của người mẹ đòi hỏi một sự giải thích. Đề hiểu ý nghĩa những chữ hợp thành

tên đứa nhỏ, một người Trung Hoa phải xem xét những tự dạng để gợi ý. Đọc những tự dạng đó trong tóc phả, nhà trí thức nhận ngay được ý nghĩa của nó. Đề tả Trời, và Tương, cùng nghĩa tương tự, nói ý kể thừa mệnh.

Thần hiện ra trong giấc mộng của người mẹ là ngôi tượng chính giữa trong số ba vị thờ ở ngôi dinh làng, tôn danh là Bác Đề. Trong giấc mộng, tóc thần buông dài trên khuôn mặt. Khi đặt tên cho con, người mẹ tỏ lòng dang cung nó cho thần sai bảo. Ấy thế mà khi lớn lên, đứa bé đó đã bài xích thần bằng một hành động đáng ghi nhớ.

Tuổi thơ Đề Tương cũng như tất cả trăm ngàn trẻ con Trung Hoa. Thủ Hành là làng tiêu biểu Trung Hoa có khoảng 500 dân. Trẻ nhỏ ở đây đều ham học, chúng thường thích những dân làng đất đền trường dưới sự bảo bọc của họ. Trong một miền mà hết chín phần mười mù chữ, đây quả thật là điều đáng lưu ý. Nhưng lạ hơn nữa là, trái với tục lệ thường có, con gái cũng được đi học như con trai, nếu cha mẹ chúng thuận cho.

Vào thời Đề Tương cấp sách đến trường, thầy dạy là một trí thức Trung Hoa thuần túy. Bài học vỡ lòng

của học trò, bằng phương pháp giảng dạy có diển, diễn ra trong tiếng é a, và từng trò một đọc bài, lung quay lại phía ông thầy. Chúng chỉ đọc âm những chữ mà mai về sau mới hiểu được nghĩa. Chúng không học những gì thuộc về thế giới bên ngoài cũng như những gì là tân tiến. Mùa hè, trường khởi dạy từ 6 giờ sáng và tiếp tục cho đến 5 giờ chiều, không mấy lúc nghỉ ngơi, ngoại trừ một vài ngày vào dịp năm mới.

Ngày Đế Tượng rời ngôi trường làng, cậu độ mươi ba tuổi và biết gần 3000 mặt chữ. Cậu không hề thích đến học một trường Trung Hoa nào khác và rời chặng bao giờ trót nên một đại trí thức Trung Hoa, dù rằng cậu rất chăm chỉ, ham tiếp nhận kiến thức của nhiều thứ tiếng khác, lúc lớn lên.

Thời đó, tuyệt nhiên không thấy Hội Truyền giáo Cơ Đốc tại Thúy Hanh, cho nên cậu bé không có dịp học Anh ngữ ở đó.

Dân làng hầu hết theo Khổng giáo : họ quy phục trong đền thánh và sùng kính những nơi thờ tự tổ tiên u trầm, vào những ngày lễ bái.

Điều này cần phải nói rõ bởi vì, trong một vài ấn phẩm, người ta đã gán cho ông thân sinh của cậu bé

là một đại diện của Giáo hội Thừa sai Luân Đôn (London Missionary Society) và rằng Đề Tương có học Anh ngữ tại quê nhà. Tôn Đạt Thành là một tín đồ Khổng giáo thuần thành, và vì thế rất lấy làm buồn khi con ông, vài năm sau ngày rời Trung Hoa, xin phép ông được rửa tội.

Chính do từ hành động ấy, người ta thường tìm thấy ở Tôn Đạt Tiên khởi lên những ý thức cách mạng. Ý thức đó, tất nhiên, ông chưa bao giờ áp dụng ở quê nhà. Song ở đây, ắt hẳn cậu bé đã nghe thấy một vài điều. Người Quảng Châu căm thù những kẻ thống trị Mãn Châu, coi họ như phuông soán vị, không phải là dòng giống Trung Hoa. Dân làng ngoại nói sự đó một cách công nhiên và những người tuổi tác cảnh cáo con cháu họ về sự không hay khi phải bộc lộ những ý nghĩ này; bởi xung quanh có lâm kẽ dò la. Thế nhưng cậu bé có nghe thuật lại cuộc khởi nghĩa của Thái Bình Thiên Quốc chấm dứt ít lâu trước ngày cậu chào đời và trong cuộc đụ kháng ấy, khá đông người Quảng Châu tham gia và bị liên lụy.

Vào lúc Đề Tương độ mười ba tuổi thì người anh cả, Ah Mi, đang xoay xở tại đảo Hawaï, viết thư về cho cha thúc giục ông cự gối người con trai thiêng qua

Honolulu. Ah Mi là một người gan dạ, tinh thía sự lợi ích của một nền giáo dục tân tiến, và ông doan chắc rằng em ông sẽ được theo đuổi nền giáo dục ấy nếu nó chui sang với ông. Như nhiều người đến Hawai thời ấy, việc gởi Đệ Tượng sang đây không có gì khó khăn lắm. Nhưng ai đã đến đó, có thiêng gì chuyện để kể; và như những người khác, Tôn Đạt Thành coi Hawai là một mảnh đất thích hợp. Ông đồng ý gởi ngay Đệ Tượng sang với anh nó.

Câu chuyện sẽ không dày đủ nếu người ta không ghi chép thêm câu chuyện bìa đặt thường được nhắc đi nhắc lại trong các sách báo, theo đó Tôn Đạt Tiên đã sinh ở Hawai và làm công dân Hoa Kỳ.

Thời đó, Hiệp-Chủng-Quốc thôn tính lãnh thổ bằng hiệp ước "Cộng Hòa Hawai", cuộc tổ chức bầu cử Quốc hội năm 1898 vạch ra những điều khoản: những ai sinh tại Hawai trước ngày nói trên đều được công nhận là công dân Hoa Kỳ.

Trở lại câu chuyện, tại sao lại có việc biên chép là Tôn Đạt Tiên sinh ở Hawai? Câu trả lời khá dễ dàng. Năm 1904, Tôn Đạt Tiên có xin một giấy chứng nhận theo do ông sinh tại Hawai. Những người cao niên

Trung Hoa ở Honolulu thời đó biết ông khai man; nhưng, vì lòng ái mộ đối với bác sĩ Tân, hơn nữa họ cũng hiểu rằng, trong những chuyên xe dịch, ông ta gởi cả tính mệnh vào hiểm nguy, nên họ quyết làm thịnh.

Một bản sao Giấy khai sinh cấp như sau :

### TÒ KHAI SINH TẠI HAWAII

#### Tôn Đạt Tiên

Lãnh thổ Hawaii

Đảo Oahu

Tôi, Tôn Đạt Tiên, trước hết đương nhiên tuyên thệ, lấy danh dự khai rắng, tôi sinh tại Waimanu, Ewa, Oahu ngày 24 tháng 11 năm 1870, là y sĩ, ghiệm hành nghề ở Kula và cư trú tại đó; cha tôi, Tôn Đạt Thành, di Trung Hoa năm 1874, chết tại đó năm năm sau. Tôi làm tờ khai danh dự này với mục đích đóng hóa quốc tịch, và mảnh khắc làm bằng cứ cho sinh quán Hawaï của tôi. Tấm ảnh định kèm theo đây là bản chụp lại đích thực của tôi thời ấy.

Ký tên : Tôn Đạt Tiên

Viết tờ khai và tuyên thệ

Trước mặt chúng tôi

Ngày 9 tháng 3 A.D. 1904

(Đầu) Ký tên : Kate Kelly

Chitóng khé, để I lánh vực Pháp lý, lãnh thổ Hawaï

Chứng thực sau khi thẩm xét kỹ lưỡng những lời khai trên dây và chấp nhận sự xác đáng của dung mạo tẩm ảnh đính kèm cùng chữ ký do chính tay đương sự thủ ký.

Ký tên : A.L.C. ATKINSON

Lãnh thổ Hawai

Tòa Đốc Lý TRUYỀN RAO CHO NGƯỜI XIN GIẤY NÀY

Chứng nhận Tôn Dật Tiên, hiện cư trú tại Kula, Maui, T.H, mang chữ ký sau đây, có vào đơn số 25 để xin một giấy khai sinh.

Qua những lời khai của đương sự đã được tuyên thệ cùng bằng cử do các nhân chứng mang kai, thì quả đương sự sinh tại đảo Hawai, ngày 24.11.A.D.1870 và tấm ảnh đính kèm là một trình chứng của chính đương sự thời đó.

Chứng thực sự việc, Đốc Lý lãnh thổ ký tên và đóng dấu hợp lệ.

Ký tên : A.L.C. ATKINSON

Làm tại Honolulu, ngày 14 tháng 5 năm 1904

Chữ ký của Tôn Dật Tiên

Ký tên : Tôn Dật Tiên

Ông Atkinson hết sức tin chắc vào những lời khai của Tôn Dật Tiên, nhưng ông đã bị đánh lửa. Trước ngày chết ít lâu, ông có viết :

Nhưng gì Ngài [Restarick] nói về bác sĩ Tôn làm tôi lưu tâm rất nhiều. Khi còn làm Đốc Lý tôi có cấp cho ông ấy một giấy khai sinh. Từ thân, tôi đã để nhiều sai lầm trọng vi bằng hộ tịch của ông ta. Bằng chứng mang tôi vào phòng Đốc Lý hỏi dò - khi chung thư khai sinh đã được cấp phát - không có gì khác ngoài chứng từ độc nhất tôi phải có để lưu trong hồ sơ hộ tịch của ông ấy. Lúc đó, tôi cần kê dặt nhiều câu hỏi, nhưng rồi thỏa mãn những bằng chứng và cấp cho ông ấy giấy chứng nhận.

Nhìn vào những sự việc trên đây, nay chúng ta lấy trí phán đoán mà thấy rằng, khi Tôn Dật Tiên vớ được giấy chứng nhận, ông đã là người tị nạn từ Trung Hoa sang và mòn tiền thường nửa triệu mỹ kim đang treo lủng lẳng trên đầu ông. Ông vừa đến thăm người anh trên đảo Maui và sửa soạn sang Hiệp-Chung-Quốc. Thám tử búa vây cùng khắp đồng thời có nhiều ám mưu bắt cóc ông. Ông muốn đi lại mà không phải e ngại gì cả để thúc đẩy công cuộc cách mạng và để bảo toàn sinh lực ngõ hầu tiếp tục vận động sự ủng hộ. Điều này, ông chỉ có thể hành động tự do hơn khi làm công dân Hoa Kỳ hơn là công dân của đế quyền Trung Hoa. Phản bác sĩ Tôn, đây hẳn là một thử thách đấu tranh. Phản hạnh ông có một vài điểm bản chất khác với phản hạnh các nhà ngoại giao vì ở

những người này thường thấy thiêu đat tới những mục tiêu của họ, hoặc út ra cũng kém tệ hơn những lời láo khốc hô hào trong trận đại thê chiến, điều này, đúng hay không, xin dành quyền độc giả phán xét.

Việc tư khai lấy giấy khai sinh, tôi nghĩ rằng ông và những người bạn của ông đã thoát những lời thề giả dối, song họ có lý phân nào như đại úy hải quân O'Brien - qua lời khuyên nhân vật Peter le Simple - trong cuốn tiểu thuyết "Đại úy Marryat", trong đó tác giả viết :

Tôi chỉ biết một trường hợp mà lời nói dối có thể tha thứ, ấy là lúc anh muốn đánh lừa một kẻ thù. Thế thì sự mệnh danh với tổ quốc cho phép anh nói dối cho tới khi đến thời cả xấu hổ, và cứ lấy cái lý ấy, dù có phải ngược với bản chất của anh, nó cũng trở thành một đức cao quý vậy.

**CHƯƠNG II**  
**TẠI HAWAII**  
**Dời học sinh của Đế Tương**  
**(sau đổi là Tân Đất Tiên)**  
**Theo đạo Cơ Đốc**

Đảo Sandwich mà người ta cho là nhóm đảo thuộc Hawaii, từ lâu rất được người Trung Hoa biết đến, kể từ sau cuộc khám phá của đại úy Cook vào năm 1778.

Theo chán cuộc khám phá đó, việc buôn bán những bộ lông thú bắt đầu diễn ra giữa bờ tây-bắc Hoa Kỳ và Quảng Châu, trong đó người Hoa Kỳ và người Hồng Mao độc chiếm thị trường. Các tàu buôn qua lại quãng đường biển nói trên, thường ghé lại đảo Sandwich để tiếp nhận đồ dự trữ, mãi tới khi người ta tìm ra nơi đây có gỗ đàn hương (bois de santal), một thương vụ kinh sủ mỏ lòi bành trướng cho việc chuyên chở gỗ ấy sang Trung Hoa. Chính nguồn lợi này đã lôi cuốn nhiều người Trung Hoa tìm tới đảo mà họ mệnh danh là "Đảo Đàm Hương", một danh xưng họ từ Trung Hoa sang.

Vào đầu nửa thế kỷ trước, chỉ số ít người Trung Hoa cư ngụ trên đảo Hawaii, nhưng kể từ năm 1876,

họ dỗ sang đây khả dông. Rồi thì hiệp ước bang giao giữa Hiệp Chung-Quốc và Hawai được ký kết, dẫn tới việc phát triển nhanh chóng kỹ nghệ làm đường (*l'industrie sucrière*). Theo sau đó, vấn đề nhân công đòi hỏi nhà cầm quyền Hawai gửi đại diện đến Quảng Châu để mua phu theo chế độ khé ước. Nhiều phu phái trả lây tiền tàu và gửi cá tự do của đời họ vào việc đăng tuyển. Trong số này có Ah Mi, người anh cá của Tôn Dật Tiên, vừa sau khi đặt chân tới, đã ra sức canh tác trên đảo Oahu, gần Honolulu.

Người anh trưởng, Trung Hoa gọi là đại ca (Da Ko), có một uy quyền gần như quyền của cha. Khi đưa em trai kế Đê Tương tới Honolulu, Ah Mi dành toàn quyền chỉ định gửi em ông vào một trường nào đó mà nó có thể theo học Anh ngữ, bởi ông thừa hiểu rằng tại Hawai, mọi công việc quan trọng đều được dùng bằng thứ ngôn ngữ ấy thôi. Một ký túc xá sẽ tiện lợi biết mấy, vì ở trong đó, cậu em trai đời Anh ngữ có phần nhanh chóng hơn nhiều.

Thời đó, nhà trường chỉ thâu nhận một số giới hạn học sinh Trung Hhoa. Đê Tương được giám mục bè trên Alfred Willis tại nhà thờ Hồng Mao hướng dẫn và cậu được xếp vào cùng lớp với những trẻ con nhà thương lưu học danh tiếng ở Hawai. Danh hiệu nhà trường - Iolani - do chính vua Kamehameha đệ V đặt cho, vì chính nhà vua cũng có góp phần vào những

tiên bộ của ngôi giáo đường mà vương huynh Kamehameha đệ IV đã cho khai lập tại Hawai năm 1862.

Ah Mi xin với giám mục cho Đế Tương vào nội trú trường Iolani, sau vụ hè năm 1879. Lúc đó, cậu Tương không biết một tiếng Anh nào cả; điều này bạn bè của cậu sau này đều xác nhận như vậy. Cậu là một trong số năm trẻ con Trung Hoa theo học tại trường Iolani, cả năm trẻ đều tóc bím đuôi sam và gân như, trong suốt thời gian tòng học ở trường, bao giờ cũng bím như thế. Thầy dạy vỗ lòng Anh ngữ cho Đế Tương là một người Hawai, tên Solomon Meheula, sinh trưởng tại đây và hiện tôi cũng có quen biết ông ta. Thầy giáo, trừ vị người Hawai kia ra, còn đều là người Hồng Mao mà giám mục Willis mời đến để giúp ông trong trách. Trong trường này, Đế Tương đã trải gần sáu năm học, giữa thời kỳ cậu bước vào tuổi thành niên.

Có người, vì hâm hố muốn chứng minh rằng khu sống tại Hawai, cậu bé đã thám nhiệm tư tưởng Cộng Hòa, mà cho rằng các thầy dạy của Đế Tương là người Hoa Kỳ, do đó cậu chịu ảnh hưởng của những người ấy.

Thật không có gì xa sự thật cho bằng. Tất cả khung cảnh nhà trường Iolani đều bao phủ sáu dặm bầu không khí Hồng Mao. Giám mục Willis cũng như các giáo viên đều sinh trưởng và hấp thu thâm thúy nền học thuật Hồng Mao, họ giảng dạy lịch sử Anh

quốc thay vì lịch sử Hoa Kỳ. Cố nhiên là nhà trường hoàn toàn Hồng Mao chứ không chỉ riêng cái văn phong trong các bài vở, toán học cũng không hề dùng đến bản vị Mỹ kim mà được tính bằng đơn vị Anh kim. Người ta giảng dạy từ những đặc tính thông thường của người Hồng Mao và, ở các lớp cao, có xen lẫn một ít ngôn ngữ la tinh.

Là học sinh nội trú, Đề Tương ít có thể thăm hỏi những người bên ngoài, nói chi tới sự tiếp xúc giới hạn giữa cậu với những người Hoa Kỳ. Dương thời, Hawa sống dưới một chế độ quản chế mà các nhà giáo dục và người bản xứ hợp với học sinh tạo thành khối kín trung thành với ngôi vua.

Thật ra, ảnh hưởng Hoa Kỳ bành trướng nhanh chóng kể từ lúc các nhà truyền giáo của Giáo hội Hoa Kỳ (Congrégation américaine) du nhập vào Hawa năm 1820, và trở nên có thế lực trên đảo. Nhưng, vào thời Đề Tương tòng học tại trường Iolani thì nơi đây đã có một phe phái Hồng Mao mạnh mẽ. Nhiều công dân Anh có doanh nghiệp quan trọng trên đảo. Ở đây, trong số những người Hawa, cũng có một phe cánh thân Hồng Mao, thỏa hiệp với những người này để chống lại bất cứ mưu toan nào - theo họ nghĩ - sẽ phái dân tối việc Hiệp-Chủng-Quốc thôn tính Hawa trong nay mai. Giám mục Hồng Mao là người phát ngôn của những kẻ chống đối lại sự người Hoa Kỳ xâm nhập

Hawai, và Iolani trở thành trung tâm ánh hường Hồng Mao.

Tôi nhấn mạnh những sự kiện trên đây bởi vì người ta thường khẳng định hay mặc tình loan truyền rằng Tôn Dật Tiên được truyền thụ những nguyên tắc Cộng Hòa, trong thời gian ông cư ngụ tại Hawai. Khi bác sĩ Tôn trở nên lừng danh, giám mục Willis viết về việc này trong nội san giáo khu (revue diocésaine) năm 1896, như sau :

Người ta có thể nhớ rằng, dài học sinh của Đề Tướng không có một chứng tỏ nào cho hậu vận của ông sau này. Ông không để lại một lưu niệm nào về những âm mưu ngầm ngần; chẳng tại nhà đương quyền. Và, nhất quyết, không thể có ai giá thiết rằng - tại Iolani □ ông được truyền thụ đến ham mê một mô thức cho một thế chế Cộng Hòa, hoặc ít nữa, ông cũng thích cài biến cuộc cách mạng Trung Hoa rập theo khuôn thước nền Cộng Hòa Hawai, vào lúc đó, vẫn chưa được hình thành tại xứ này.

Nêu lên câu sau cùng của đoạn trích dẫn trên đây cốt để nhắc rằng, tới ngày 4 tháng 7 năm 1894, nền Cộng Hòa Hawai mới được thành lập, và chính do đó, bằng lời lẽ và ngòi bút, giám mục Willis đã tạo ra một thế đối lập gắt gao. Giám mục cương quyết xác định Lilinokalani vẫn là vị quyền chúa và tó thá dô sẵn sàng gánh chịu sự thù hận của người Hoa Kỳ.

It ra, con người trẻ tuổi Trung Hoa của chúng ta nếu không sở dĩ đặc về những nguyên tắc Cộng Hòa ở

Iolani, ông cũng đã học hỏi ở đó điều gì là một chính phủ lập hiến, cái đặc ân mà Hawai thật sự thu hưởng kể từ năm 1839. Ở đó, ông ta hẳn phải hấp thụ tư tưởng chung tộc anglo-saxon về tự do và công bằng, vì, qua nhiều năm dài, người Hoa Kỳ và người Hồng Mao đều đã là những cố vấn cho người Hawai. Ông lại cũng nghe anh ông và những người khác nói đến cách thức theo đó công lý được tổ chức bằng nền hành chánh tư pháp thể hiện rất tốt đẹp ở Hawai. Ông hẳn phải thấy rằng con người lao tác có được cái may mắn cái thiêng cảnh đài của họ và không bị nhà cầm quyền bóc lột tại tức trên sức lao động của họ. Trí óc non nớt của ông hẳn phải dao động trước chế độ tư hữu của một xứ mà đời sống và cơ nghiệp được bảo đảm và người dân không phải thường xuyên sợ hãi nhà cầm quyền không may thương xót đối với những ai toan hy vọng cái tiền thân phán của họ. Sau gần sáu năm sống tại Hawai để rồi đến lúc đặt chân về xứ sở năm 1885, hẳn ông phải quan sát sự khác biệt giữa Hawai và Trung Hoa. Ông không ngờ rằng, xuyên qua cái nhìn đó, cuộc sống ở Iolani đã tác động lớn lao đến đầu óc của ông.

Những người, từng là sinh viên của trường Iolani khi Tân Đạt Tiên còn tòng học ở đây, nay đều không nhớ hoặc lưu tâm tí gì về sự việc này cả. Họ bảo ông rất chăm học, nhưng đó là đặc tính chung của người

Trung Hoa theo học các trường Hoa Kỳ và Hồng Mao. Họ cũng bảo rằng ông rất giỏi toán học. Một người trong bọn họ có cho tác giả một điều lưu ý :

Nếu Tôn Dật Tiên có tiếp nhận chặng vài ý tưởng tranh đấu cho tự do khi còn học ở Iolani, đó là lúc ông đọc lịch sử nước Anh, sự biêt bách của vua Jean để có nền Đại Hiến chương (Grande Charte) và cuộc đấu tranh của Cromwell chống lại chính sách chuyên chế của vua Charles đệ I cùng sự phát triển của chính thể lập hiến ở Anh quốc.

Ai cũng công nhận rằng ông tiếp thu rất nhanh chóng một kiểu thức chuẩn xác về Anh ngữ. Mà nhanh chóng cũng phải, bởi vì ông chỉ nghe có mỗi thứ tiếng ấy nơi những bạn trẻ Hawaii, vì những người này không được phép nói tiếng mẹ đẻ của họ. Người Hawaii nào có một kiến thức Anh ngữ hoàn hảo, chắc chắn tìm được việc làm và không thiếu gì sinh viên trở thành những viên chức quan trọng trong guồng máy chính quyền.

Đối với Tôn, việc trau dồi Anh ngữ đã được những tiến bộ vượt bậc, ngày 27 tháng 7 năm 1882, ông lãnh được phần thưởng hàng nhì về mòn văn phạm tiếng Anh do chính vua Kalakana trao tặng trong kỳ sát hạch cuối năm của nhà trường, và cùng đến tham dự lễ phát phần thưởng với nhà vua có chí vua là công chúa Liliuokalani và hoàng thái hậu Emma, góa phụ của vua Kamehameha đệ IV. Đó là một bước tiến lớn

lao đói với cậu bé mà, ba năm trước, cậu chưa biết một chữ Anh nào cả.

Mặc dù, trong suốt thời học sinh của Đề Tượng, không một người bạn nào giúp cậu nghe thấy về nhà cầm quyền Trung Hoa, song lúc đó cậu đã nuôi trong lòng cũng như trong đầu óc cái cách nhầm lẫn một mục đích quan trọng - không chút hờnghỉ gì nữa - có tác dụng mãnh liệt tới đời cách mạng của cậu sau này. Do sự tiếp xúc thường xuyên với những người Cơ Đốc và do nền học vấn tôn giáo định giới thuyết mà cậu đã lãnh hội cùng lúc với các bạn học, những nhân tố ấy giúp cậu hiểu rõ về sự ngu dai của việc sùng bái hình tượng. Nhờ đó, cậu tin rằng nhiều cố tục Trung Hoa còn là sự mê tín cũng như sự sợ hãi của những khôi óc kém lành mạnh chi phối các thời kỳ của đời người, từ sơ sinh cho đến khi chết, chí đến những lề lạc tang ma.

Cộng thêm vào nền học vấn tôn giáo, những người Trẻ tại Iotani còn bị bắt buộc tham dự lễ cầu kinh sám chiêu trong ngôi nhà thờ nhỏ của trường, và ngày chủ nhật, thi tất cả được hướng dẫn tới nhà thờ lớn Saint-André. Giám mục Willis cũng như bà Willis đều rất chăm sóc đến học sinh, dùng biếu trong phòng ăn với họ. Giám mục còn dạy cậu ta giáo lý Cơ Đốc nữa. Trong sự chung dung mệt thiết thường ngày với các giáo viên và bà hiệu trưởng, Đề Tượng không thể

không cảm kích trước sự dịu dàng và dễ mến của những người chăm nom cho cậu về thể xác lẫn linh hồn.

Cho nên, không lạ gì khi thấy cậu thăm nhiệm óc bài xích những mề tín sùng bái hình tượng, và chấp nhận lòng tin vào một vị Chúa duy nhất là Đức Chúa Trời. Điều đáng ghi là tất cả những người Trung Hoa theo học á Iolani thời ấy đều theo đạo cũ, và vài người, thời gian sau, còn đạt tới địa vị trưởng sở các nhà thờ ở Honolulu hoặc những nơi khác. Khi Đề Tương thấy các bạn học chuẩn bị làm lễ rửa tội, lê tự nhiên cậu cũng mong muốn vào đạo Cơ Đốc cung thể như chúng ban.

Cậu thắc thắc ngỏ ý cùng người anh rằng cậu đã chấp nhận lòng tin Chúa và muốn được rửa tội. Cậu nói về sự vô lý của việc sùng bái hình tượng và lấy làm buồn cười về những ông thần bếp mà anh cậu, như những người Trung Hoa khác, đặt thờ trong một cái trang á trong nhà. Ah Mì rất đỗi giận dữ, dèn độ phát cuội và đe dọa cậu bé. Ông ta tự trách đã gởi em vào một trường Cơ Đốc và tự nhủ rằng sẽ đem nó ra khỏi Iolani đồng thời sẽ gởi nó về xứ.

Giám mục Willis, ám chỉ điều này trong nội san giáo khu, có nói : "Cậu [Đề Tương] thụ giáo những chán lý đạo Cơ Đốc ở Iolani, nhưng không được những người thân thích ngoại đạo cho phép rửa tội".

Ah Mi, viết thư cho cha, kể những gì đã xảy ra và hỏi ấm cho biết rằng cậu thiếu niên phải được gởi ngay trở lại quê nhà ở Trung Hoa không thể châm trè. Lá thư báo : "Tao sẽ chỉ cho nó cái dở hơi của ông Chúa Jésus khi nó trở lại nhà. Nó sẽ biết tay tao nếu nó từ bỏ nền tin ngưỡng truyền thống của ông bà để tự ý chạy theo những điều tin nhám của bọn tà giáo ngoại đạo". Thế rồi Đệ Tượng rời Iolani và chuyển hỏi hương của cậu đã được sắp đặt đâu vào đây. Năm 1912, trên tạp chí Strand Magazine có xuất hiện một sự kiện, theo đó Tôn Đật Tiên đã làm một bản tranh thuật tai Luân Đôn vào năm 1911 và nói khá nhiều. Thật là mâu thuẫn với những sự việc đã có trong chương sách này cũng như khó tưởng tượng được rằng những lời trần thuật kia xuất phát từ ông ta, ấy thế mà người ta bảo ông đã xác nhận. Nếu người ta chịu khó hiểu rằng, khi ông bô công để khai trình những điều sai lầm như thế, chẳng qua ông muốn giẹp một lầm lẫn vào những kẻ khác. Phần đầu văn kiện ấy như vậy :

Dến năm 1885, tôi được mười tám tuổi, sống cuộc đời như bất cứ đứa trẻ Trung Hoa nào khác, trừ việc, tiếp theo sau sự tân tòng đạo Cơ Đốc và đăng tích vào Giáo hội Thiếu sai Luân Đôn của cha tôi, tôi có moi cơ hội để tiếp xúc với các vị thừa sai Hồng Môn và Hoa Kỳ ở Quảng Châu. Một bà phuêng người Anh đã thương tôi và dạy tôi nói tiếng Anh.

Lời chứng của những người Trung Hoa quen biết Tôn Dật Tiên từ tuổi thơ cho đến khi ông chết đi, lời khai minh bạch của các bạn học của ông ở Iolani, đều chứng tỏ câu chuyện thuật trên là hoàn toàn sai lầm. C.K.Ai, cũng đến trường một lúc với Đế Tương, nói rằng cậu bé không biết một chữ Anh nào vào thời đó. Người thầy dạy đầu tiên của cậu cũng cùng một lập luận như vậy.

Bạn bè ông bảo ông đã xác nhận những sự kiện đăng tải trên tờ *Strand Magazine*. Họ ghi nhận rằng ông đã không nói sai những niên biểu mà ông trải sống ở Honolulu. Nếu bác sĩ Tôn quá thật có khẳng định sự việc này, thi điều đó nhằm mục đích đánh lạc hướng người Hồng Mao về quãng đời niên thiếu của ông, đồng thời, mãi khác, cũng để thu phục cảm tình của những người Anh theo đạo Cơ Đốc. Ông muốn quần chúng nước Anh tin rằng buổi sơ khai của đời ông đã chịu ảnh hưởng bởi các thừa sai của họ, nhận thấy ông tạo được thể dựa cho những ý đồ cách mạng sau này. Dối suốt cuộc đời phi thường của ông, một điều hiển nhiên cho thấy rằng ông luôn luôn có gắng đóng vai trò lãnh nhận ý kiến của quần chúng; với ngày trước, như thể ai đó ông đã là thầy trong nghề thuật tuyên truyền rồi.

Cũng nên nhớ rằng người Trung Hoa rất bí mật về đời sống của họ và thường đánh lửa hẻ khác để cuối cùng khêu gợi hiếu kỳ nơi tha nhân. Ngitor nào vô doán Tôn Dật Tiên sinh tại Hawaii, sẽ phải tòm nghém họ nghĩ rằng duyên do ông gây nên chỉ nhằm thu hút những cảm tình ưu ái thời.

### CHƯƠNG III

#### DÉ TƯỢNG TRỞ LAI TRUNG HOA

Thách thức những tượng thần, bị đuổi khỏi làng

Về Trung Hoa bình yên vô sự, nhưng Đề Tượng đã không lưu lại lâu ở quê nhà. Ah Mi có tậu một mảnh đất ở Honolulu và, vì một lẽ nào đó, đã để em ông đứng tên. Khi bán, ông ta có gởi cho Đề Tượng vài chữ để người em trở sang Honolulu hầu có thể hoàn tất giấy tờ mua bán.

Đến Honolulu, hai anh em đã cãi vã dữ dội việc cũ là sự cài bô lòng tin của người em thù đối với các mục sư. Hậu quả là Ah Mi đã tống người em ra khỏi cửa.

Đề Tượng tìm đến ở nhờ nhà người bạn học cũ, C.K.Ai, Ai vừa đạt được một bước nhỏ trên đường làm ăn. Ai niềm nở đón tiếp người bạn trẻ và chia sẻ với ban cái ăn, chôn ở.

Đề Tượng quyết ý quay về Trung Hoa, nhưng cần phải xoay xở cho ra tiền để đi tàu. C.K.Ai biếu ông năm Mỹ kim, một người Trung Hoa cho thêm ít nhiều và ba người Hoa Kỳ khác săn lòng góp cho đủ số tiền vé để ông đến Hồng Kông. C.K.Ai chèo thuyền đưa bạn

ra tới tàu neo ở ngoài cảng, vì thời ấy lòng sông không đủ mực nước để một chiếc tàu lớn vào cửa được.

Đế Tượng về đến Trung Hoa vào khoảng giữa năm 1885. Với hiểu biết ở nước ngoài cùng những quan niệm nói về cuộc sống của Đế Tượng, bạn bè phải tự hỏi rằng cái gì đã ngẫu nhiên vào Tượng. Phải chăng là những truyền thống tín ngưỡng của dòng họ nhà cậu? Thế rồi một biến cố đã trả lời câu hỏi và cách thể hiện biến cố tự nó đã có tác dụng mạnh đến tương lai của Tượng.

Thật may mắn chúng ta có được mẫu chuyện hồi hương của cậu và những tình tiết nối tiếp trái ra do một người biết được chuyện xảy ra ở Thủy Hạnh thời đó, kể lại. Luke Chan đang là trẻ trong làng vào lúc Đế Tượng hồi hương. Đó là một người ban thám thiết của gia đình, về sau trở thành một đồng chí nhiệt thành của Tôn Dật Tiên. Những người khác cũng phụ họa câu chuyện.

Có những cãi cọ dữ dội trong gia đình họ Tôn, vì người cha là một đệ tử thám tin của cửa Khổng và theo lê làng - ông cũng thiết lập hàn thờ những hình tượng. Đế Tượng cầm bàng như chỉ tin vào một vị

Chúa duy nhất, kỳ du hình tượng đều là những đồ vật trong rỗng, nhưng ông thần dối hiện hữu một cách vô thường vô phai và chừng nào Trung Hoa không chịu từ bỏ các mê tín sùng bái hình tượng, thì chẳng có một tiên bộ nào có thể thực hiện cho tiền đồ dân tộc được. Người cha, tự thân, tin rằng Trung Hoa là một nước lâm lập quốc đã nhiều ngàn năm, không cần đến những thực nghiệm của ngoại giáo trên đất nước này, rằng Khổng tử là vị vạn thế sư biểu cũng như bao nhiêu vị thần khá phải được tôn kính, nếu không, nhiều tai ương giáng xuống xóm làng và xú sò.

Ở Trung Hoa, quyền của người cha quá không có giới hạn, cả đến quyền đánh chết một đứa con không vắng lời. Đề Tương được giáo hóa trong ý nghĩa đạo làm con ấy, đây là một trong ngũ thường của Khổng giáo có liên quan đến thuật xử thế. Nhưng ai hiểu người Trung Hoa, thấy biết bao nhiêu đứa con tôn kính và vắng lời cha mẹ, mới biết rằng nền giáo dục đó không thể nào sút me bởi những điều mới lạ hấp thụ nơi người Hoa Kỳ và những người châu Âu.

Đề Tương tuy đã ánh hưởng trên hành động có được ở nước ngoài, nhưng cậu không thể cưỡng lại lệnh cha và buộc lòng già bộ theo cha ra đình làng

thấp hương trước những tượng thần. Câu nói với bạn bè rằng cậu chẳng khác nào Naaman phải nêu lòng minh trước thần Rimmon mà không cần hiểu ý nghĩa gì cả.

Thời đó, một người đặc biệt tên Lục Hao Đông (Luke Ho Tung) tới Thúy Hạnh, đã gieo một ánh hường lớn lao đến Đề Tượng vào buổi dương thời và sau. Con người trẻ này sinh ở Thương Hải, nơi cha ông, nguyên quán tại Thúy Hạnh, có mở một dịch vụ cát hàng từ tàu lên bến khá có lợi. Cha chết, Hao Đông đem hài cốt về Thúy Hạnh để mai táng bên cạnh ông bà tổ tiên. Rồi ông ta trở lại quê ngoại ở Thương Hải, nơi ông đã theo học Trung ngữ và Anh ngữ, hai ngôn ngữ đã giúp ông trở nên thông thái, trong một thời gian ông đã là nhân viên phiên dịch của công ty Điện báo. Ông theo đạo Cơ Đốc và là người khá can đảm và quả quyết, đức tính này, cuối cùng, đã dẫn ông tới cái chết do bài cuộc cải cách Trung Hoa. Đề Tượng và Lục Hao Đông trở thành những người bạn lớn, thường nói chuyện với nhau về tôn giáo, Đề Tượng gọi Hao Đông là "giáo hữu". Hao Đông để tâm rất nhiều vào lịch sử Trung Hoa hơn bạn, và nói nhiều với bạn về sự băng hoại của triều đại Mãn Thanh cùng sự đổi mới của

dẫn chúng vào những vị lãnh chúa. Cả hai đều tìm đến ý thức hệ nước ngoài, nơi đó những tư tưởng phương Tây về tự do và công bằng đã ngự trị. Cả hai cùng tin rằng, không có nền giáo dục mới, không bao giờ Trung Hoa có thể phục hồi lại địa vị đích thực trên thế giới. Những cuộc đàm luận này đã lưu lại một cảm niệm khó phai nhòa trong trí óc Đê Tượng và làm này sinh nơi anh mối thù đời với người Mãn Châu.

Ngày nay, viên thanh tra quân sự trong hat đến làng để kiểm kê những thanh niên đầy đủ sức khỏe đưa đi tòng quân, Hạo Đông thân hành đến xem cuộc tập binh. Từng nhìn thấy những quân nhân ở Thương Hải và Hồng Kông, Hạo Đông chỉ cho ban thấy cái buồn cười những gì bạn trẻ Trung Hoa đang làm. Ông ta bảo, chỉ năm mươi người thôi, nhưng quân kỹ và trang bị thật tốt, có thể đuổi tan đám thanh niên đang trước mắt hai người. Đê Tượng nảy ý, vài người trong bọn họ phải được tổ chức thành một thủ đội ngũ nào đó để lâm thời có thể bảo vệ được Trung Hoa chống lại ngoại xâm và trong trường hợp cần lật đổ để chế Mãn Thành. Hạo Đông giải thích: "Biết đâu anh chẳng sinh ra để làm một Nã Phá Luân của Trung Hoa ?

Trong những câu chuyện, họ thường bàn cãi với nhau về cuộc nỗi dậy của Thái Bình Thiên Quốc, và sự việc khởi đầu bằng ý quyết phá hoại những tượng thần của hai người, một hành động quá thất phi thường và đại dâm đã đem lại những kết quả quan trọng.

Nhiệt thành với óc nỗi dậy chống lại những hủ tục mê tín, hai người thanh niên rú nhau, cùng vài người bạn, ra dinh làng nhằm lúc người giám thú đi vắng. Đây, ở cuối, ba ngôi tượng chính, ngôi giữa là Bắc Đế, vị thần hộ mạng mà Đế Tượng đã được mẹ bán cho. Một bàn tay thần có ngón trỏ chỉ lên, và tay kia thủ một thanh gươm. Để biểu lộ sự thách thức đối với thần và sự tôn thờ hình tượng nói chung, Đế Tượng, người chủ xương, đền bên tượng và bẻ gãy ngón tay trỏ; ông còn tìm cách tháo cái đầu tượng ra, nhưng chỉ xoay được một phần.

Tiếp đó, ông đến bà tiên bên trái, và bằng con dao, ông đã cao lóp sơn trên mặt tượng. Tôn danh ngôi tượng là Keum Fah, tiên của những loài hoa; vị tiên này chăm sóc trẻ con. Bảo động được truyền di, trong khi vị tiên bên phải, Thiên Hậu /Tin Hau/, bà Chúa Thiêng, chưa hề hấn gì.

Nguồn tin động trời tung ra, lan khắp làng như lửa cháy, và trẻ già tụ họp để xem việc gì đã xảy ra. Luke Chan, người kể câu chuyện, khá tinh nghịch, anh đứng trong đám đông nhìn và làm cho mọi người kinh hãi thêm lên. Độc giả từng chứng kiến một đám đông người Trung Hoa đang cõi cũ, có thể hình dung quang cảnh ấy, thôi thì tiếng gọi của đàn ông, tiếng kêu của đàn bà. Cái cảm xúc tệ hại của dân làng là sự sợ hãi. Những vị thần của họ đã bị thách thức; những linh vật ho trong cây được che chở đã bị hạ nhục. Họ tin rằng sự bạo hành này sẽ đem lại khốn đốn và tai ương tucson khác. Người cha xin lành phản tu bỏ lại các tượng và, qua lời khuyên của các bô lão, ông quyết định phải cho đứa con trai rời ngay khỏi làng, như thế may ra, con phản nổ của các thần mới người.

Nếu người ta xem xét tất cả mọi truyền thống hợp, thi thấy rằng đức can đảm và sự to gan của Đề Tượng đã có thể dễ dàng nâng cao giá trị ông lên. Ông đã thách thức quyền cha và tỏ ý khinh miệt đối với khuynh hướng sùng bái hình tượng gia đình đã lan tràn khắp trong xã hội. Hơn thế nữa, hình như ông muốn đánh đổ cả Thiên triều. Đây, những gì mà nền giáo dục

phương Tây có được nơi người con của Tôn Đạt Thành, chính là những hành động đó vậy.

Đây chẳng phải là một cú chỉ do kích động nhất thời; ông từng bàn cãi và, ý đồ đã được sắp đặt, Đề Tương hiểu biết hiểm nguy sẽ theo đuổi bên ông. Nhiều người chúng kiến có sự, nhưng, trong những sự việc ấy, họ chỉ thấy có mỗi ông là vai chủ động. Nó chứng tỏ rằng ông đã đặt sự thật và lương tri lên trên tất cả thể quyền nhân gian và tin tưởng Chúa toàn năng đã có với ông.

Đề Tương và bạn Lục Hạo Đông nghiêm nhiên trở thành những kẻ phiền loạn, và, không cần phải thêu dệt, có thể nói hành động khởi diễn trong ngôi đình làng Thủy Hank của Đề Tương rõ là hành động cách mạng thật sự khai mào từ năm 1885, năm mà ông thách thức các tượng thần.

Những người kỳ cựu trong làng hạ lệnh cho Tương phái rời khỏi làng: như vậy, năm mươi chín tuổi, ông đã lia quê cha, trước mặt toàn một màu mèm. Không một người đồng chung quen biết để tìm tình thương và sự giúp đỡ. Ông quyết ý đến Quảng

Châu, lúc này đã có các nhà truyền giáo Cơ Đốc hành đạo ở đây.

Đè Tượng, sau đó đổi thành Tôn Đật Tiên, bắt đầu dấn thân vào đời cách mạng để rồi làm chấn động toàn cõi Trung Hoa, liệu lý được những quan hệ lợi hại cùng nền chính trị trong thế giới văn minh.

## CHƯƠNG IV

### ĐẾ TƯỢNG TRỞ THÀNH TÔN ĐÁT TIỀN

Học y khoa ở Hồng Kông và mang một tên mới.

Rửa tội - Trở thành nhà cách mạng.

Ngày Đế Tương rời Thúy Hanh, ông phải di bộ độ một dặm rưỡi đường để đến bến có ghe thuyền chuyên ra vào cửa sông Châu giang, nơi đây mới thật sự có một biển nhỏ chảy vào. Hai bên bờ, nhiều làng mạc và và rất đông ghe thuyền chuyên chở hành khách và hàng hóa đến bến bắt đầu người ta thuê. Với vài xu, không khó khăn gì cả, đã có thể tới Quảng Châu.

Có một số cơ sở truyền giáo Cơ Đốc trong tỉnh cũ của thủ phủ Quan-Dong-Châu (Kouan-Toung), và Đế Tương đã tìm đến một trong những cơ sở truyền giáo đó. Vừa tới nơi, ông ta thấy một người ngoại quốc từ trong nhà bước ra: tiền-lai, ông nói bằng Anh ngữ: "Kính chào ông!" Người ông chào, bác sĩ John L. Kerr quan hệ nhiều với ngôi đường đường Anh-Mỹ (anglo-américain), đúng hơn là học viện của các thừa sai; lấy làm ngạc nhiên về điều một cậu bé Trung Hoa đã nói đúng giọng Anh ngữ, bởi vì ít người như cậu nói được

giọng ấy ở Quảng Châu vào thời đó. Bác sĩ mời cậu vào văn phòng và hỏi cậu đã theo học trường nào. Điều mà Đề Tương cảm thấy thích thú kể ra cho vị bác sĩ xa lạ nghe, song quả nhiên, theo thói quen hay bày tỏ nỗi chùng, cậu chỉ thuật có vài việc, về sau nếu không có người nói lại, thì chắc bác sĩ không thể nào ngờ rằng cậu con trai đã từng ở Honolulu, cũng như không thể biết được việc cậu đào tẩu từ ngôi đình làng Thúy Hanh.

Kết quả cuộc đàm thoại là bác sĩ Kerr nghĩ rằng thật tiện lợi cho chủng viện có một người Trung Hoa trẻ tuổi lại biết rành Anh ngữ, và ông đã đề nghị cho cậu được vào làm tùy phái ở đường đường. Ông ở đây đủ một năm, tự làm cho nổi bật bằng sự thông minh, cẩn mẫn trong công việc và chu toàn trách nhiệm. Thêm nữa, trong tư thế tùy phái, một cơ hội để quan sát những ưu điểm của cách thức mới đối đầu với người bệnh mà ông ngầm so sánh với sự thực hành y thuật cổ lỗ của các thầy lang cũng những bài phù phép đối với con bệnh, ở Thúy Hanh. Ông biết những sự vật quái gở mà các thầy lang Trung Hoa đem sử dụng như là y dược liệu và việc này thiếu hẳn cái hay ho của phương thuật ngoại khoa.

Thực tại chung dụng trong một hoàn cảnh đã đưa ông tới ham thích chọn nghề thuốc và khoa giải phẫu theo kiểu các khoa học tân tiến. May mắn thay, vào lúc đó, người ta đang bàn tính một chương trình thiết lập một trường thuốc dành cho những sinh viên Trung Hoa. Bác sĩ Kerr, báo tin mừng cho Đề Tượng, báo rằng viện này sẽ sớm được mở tại Hồng Kông do một nhóm các thửa sai lo liệu.

Tại Quảng Châu, Đề Tượng vẫn duy trì liên lạc với gia đình và, vào năm 1886, ông tròn hai mươi tuổi, tin nhà cho biết đã tới tuổi thành hôn. Lễ cưới được cử hành, ông đeo vàng theo cha mẹ dàn xếp theo tục lệ Trung Hoa. Song thân đã chọn một cô gái làng bên tên gọi Lư thị (Lu Szu), một thiếu nữ bốn mươi, chân bó nhỏ. Những điều hôn ước tuyệt nhiên không cho phép nhìn đối tượng hôn nhân cho tới khi tân nhân rủ bỏ chiếc khăn che mặt trong buổi lễ động phòng, nhưng họ đã chẳng cầu nệ sự việc nào khác hơn. Rồi người chồng trở lại Quảng Châu và người vợ thi ô lại với bà già để phụng dưỡng, như cái thân phản thông thường của những nàng dâu.

Ngày thành hôn, người ta tặng cho Tôn Đề Tượng một cái tên cưới, gọi là Đức Minh (Tuck Mung), có

nghĩa là : đức hạnh sáng ngời. Mỹ hiệu này chưa hề được nhắc đến, nhưng người ta phải thêm vào trong gia phả như đã từng tuân tu ghi đầy đủ những tên đã đặt cho ông. Ở Quảng Châu không bao lâu, ông lại trở sang Hồng Kông và dùng tất cả thì giờ để trau dồi kiến thức dự bị cho ngày trường thuốc khai giảng.

Tại Hồng Kông, sống trong ánh hưởng Cơ Đốc, ông được giáo hóa để chịu phép rửa tội, do mục sư Hagar thuộc Giáo hội Thừa sai Hoa Kỳ (*l'Américain Congregational Mission*) chủ tề. Một người trong các bạn của ông có nghe bài giảng và sau đó họ cùng nhau chịu lễ rửa tội. Người bạn trẻ này tên gọi Tong Phong. Ông ta từng di buôn ở Hoa Kỳ và có một dịch vụ kinh doanh trong nhiều năm ở New York. Hiện ông là giám đốc ngân hàng Trung-Mỹ (*sino-américaine*) tại Honolulu. Giữa lúc đó, công trình sắp đặt trường thuốc vẫn đều đìu tiến hành và, đến tháng 6 năm 1887, bác sĩ James Cantlie từ Anh sang để khánh thành, vào tháng 10, trường y khoa dành riêng cho sinh viên Trung Hoa. Để Tong được sự khích lệ đặc biệt của nhiều vị y sĩ trú danh, các vị này tin tưởng rằng ông có thể là một trong những y sĩ Trung Hoa đáp ứng được nhu cầu khẩn thiết của xã

này. Các lớp học tổ chức giảng dạy trong y viện "Alice Memorial Hospital" (Y viện hoài niệm Alice), một cơ sở do một người Trung Hoa tên Ho Kai, từng theo học ở trường đại học Edimbourg và đã trở thành luật sư, đứng ra khai lập. Ông Kai có kết hôn với một phu nữ Anh, bà này mất đi, ông ta xây cất y viện dựng tên bà để tưởng niệm. Tiếp đó, ông được tặng bông tinh, trở thành Ngài Ho Kai. Trường thuốc sau sáp nhập vào trường đại học Hồng Kông.

Bác sĩ Cantlie khá nổi tiếng trong nghề lai lưu tâm nhiều tới Đế Tượng, nên, trong những ghi chép, ông thường đề cập đến sinh viên mà ông gọi là họ Tôn.

Sự hiển nhiên là tại sao bác sĩ Cantlie ghi chép về Tôn trong khi ông không biết gì mấy từ tiền tích cho đến thời kỳ sinh viên của Tôn. Trong cuốn sách nhan đề "Tôn Dật Tiên và sự thức tỉnh của Trung Hoa" xuất bản năm 1912 tại Luân Đôn, bác sĩ Cantlie có chừng tỏ ông không am tường nơi sinh của Tôn, cũng chẳng rõ trước Tôn từng theo học ở Hawaï, và tin rằng ông cha Tôn là tín đồ Cơ Đốc. Có lẽ bác sĩ ít e ngại tới quá khứ của Tôn và cũng ít can dự đến Tôn, ngoại trừ giờ ở lớp học. Người Anh ở Hồng Kông chỉ gặp gỡ người Trung Hoa trong công việc, nhưng không đặt thành

quan hệ xã hội với những người này, và cái khoảng cách ấy đã giải thích được tại sao đối với Tôn, bác sĩ Cantlie không có một chút hổ nghi.

Làm sinh viên, Đề Tượng chiêm được lòng thương mến của các giảng viên, bởi ông chăm chỉ và có khả năng. Rất ít giao du bạn bè, vì ông còn để tâm tất cả vào việc học, và đồng thời ông cũng thường nghĩ đến hoàn cảnh nước Trung Hoa, đến nhà đương quyền cùng sự cẩn kín mang lại cho dân tộc những cuộc nỗi dậy. Bạn đồng môn xưa của ông, C.K.Ai, đến thăm ông ở Hồng Kông lúc đó và họ cùng đi dạo với nhau nhiều buổi chiều, mãi tối chín giờ tối, cái giờ, vào thời đó, theo luật lệ, mọi người Trung Hoa đều phải vào nhà. Trong những cuộc di dao này, ông mạnh dạn nói về thân phận Trung Hoa và so sánh với không khí dễ thở mà người Trung Hoa ở Honolulu và các nơi khác đã có được.

Đây là lần đầu tiên C.K.Ai nghe bạn phân giải vài ý kiến và, nối tiếp sau đó, khi Tôn dẫn thám vào những cuộc khai nghĩa, người bạn nhắc lại những lời trao đổi kia như là dự tính phác họa mà Tôn đã nghĩ tới những tư tưởng lần đầu đặt ông tới chỗ thành kế phản nghịch. Tôn lấy làm buồn thay nước Pháp có thể thôn

tính khá dễ dàng Đông Dương, nhìn lại Trung Hoa, với bao nhiêu triều đại, không có quân đội, không có hải quân hiện đại. Ông không trình bày rõ ràng với bạn những ý đồ, nhưng nhấn mạnh đến sự cần thiết một nền học thuật mới. Ông bảo ông đã đọc nhiều sách, và không mấy hài lòng đối với chế độ cầm quyền của người Mãn Châu, cái chế độ có thể thích hợp với một Trung quốc thời xưa, nhưng trong hiện tại thì nước này phải chiếm lấy một địa vị nào đó trên thế giới.

Tôn là người thi đỗ đầu tiên của trường thuộc Hồng Kông và năm 1892, ông chính thức được cấp bằng hành nghề y sĩ và giải phẫu. Ông quyết định mở một phòng khám bệnh tại Macao, thuộc địa Bồ Đào Nha nằm bên kia bờ cách Hồng Kông chừng bốn mươi dặm. Đây là lúc ông dùng danh hiệu Tôn Dật Tiên, dưới tên này ông đã thường được toàn thế giới biết đến. Sự kiện một người Trung Hoa có thể mang nhiều tên, thường là việc mất đầu như bón đôi với người nước khác. Tôn Đề Tương nay thành Tôn Dật Tiên.

Ý nghĩa danh hiệu này khá thi vị. Dật (Yei) có nghĩa là vượt ra ngoài tầm thường, hay tự do; Tiên (Sen) : thiên thần hay trí tuệ. Với một nhà trí thức Trung Hoa, thi thích nghĩa rằng hai danh từ kết hợp ý

ké đã được tự do về tinh thần, cũng có nghĩa canh tân những phương pháp ước lệ của nền y học Trung Hoa. Những người khác lại cho rằng những tư dạng muốn nói ông này được tự do thi thoả quyền phép như là một thiên thần vậy.

Khi làm cách mang, ông đổi những tư dạng đó theo một cách khác mang nghĩa vài sự việc khác biệt, song ngữ âm đọc lên theo mẫu tự Anh ngữ vẫn không thay đổi. Những tư dạng đổi mới này, *Yat* (Nhật) nghĩa là : ngày, và *Sen* (Tân) : đổi mới; ý chung nói ngày đổi mới của Trung Hoa đã đến. Khi các dòng chí của bác sĩ Tôn viết tên ông, có thói quen luôn luôn dùng hai tư dạng sau cùng này.

Macao do người Bồ Đào Nha lập năm 1557, nhưng nền thương mại của họ bị đình trệ khá nhiều mãi tới khi năm thương cảng được mở thông thương ra các nước theo hiệp ước ký kết năm 1842. Từ năm 1892, nó trở thành nơi lò lô khai thác lôi kéo được nguồn lợi chính từ thuế mòn bài của các sòng bạc. Nơi đây đã có một bệnh viện Trung Hoa chuyên điều trị theo cách thức cổ điển. Nhưng người ta cũng cho phép bác sĩ Tôn thí nghiệm những y khoa tân tiến của ông, và, tức khắc, ông thu lợi dồi dào. Công việc chính của ông

là khoa giải phẫu và, quá nhiều thực nghiệm, khi ông đã tạo được một uy tín đáng kể như đã hứa trước với thầy, thì bác sĩ Cantlie đến hợp tác cùng người học trò. Bác sĩ bảo rằng phẩm cách của Tôn có sức gì thu hút được mọi người cũng như ông sẵn lòng giúp đỡ cho thiên hạ\*.

Bác sĩ Tôn không lưu lại lâu ở Macao, vì luật lệ thuộc địa chỉ cho phép những người nào có chứng thư nhà cầm quyền Bồ Đào Nha cấp mới được hành nghề theo y khoa tân tiến. Người ta không dễ cấp đến những người Trung Hoa tốt nghiệp ở y học xưa, nhưng bác sĩ Tôn đã không thuộc vào loại ấy, và như vậy sở thân chủ của ông sẽ chay về những y sĩ Bồ Đào Nha. Cũng ngang đây, người ta ghi nhận ông đã ngưng hoạt động tại thành phố ấy.

Bác sĩ lưu trú tại Macao quá cò ngắn ngủi, nhưng ông đã tìm thấy nơi đây vài sự việc tối quan hệ làm thay đổi cuộc đời ông. Ông gặp các người trong một hội mệnh danh là "Tân Trung" (La Jeune Chine). Ở Macao, người ta tự do nói năng về những khốn khổ của xứ này; họ hội họp và bàn cãi về sự ăn bớt cùng sự

\* Cantlie, Tôn Dật Tiên và sự khát tình của Trung Hoa

dùi bại của những viên chức; họ nghĩ việc này phải làm họ vỡ nợ vì đồng lương lanh không đủ và họ hy vọng được cải thiện do chương trình khắc khổ áp dụng từ trên xuống dưới trong nắc thang những người đại diện chính quyền. Hành động này không có tính chất chính trị và các hội viên một khi vào hội mặc nhiên trở thành những đồng chí của một cuộc cải cách thám lặng tự nó có tác dụng do sự học tập, yêu sách đòi hỏi và tinh thần giác ngộ.

Những qui định của nhóm tiền bối này đã tìm được mảnh đất mướn để được chấp nhận và khai triển nhò tâm hồn và sự thông minh của Tân Đất Tiên.

Cuộc sống của ông ở Honolulu và ở Hồng Kông đã khiến ông suy nghĩ sâu sắc những sự việc ấy, như chúng ta thấy. Có một tổ chức nhằm đào tạo những tư tưởng cấp tiến do ông nâng đỡ trong một thời gian. Không một dân tộc nào trên thế giới được bố trí tổ chức thành những hội đoàn bằng người Trung Hoa và những đoàn thể như loại tổ chức nói trên thường có, trong quá khứ, một ánh hưởng ưu thắng nhằm hoán cải những kẻ sai lầm, vừa ở các tỉnh, vừa ngay cả ở Bắc Kinh. Các đoàn thể ở Quảng Châu khá mạnh,

*luôn luôn phản kháng mọi sự dám lên những thủ luật lệ và, dù có tình nghi, người ta cũng phải sơ chừng mà lắng nghe những yêu sách của họ.*

Cái tổ chức của hội "Tân Trung" muốn đưa ra nguyên tắc dân chủ của loại hương ước có sẵn từ trong các làng mạc, đại loại một định chế như thế để toàn dân có thể góp tiếng nói vào công việc của tinh hạch và của quốc gia. Điều tiên quyết, theo đó hội chủ trương phải thực thi nền giáo dục mới. Họ chấp nhận những giá trị cổ truyền, nhưng họ hiểu rằng những nhà văn hóa theo học thuật Trung Hoa không hiểu gì về thế giới cũng như nền khoa học tân tiến. Họ nung nấu lòng nhiệt thành muốn đóng vai trò lôi kéo Trung Hoa ra khỏi tình trạng đóng khung của nó, một sứ mệnh khôn bỉ thực hiện với nền cựu học.

Phản động các người trẻ tham gia hoạt động này về trước, sau này trong những lần đầu tiên thử nghiệm cách mạng, họ đều nổi bật trong nhiệm vụ. Các người Hoa Kỳ và người Anh có công vụ tại Quảng Đông đồng thời họ cũng đảm nhận những nhiệm vụ của Bale\* và Bélin\*\*. Trong khi nhiệm vụ chuyên môn chẳng hề đặc

\* Một thành phố thương mại của Đức.

\*\* Thủ đô nước Đức. Ở đây ám chỉ người Hoa Kỳ và Anh làm quan tiếp cho Đức (nước).

*bíet huấn luyện cho họ để nói lên sự chống đối với nhà cầm quyền, thì sở học của họ lại càng không bao giờ dẫn dắt họ tới tinh thần cái cách chống lại sự bất công và cái xấu. Khi những đàn ông và đàn bà trẻ được giải phóng khỏi sự sợ hãi của quĩ tù vay và sự giận dữ của thần linh, trí óc họ khám phá ra rằng mọi điều xấu đều do bởi ngu dốt, gian trá và tàn bạo.*

*Tán đồng liên kết với những người trong hội "Tân Trung", Tôn Dật Tiên quay về Quảng Châu tìm Lục Hao Đông, người bạn đã cùng ông tham gia trong cuộc đá phá các thần linh ở Thúy Hanh. Ông sẵn sàng móc nối tất cả hoạt động săn có để lâm thời cái thiện số phận Trung Hoa. Nhiều cuộc hội họp kín đáo được nhiệt liệt tán trợ và họ đã bàn cãi những chương trình hành động. Họ tin chắc bước đầu tiên vượt qua là phải nỗ lực lèo lái một cuộc cải cách chương trình giáo dục. Họ quyết định cách thực hiện tốt hơn hết là hiệu lực hóa các đoàn thể tại Quảng Châu lâu nay, đổi với chính quyền, chỉ mở những cuộc thăm dò yếu ớt để làm nghĩa vụ của một thủ giúp đỡ mà người dân trong chờ đợi họ.*

Các đoàn thể này vốn có tại địa phương, và những điều lệ khá khắc khe đối với đoàn viên, nhưng được cái dán chủ và che chở cho đoàn viên mỗi khi gặp khó khăn. Nhiều năm trước, đại úy Boycott có đề ra một phương thức tranh đấu ôn hòa tại Ai Nhū Lan (Irlande), các hội đoàn này noi theo áp dụng và thấy hay. Những phản kháng của họ đã được các tổng đốc và ngay cả Bắc Kinh nghe thấu.

Chương trình của bác sĩ Tòn và các hội viên là hướng dẫn các đoàn thể, bên cạnh chính quyền Mân Thanh, thỉnh nguyện khôi xưởng một nền học thuật mới và, để bắt tay vào việc,, họ yêu cầu mở trường canh nông hâu giúp dân chúng có thể học hỏi phương pháp canh tác kém phôi thai hơn. Thế nhưng các đoàn thể chỉ cò nói thôi, không lòng giảng cho họ hiểu sự tiện lợi của những phương pháp nước ngoài mà họ nghĩ rằng nó được đề cao bởi số người có ánh hưởng của ngoại nhân da trắng. Hơn thế, họ cũng chẳng tìm cách phát triển các nhóm và cho rằng mọi đề xướng cái cách đối với chính quyền địa phương, sẽ phải dẫn tới việc làm cho nhà cầm quyền Bắc Kinh sinh nghi là những người Quảng Châu, bọn luôn luôn tạo ra những phiền phức, đang cò gắng thi hành một

vài việc để đào lõn trật tự hiện có. Và họ làm lệch lạc tất cả dư tình.

Nhóm cấp tiến trẻ chân nắn, nhưng không phải không can đảm. Nhóm tiên lập ra cái gọi là "Học Hội" (*Société d'Education*), danh hiệu cốt để tránh mọi bênh tật có tính cách của hoạt động chính trị. Khởi đi từ cái hội đoàn này, bác sĩ Tôn đã là người lãnh đạo tiếng tăm. Ông có kiến thức về nước ngoài và có kinh nghiệm, một năng khiếu để chỉ huy, nó giúp ông đạt tới ngay từ chương trình đầu tiên cái địa vị mà ông theo đuổi cho tới khi chết.

Những con người trẻ dũng cảm quyết định đưa một thỉnh nguyện thư lên nhà cầm quyền Bắc Kinh, trong đó làm nổi bật lợi ích của việc thiết lập những trường canh nông và nêu rõ những lợi ích của sự cải thiện thân phận nhà nông.

Tài liệu được thảo viết bằng lời hành văn got giữa, văn hoa và tránh tính cách quá khích của một yêu sách. Bác sĩ Tôn ký tên ông vào thỉnh nguyện thư, song không phải Tôn Dật Tiên mà bằng một tên mới, Tôn Văn, và dưới tên này ông thường được Bắc Kinh biết đến qua những giao dịch trao đổi chính thức.

Nhìn chung, tên này trở thành tên chính thức ông đã ký vào tất cả tài liệu, kể cả bản di chúc viết trong cơn bệnh sau cùng.

Văn là tiếng phát âm Trung Hoa có nghĩa : hay chữ. Từ ngữ này thấy xuất hiện trong "Vân Lễ", "Vân Lý" (Wen Li), là lời lẽ văn vẻ do các nhà hay chữ dùng. Thò âm đọc Wun và, người khách gia (Hakka) gọi Mun, nhưng nghe quen thi hai ngữ âm cũng do một chữ mà ra. Tôn Văn : nhà thông thái họ Tôn.

Thời đó, ông có năm danh hiệu nhưng tên này có hồn không xa lạ mấy đối với người Trung Hoa. Năm danh hiệu đó là : Đế Tượng, tên ngày thơ ấu; Đức Minh, tên cưới chưa hề được dùng đến; Tôn Dật Tiên, Tôn Nhật Tân; và Tôn Văn, tên gọi chính thức.

Tờ trình nguyên dâ khôi dòng những hiềm nghi lớn tại Bắc Kinh. Tán thức đè nghị chúng tỏ cỏ ánh hưởng ngoại bang và hầu hết các thành phần trong chính quyền Mãn Thanh thì tinh thần bài ngoại lại khá mạnh. Đó là trường hợp đặc biệt của bà thái hậu tuổi tác, cái uy quyền tối cao hiển hữu, dù có tài thiên phú, bà vẫn hoàn toàn mù lịt từ thế giới bên ngoài đến

nội tình Trung Hoa. Phúc thư thăng thắn trả lời không chấp thuận tân thức. Nền học thuật cũ từng làm cho Trung Hoa lớn mạnh, không cần bắt chước các cách thức của bọn moi rợ, những cách thức có thể lùn lùn bại xứ sở.

Phương thức ôn hòa đã hỏng, và những lời kêu gọi trang trọng bị đáp lại một cách kiêu ngạo. Học hội nghĩ rằng, nếu muốn có một sự cải đổi, cần phải tiến hành cách mạng. Hội viên toàn là những người trẻ, một tầng lớp không bị ảnh hưởng hủ hóa, họ hiểu rằng chủ nghĩa bảo thủ cực đoan đang ngự trị, ăn sâu vào các giai tầng xã hội, họ thấy được nhược điểm của nó, và mặc dù là thiểu số, họ rất tin tưởng vào một cuộc vươn minh khả dĩ có được của dân tộc. Cách thức tinh dân tộc đây không gì hơn là tố cáo người Mân Châu là nguyên nhân của tất cả đói bụi và áp chế hiện hữu. Người Mân Châu là những kẻ soán vị, và không phải là người Trung Hoa. Người Quảng Châu ghét người Mân, và các bạn trẻ tin chắc rằng nếu có một vài hành động cách mạng công khai nào đó, dân chúng sẽ từng phục thành khôi với họ. Họ quyết ý soát xét lại đức tin một lần nữa. Thật tội nghiệp mà nghĩ

rằng, trong nghèo thiêng và yếu ớt, họ đã thúc đẩy một cuộc cách mạng\*.

Nhưng ai đã đọc đoạn trên đây, hiển nhiên sẽ thấy rằng cái địa vị bác sĩ Tôn là kết quả của một trình tự thăng tiến. Có nhiên, đó là do tâm tính tự lập và tự quyết vầy.

Sống ở nước ngoài, tiếp xúc với người ngoại quốc, đọc những tác phẩm lịch sử và xã hội, rồi đem so sánh với thực trạng Trung Hoa, ông rất đời bất bình. Ông tin tưởng mãnh liệt và không một chút sợ sệt khi tự hỏi lại lòng mình. Điều này được chứng tỏ khi ông không chịu khuất phục người anh cả ở Honolulu và lúc ông thách thức các thần linh để rời chuộc phản nô của dân làng Thúy Hạnh. Nay người Mân Châu lại rút bỏ những đòi hỏi hợp lý, thì óc nói dậy hoàn toàn xâm chiếm lấy ông. Cơ hồ chính ông là hiện thân của bất công và sai lầm, ông tâm niệm đòi ông phải đánh đổ cho xong những sự ấy.

Ông hiểu rằng nhiều triều đại Trung Hoa từng bị lật đổ bởi những cuộc nổi dậy của dân chúng. Ông có

\* Thuật theo lời các người từng tham gia nội vụ (H.B.Restarick)

đọc về cách mạng Pháp và học những tác phẩm của Rousseau. Những thắng lợi vĩ đại cho Tự do và Tiên bộ chỉ này sinh do các cuộc cách mạng và ông là nguồn hy vọng đặc nhất cho Trung Hoa là phái lật đổ người Mãn Châu. Và rồi ông thật sự trở thành nhà cách mạng công khai, và, từ bỏ nghề y sĩ, ông dấn thân vào cuộc vận động. Cầm bàng minh như láng tu, ông thiêp tạo những đức tính khác thường và quả nhiên được lòng tin tưởng tiềm tàng và sự giúp giáp tân tình của các đồng chí.

## CHƯƠNG V

### LẦN THỨ NGHIÊM CÁCH MẠNG ĐẦU TIỀN

#### Hào khí Lục Hạo Đông - Tôn Dật Tiên thoát nạn

Những cuộc dậy loạn thường hay xảy ra tại Trung Hoa; lịch sử biến niên từng ghi lại nhiều cuộc cách mạng. Bốn trăm năm trước Christ, người hiền Mạnh tử day "Dân vi quý". Trong câu danh ngôn, hàm chứa nguồn ý dân chủ, vì Mạnh tử chú trương nguyên tắc này phổ cập vào các việc quan hệ của nhà hiền triết.

Tôn Dật Tiên và các bạn đồng hành rất thừa hiểu một ý thức mưu loạn tiềm ẩn trong tâm khâm người Quảng Châu; và họ nhiệt thành tin tưởng rằng, nếu động một cái, ý thức đó sẽ trỗi dậy tức khắc. Thế rồi nơi nhóm họp của "Học Hội" biến thành trụ sở của những kẻ đồng mưu. Lịch sử khởi loạn của Thái Bình Thiên Quốc gắn liền với họ, và theo đó họ hiểu được rằng làm thế nào để dân chúng hăng hái theo các lãnh tụ khi họ hô hào khẩu hiệu : "Đá đảo người Mân!" Họ cũng biết đến chừng nào thì cuộc khởi loạn ấy sắp thành công và vinh quang nêu nhà vua không kèu cứu tội người nước ngoài.

Cuộc vận động của bác sĩ Tôn chỉ có một điểm đồng nhất với cuộc khởi loạn của Thái Bình Thiên Quốc, là sự hận thù người Mân Châu. Lịch sử cuộc nổi dậy này để lại vài ảnh trong thể dung của người Quảng Châu. Nơi một làng cách Quảng Châu chừng ba mươi dặm, Hồng Tú Toàn (Hung Sin Tsien), người chủ mưu hoạt động Thái Bình Thiên Quốc, đã chào đời. Ông ta bị thất thần và điên loạn một thời gian sau khi thất bại trên nóc thang học vấn. Ông bảo ông là "Thiên Vương". Ông có đọc những tờ khuyến thê do một thừa sai trao cho và, khi phục hồi bình thường, ông nhận ra rằng những tài liệu đó đã giải thích cho những sở kiến của ông. Ông với một người bạn tự rủa tội cho nhau và rời, sau đây, họ có ngay hàng trăm môn đệ. Năm 1846, ông lập "Hội những người ngưỡng mộ Chúa", trong vòng một năm, hội viên gia nhập có tới hai ngàn người. Những kẻ tán tòng này đi làng này sang làng khác, hủy phá các hình tượng, cho đến khi nào họ bị ngăn cản một thời. Vài người trong bọn họ đã là mục tiêu cho những công kích quái gở, vài người dùng giọng nói nước ngoài, vài người khác lại tung những lời rao giảng nhân danh Chúa Trời và Chúa Jésus. Hồng Tú Toàn được tôn xưng là Thánh Thần (Saint-Esprit). Thoạt đầu, vài thừa sai tán trợ hành

động, nhưng sau đó, các việc làm quá đáng của họ đã khiến các vị xa lánh. Thế rồi cuộc hành động của những kẻ tàn tòng đã đưa tới kích thước to lớn và biến thành một cuộc nổi loạn chống lại người Mân Châu. Những kẻ phiên loạn tiên tử chô này đến nơi khác, và, năm 1853, họ chiếm Nam Kinh để rồi mở đường tiến lên Bắc Kinh. Nền thương mại ở Thượng Hải và Quảng Châu trì trệ cực độ, người Anh quyết định giúp chính quyền đàn áp cuộc nổi loạn và, trong mục đích này, họ đã dâng những kế hoạch của đại úy Charles Gordon. Người ta ước đoán có hàng triệu người đã chết trong cuộc vận động. Thái Bình nghĩa là sự yên bình lớn lao và những kẻ phiên loạn tin rằng, nếu người Mân Châu bị tiêu diệt, ngôi trời sẽ tái lập và Hồng Tú Toàn nghiêm nhiên là vua.

Tôn Dật Tiên nhận thấy những bất lợi trong sự kêu gọi công khai nói dối và quan tâm đến việc tổ chức và tuyên truyền bí mật, đó là điều chủ yếu. Thu nhận những người tám huyệt vào Hồi, và một chương trình trù bị để có vũ khí đánh chiếm các nhà môn (yamen), khu vực chính của nhà cầm quyền Mân Châu. Người ta tin có thể dễ dàng đến tận các đồn trú và hỏi vũ khí, dan dược, quân nhu cất trong kho

sẽ về tay phe cách mạng. Họ tin chắc rằng sau kết quả sơ khai này, quân chúng sẽ liên kết với họ và, tức khắc toàn tỉnh Quảng Đông sẽ nằm trong tay họ.

Muốn mua vũ khí, phải có tài chính, và, điều này, Lục Hạo Đồng con người đầy lâm huyệt với đồng chí, đã cảng đáng nặng nề. Ông ta có một ít đất đai ở Thúy Hanh, đem bán và sung túc cá tiền vào quỹ của Hội. Ông cũng bán nốt những tư trang của vợ để ủng hộ. Các người khác thì đóng góp cái gig họ có thể và thường thường người Trung Hoa rất rộng rãi mỗi khi họ tin theo một điều gì.

Thịnh nguyện thư gửi đến Bắc Kinh khởi lên những mối hiềm nghi, và nhà cầm quyền cho thám tử theo dõi những người đã ký tên. Bất chấp, các người chủ mưu tự xoay xở một số vũ khí nhẹ và quân nhu ở Hồng Kông đem về tập trung tại khu vực chính của Học Hội. Những đồ quân dụng này chờ về bằng cách đựng trong những thùng xi-măng. Họ cũng cất sẵn nhiều kéo để có ý cát bό đuôi sam của các nhà cách mạng ngay khi kết quả đầu tiên đem lại, nhằm chứng tỏ họ giải thoát được ách áp chế, bởi vì cách bím tóc này du nhập vào người Trung Hoa như là dấu hiệu cuồng bách tú người Mãn Châu.

Tháng 10 năm 1895, những chương trình nói dãy đã xong xuôi, tin bắn tới nhà cầm quyền nói rằng có một hoạt động cách mạng tại hạ tầng và điểm chỉ cho biết nơi chôn giấu vũ khí. Lúc đầu người ta không tin, nhưng các thám tử báo là nguồn tin đó xác đáng. Lục Hạo Đông tiên cảm sự bất trắc và tin rằng một hành động vũ lực có thể đến với khu vực chính của Học Hội, ông bèn thúc giục Tôn Dật Tiên, được coi là người lãnh đạo, cố gắng rời ngay khỏi Quảng Châu. Lục Hạo Đông và vài người xung phong ở lại để dò tát cả giấy tờ di họa và, nếu còn thi giờ, họ sẽ giấu luôn vũ khí. Giấy tờ thì cần phải tiêu hủy trước hết, để cứu vớt sự sống cho những người liên lụy vào cuộc mưu đồ mà tên tuổi đã có trong danh sách.

Bác sĩ Tôn rời khỏi địa điểm, nhưng, trước khi Lục Hạo Đông và các ban hoàn tất công việc, thi những sĩ quan đã áp tới và chặn bắt năm dung sĩ vẫn còn ở nán lại ngoài nhà để tu nguyên cứu người chỉ huy và các đồng bạn.

Tôn Dật Tiên thoát nạn và, trải qua một ít gian nan, ông đã đến được Hồng Kông. Năm người bị bắt được ném vào một nhà lao khắc nghiệt, nơi các thường phạm và chính trị phạm được nhốt chung. Nơi đây, từ

nhân rất bị ngược đãi và, với tội muối loạn chống lại nhà cầm quyền, số phận được xử như là những kẻ trộm hoặc những kẻ giết người. Lục Hạo Đông là tín đồ Cơ Đốc đã được xác chứng; vài người cùng mang đức tin như Đông hợp nhau gởi thỉnh nguyện thư lên nhà cầm quyền xin một tội trạng giảm khinh thay vì cái chết, làm như thế để đỡ đở dầm họ phải lo lót những gì. Nhưng sự công kích khá nghiêm trọng và, nếu đơn xin giảm khinh được chấp thuận, nhiều vấn đề rắc rối sẽ xảy ra ở Bắc Kinh.

Trong thỉnh nguyện thư, Lục Hạo Đông không lo riêng phần, vì ông không có ý xin đặc ân nơi người Mãn Châu. Khi thỉnh nguyện bị cự tuyệt, ông làm một bản trần tình nêu lên những tệ hại mà người Trung Hoa phái gánh chịu cùng cái tâm địa của nhà cầm quyền Bắc Kinh gián hâm xú sở thuat lùi, khước từ mọi đề nghị giải phóng dân tộc.

Lục Hạo Đông và ba đồng bạn bị dẫn ra pháp trường xử chém, người thứ năm đã chết trong nhà lao. Nếu Lục Hạo Đông còn sống, ông sẽ là một trong các lãnh tụ chính yếu của phe cách mạng, vì ông không những là một tri thức ưu việt Trung Hoa thán thiết

với người Anh, mà còn là con người quả cảm và hoạt động táo tợn. Ông là một trong những người tuân nghĩa đầu tiên của cách mạng và tên ông phải được tôn sùng. Luôn luôn, máu của những người tuân nghĩa là hạt giống, từ đấy dân chúng đã đứng lên tranh đấu và, nếu cần, thiết cho Trung Hoa được giải phóng\*. Nhiều năm sau, bác sĩ Tôn đã viết những dòng chữ xứng đáng về con người trẻ đã từng là bạn và đồng chí của ông.

Ông bác của Lục Hạo Đông, thời đó, là người kỳ cựu làng Thúy Hạnh; do việc trên, theo tục lệ Trung Hoa, ông sợ liên đới trách nhiệm, bèn trốn đi. Nhưng một người bà con khác, cha của Luke Chan, lại bị tống vào tù. Ông này khá thạo việc và được bác sĩ Tôn từng tham khảo ý kiến, nhưng ông không có dự phần trong cuộc nổi dậy. Ngôi nhà ông bị giam ở Quảng Châu là nơi ghê tởm, thức ăn bẩn thỉu và sơ sài, thiếu vệ sinh khiến ông ta bệnh hoạn. Năm đầu, ông ta gắng chịu đựng, nhưng khi biết ông là một trí thức khá, các viên chức đổi dải tú tú hơn bằng cách giao cho ông công việc biên chép. Con ông, ở Honolulu, tìm đủ mọi cách

\* Luke Chan, cháu của Lục Hạo Đông, đã thuật như trên.

để giải thoát cho cha, bỏ ra đến 6000 Mỹ kim để lập những tờ kêu xin và ló lót những người có quyền. Sau rốt, người con gởi một thỉnh nguyện thư đến sứ thần Ngũ Đinh Phương (Wu Ting Fang) đang đại diện Trung Hoa tại Hoa Thanh Đồn (Washington); sứ thần Ngũ xác nhận bị cáo không làm điều gì xấu mà phải trải sáu năm trong lao tù, nhà không ai săn sóc người vợ đau. Nhờ ảnh hưởng của sứ thần Ngũ, người tù được phóng thích. Nếu không được chạy thoát, người cha của Luke Chán đã cầm chặc cái chết trong lao như nhiều người tù khác.

Đoạn thuật sự cho thấy nỗi sợ hãi của những ai bị tinh nghi có giúp đỡ cho Tôn Đật Tiên.

Người ta ghi nhận Tôn và vài đồng chí của ông là tín đồ Cơ Đốc; điều này làm cho người ta tin rằng ngoại đạo đã xúi giục nỗi loạn. Ý kiến đã dựa trên những sự việc, theo đó nơi nào đạo Cơ Đốc truyền bá, là nơi đó có những người chống lại tệ doan và sự chuyên chế.

Lời buộc tội nhằm mục đích phán đổi các thừa sai Cơ Đốc ở khắp nơi - và ai có lý lẽ của này - vì đạo Chúa Jésus dạy nhân vị và tín điều này dẫn tới đảo

lộn các hủ tục. Trong khi cơ cấu xã hội Trung Hoa có nhiều thành phần được ưu đãi, thì trái lại có biết bao áp bức và tàn bạo trong đời sống chính trị quốc gia mà những người trẻ Trung Hoa, từng tham nhuần sự giáo dục tại các trường Đồng, tát phái này sinh một hận thù nồng nàn chống lại toàn bộ hệ thống cầm quyền của nhà nước.

Người ta bảo bác sĩ Tôn, trong đời sống trước đây, đã xa rời đức tin Cơ Đốc, vì ông không mấy chăm chú vào điểm này, nhất là trong những dòng ghi chép của ông. Sự kiện được chứng tỏ, những mồn đê mà ông tìm kiém kết nạp phần nhiều là tín đồ Không giáo. Nhưng điều dẫn giải đã bác bỏ được nguyên nhân buộc tội nói trên. Vá chừng, ông khá mẫn tiệp và có quan điểm quân chung để tránh làm như thế, mặt khác ông cũng thừa sức để viện dẫn những nguyên tắc và đem áp dụng vào hành động. Ông hiểu quân chung và đền với họ như là người cùng giai cấp vậy.

Sau khi thoát khỏi Quảng Châu, bác sĩ Tôn ở lại Hồng Kông ít lâu, nhờ bạn bè che giấu. Ông biết có nhiều thám tử theo dõi ông và một mối lợi lớn đang mồi mọc nhưng ai bắt được Tôn Dật Tiên. Ông sợ bị tóm và bị áp giải về Quảng Châu. Hồi một người hiếu

luật để biết rằng, nếu ông được sự che chở của nhà cầm quyền Anh, liệu người ta có thể buộc tôi kêu bắt gặp ông và trao trả lại cho nhà cầm quyền Trung Hoa. Và người ta đã trả lời ông, tốt hơn hết, nên rời thành phố sớm chừng nào hay chừng ấy.

Bác sĩ Tôn quyết định dài đến Kobé\*, và những bạn bè thân mến tại Hồng Kông đã lo tiễn nồng cho ông. Tháng 3 năm 1895, sau cuộc chiến tranh ngắn ngủi giữa Nhật Bản và Trung Hoa, hòa bình được tái lập, và Kobé cũng có thể đến được. Trong cuộc chiến tranh này, Nhật Bản muốn chứng tỏ một nước phương Đông theo đuổi những phương lược mới có thể dễ dàng chiến thắng những lực lượng ô hợp và thí điểm tốt nhất là chọn ngay đất nước Trung Hoa.

Đến Kobé, bác sĩ Tôn sẽ không được hưởng ngoại lệ và phải bị dồn xét, đối chất trước đại diện của Trung Quốc và bị dẫn độ, vì nguyên tắc quyền ngoại trị Kobé vẫn thuộc về Nhật Bản cho đến năm 1899.

Nóng nỗi này, vô hình trung, đã đưa ông tới một bước ngoặt có ý nghĩa quan trọng. Ông cắt bím tóc, cải

\*Một thành phố của Nhật Bản, gọi là Thần Hò (nde.)

trang làm một người Nhật Bản để nhập cảnh Kobé. Cú chí cũng nhằm chứng tỏ ông quyết đoán tuyệt với người Mân Châu. Năm 1896, ông viết sự kiện sau đây cho một tạp chí Anh :

Tôi cắt bím tóc tôi đã mang suốt đời. Luôn mảy ngày, tôi không cao ráu và để ria mép ở môi trên. Tôi đến một tiệm bán áo quần và mua một bộ kiểu Nhật Bản tân thời. Khi ăn mặc đúng hoàng, tôi soi gương, ngạc nhiên và khá vui lòng tâm cho sự cải dạng của mình. Cái vé ngoài nó đã giúp tôi, vì tôi có một nước da sám hán hầu hết những người Trung Hoa, đây là một nét di truyền tôi thừa hưởng của mẹ tôi. Người ta bảo tôi có dòng máu Ma lai và sinh ở Honolulu, cả hai xác nhận này đều sai lầm. Tôi là người Trung Hoa thuần túy, nhưng, sau cuộc chiến với Nhật Bản, khi người Nhật bắt đầu được đối đãi trọng vọng, tôi không ngần ngại cải dạng một người Nhật Bản để nhập cảnh Kobé. Phải nói rằng tôi đã mang nợ nhiều vào lúc ấy, vì không còn cách nào khác hơn để thoát thân trong nhiều trường hợp nguy hiểm.\*

---

\* tạp chí Strand Magazine

Như chúng ta đã biết, mẹ, và cả các con của bác sĩ Tôn đều đã sang Hawaï để được bảo đảm an toàn. Họ sống với người anh của ông, Ah Mi; Tôn tìm cách theo sang. Ông nghĩ rằng ông có thể khuyên cảo các bạn yêu nước của ông nên dài già định như thế và đầu óc ông cũng nghĩ đến một chuyến đi Hoa Kỳ mà ông hy vọng tìm nơi đây cảm tình cũng như sự giúp đỡ tài chính.

## CHƯƠNG VI

ĐI HONOLULU, HOA KỲ VÀ ANH CÁT LỢI

Bị bắt giam trong sứ quán Trung Hoa

Ông tự đánh thoát.

Tôn Dật Tiên đến Honolulu đầu năm 1896. Ông không phải là người xa lạ gì và có thể lưu lại đây với các bạn bè quen biết. Người Trung Hoa ở Hawaii đều là người Quảng Châu và do đó họ không thể làm ngơ đối với hoạt động cách mạng ở Quảng Châu. Cuộc sống của họ ở trên đảo như khiến họ sẵn sàng ưa thích những nguyên tắc mà bác sĩ Tôn đang theo đuổi tranh đấu. Không nơi nào trên thế giới người Trung Hoa được đối xử tốt bằng ở Hawaii, con cái họ có quyền theo học những trường công lập. Sinh hoạt thường ngày cũng như tập tục của họ đều được tôn trọng và người da trắng nhìn họ bằng những cảm tình đẹp đẽ nhất. Bác sĩ Tôn liền kết hợp với người quanh ông để bàn luận công việc.

Từ lâu không có mặt ở Honolulu, nay người bạn vong niêm và cũng là thầy học của bác sĩ Tôn - bác sĩ

James Cantlie - mới có dịp ghé chân, nhận trên đường về Anh quốc. Trong khi tàu phải neo lại một ngày ở bên, bác sĩ Cantlie bèn thuê một chiếc xe hơi du ngoạn trong thành phố, cùng với vợ và người đầy tớ gái Nhật Bản. Trên đường, một người đàn ông từ trong lè rέo gọi và chạy đến bên xe, người ta ngờ là một người Nhật và bác sĩ Cantlie phải hỏi lại người đầy tớ gái Nhật Bản. Người đàn ông đó là Tôn, và mặc dù ông đã dùng Anh ngữ để giải thích, bác sĩ Cantlie cũng không nhận ra được ngay. Đành phải, dù có nhiều việc để kể, họ đã chia tay nhau và bác sĩ Cantlie có mời Tôn khi đến Anh quốc thi tới trú tại nhà ông. Sự cải trang của Tôn, hiển nhiên, đã thành công mỹ mãn; bác sĩ Cantlie có viết: "Ông ta không có đuôi sam, lại để ria mép mọc ra và ăn vận áu phục"<sup>23</sup>.

Bác sĩ Tôn trải mấy tháng ở Honolulu và nói chuyện khá nhiều, hoặc riêng hoặc chung, ông đã mở những cuộc đàm thoại về chủ đích công cuộc theo đuổi. Khi thấy thời cơ đã chín muồi, ông tổ chức một cuộc họp tại nhà một người bạn là Ho Fon, gồm khoảng ba mươi người. Sau một cuộc bàn cãi và giải

<sup>23</sup> Cantlie, Tôn Dật Tiên và sự thực tính của Trung Hoa.

thích, nghị quyết thành lập một tổ chức mệnh danh "Hung Trung Hội" (Hung Chung Hui). Mọi người tham dự phải tuyên thệ trung thành và trong sạch đối với mục đích theo đuổi; không tiết lộ những bí mật của Hội, tuân theo người lãnh đạo trong công tác và làm việc cho cách mạng cũng là công hiến cho Hội tùy theo phương tiện khả năng.

Một số người hiện diện trong cuộc họp ấy có quen biết với biên giả (Restarick), vì họ còn sống tại Honolulu. Viên thư ký hãy còn sống nhưng những biên bản báo cáo đã bị thiêu hủy trong trận hỏa hoạn tại khu vực Trung Hoa ở Honolulu năm 1900. Người có ván chính của Hội là Li Chung, ông này do chính quyền Hawaii mang từ Trung Hoa sang để làm thông dịch cho tòa án. Ông được đào tạo dạy dỗ ở trường của Nữ Hoàng tại Hồng Kông và đó là một hối viễn danh dự của Hội. Ông chấp nhận lời thề của các hối viễn, người đầu tiên tuyên thệ là Tôn Dật Tiên, tay trái đặt trên một cuốn Thánh kinh mở ra và tay phải thì đưa lên trời, xin Thượng đế chứng minh lòng ngay thẳng. Những kẻ tham dự, người này đến người khác, tiếp tục noi gương ông, họ thừa hiểu làm như thế là đã dấn thân vào những gian nguy hoặc ngay đèn rú chè

nữa. Họ đều là những người trẻ, vài người chưa đến tuổi hai mươi. Một số trong bọn họ ngày nay đảm nhận những việc quan trọng, như nhân viên ngân hàng hoặc là viên chức trong các công sự to lớn ở Honolulu.

Cuộc họp kế tiếp của Hội diễn ra tại một địa điểm khác khả dụng nạp được một số lớn người tham dự và, lần đó, có tới hàng trăm người hiện diện. Đến cuộc họp lần thứ ba, thì họ đã đạt được thắng lợi tốt đẹp. Tất cả đều tràn đầy nhiệt tâm. Để lâm thời chiến đấu, họ thấy mọi người cần phải có một vài cuộc tập luyện quân sự nào đó; và một người Đan Mạch tên Victor Bache, từng ở trong quân đội, được kết nạp như là huấn luyện viên. W. Yap được chọn làm chỉ huy, và C.K.Ai làm phụ tá. Họ tụ tập trong sân nhà của giáo sĩ Frank Damon, vì thừa sai chấn dát các con chiên Trung Hoa tại Hawaii, nhưng giáo sĩ không có can dự vào những bí mật của Hội. Các bạn trẻ hội họp mỗi tuần hai lần và dùng những cây gậy để thực tập như là vũ khí.

Trong thời gian lưu trú tại Honolulu, bác sĩ Tôn đà lạc quyên được khoảng 6000 Mỹ kim, đó là một món tiền khá lớn đối với thời ấy, vì phần đông người

Trung Hoa còn đang ở trong những tình trạng rất là eo hẹp. Tiếp đó, vài người Trung Hoa tại Honolulu và các nơi khác đóng góp cho tổ chức tất cả số tiền bạc đã dành dụm được. Bác sĩ Tôn rời Honolulu vào tháng 6 năm 1896 và ông khẳng định ngay rằng, chính phần mười trong số những người yêu nước đang cư trú trên đảo đã theo về với ông. Đáp tàu đi San Francisco, nơi đây ông được sự tiếp đón nồng nhiệt của hầu hết số đông người Trung Hoa định cư và ông tin tưởng vào những gánh vác hào hiệp của họ. Từ đô thị này, ông đã đi khắp Hiệp Chúng Quốc nơi nào có người Trung Hoa cư ngụ và, đâu đâu, ông cũng kết nạp người cho cuộc mưu đồ. Thật ra, tất cả những người Trung Hoa ở Hiệp Chúng Quốc đều là người Quảng Châu, kể thù truyền kiếp của người Mân.

Dẫu đâu, bác sĩ Tôn cũng cùng một lời kêu gọi và khi ông nói với mọi người rằng ông có sức đem lại cho Trung Hoa một nền Cộng Hòa thì họ đã tỏ ra cảm kích nhiệt thành. Ông trình bày rằng cuộc thay đổi chỉ có thể thực hiện được bằng một cuộc cách mạng, như cuộc cách mạng của Hoa Kỳ khi nước này thoát khỏi quyền áp chế của Anh quốc. Những người Trung Hoa đang sống trong một nước Cộng Hòa, dài sòng và tài

sản được bảo vệ, nên danh từ Cộng Hòa mà bác sĩ Tôn  
nhắc tới đã làm họ hân hoan.

Trong khi còn ở Hoa Kỳ, Tôn hiểu rằng sứ thần  
Trung Hoa tại Hoa Thanh Đôn nỗ lực từng bát đát đưa  
ông xuống tàu gửi về nước. Ông biết số phận đang đợi  
chùa nếu ông bị bắt dẫn đi, ông có viết về sự việc này :

Để nghỉ trang, mắt cá chân tôi bị đập sǎn trong một  
dám dồng chen chúc, tôi lấy búa đập thêm cho tóet ra, lồng  
mày thì cắt đi, làm cách nào để, trước cái thân tàn đại của  
tôi, không ai có thể nã di bão trinh. Vì rằng luật lệ cờ Trung  
Hoa chẳng mắt thi giờ để thương xót đến những tội phạm  
chính trị.

Ông đập tàu đến Nữu Úớc để sang Anh quốc vào  
tháng 9 năm 1896 và, khi đến Luân Đôn, ông trở  
thành tân khách của bác sĩ Cantlie. Không rõ ông hy  
vọng thực hiện tại Anh quốc điều gì; người Trung Hoa  
sống rải rác trong xứ này, nhưng biết đâu có thể ông dự  
định đặt mối quan hệ với vài người khá giả khả dĩ  
giúp vào công cuộc giải phóng Trung Hoa bằng cách  
cho vay nợ một khi Cộng Hòa Trung Hoa được thành  
lập, như chúng ta thấy ông đã làm như thế trong một  
cuộc thăm viêng về sau này. Ông hiểu, qua sử sách,  
người Anh từng có nhiệt tâm với người Ba Lan, Hung

*Gia Lợi và với người các nước khác trong các công cuộc đấu tranh cho độc lập và ông sẽ tìm vài người có thể giúp cho hàng triệu người Trung Hoa được giải phóng.*

*Người ta nghĩ rằng ông muốn hiểu cẩn kẽ mọi việc trong trường hợp ông phải thương lượng để mua vũ khí. Ông còn một ít tiền, tình trở về Tân Gia Ba (Singapour) và Straits Settlements, nơi có nhiều nhà yêu nước cư ngụ, trong đó vài người khá giàu có; tại đây ông mới có thể có đủ tài chính để mua quân khí, trang dung.*

*Ông luôn luôn tỏ ra khá tinh khôn để tránh né bọn thám tử, út ra là cho đến lúc này, và thường lấy tên người khác để khai trong những chuyến đi, nhưng tới Anh quốc ông lại ít dè dặt vì cảm thấy an toàn. Trong khi đó thì sự bất trắc đã theo đuổi bên ông; ngày chủ nhật 11 tháng 10 ông bị đón bắt. Đây là doan do ông tự thuật :*

*Tôi xuống phố, đến nhà thờ, thi gặp một người Trung Hoa, y hỏi tôi là người Trung Hoa hay Nhật Bản. Tôi trả lời y và y bảo y cũng là người Quảng Châu. Vừa đi vừa nói chuyện với nhau bằng thỏ ngữ, chúng tôi lại gặp một người Trung Hoa khác. Bọn họ giục tôi ghé nhà họ để hút một điếu*

thuộc. Tôi ngàn ngai và bảo rằng tôi có hẹn với bác sĩ Cantlie tại nhà thờ. Chúng tôi lại gặp một người Trung Hoa nữa, và đèn đây, người thứ nhất từ giã chúng tôi. Khi chúng tôi tiên đèn gần cánh cửa mờ róng của một ngôi nhà, một người bên cạnh đã đẩy mạnh tôi vào. Tôi không nghĩ ngần gì cả, nhưng khi vào trong, cánh cửa được khép lại và đóng chặt, thoáng cái tôi hiểu ngay là tôi đang ở trong sứ quán Trung Hoa.

Những người trong sứ quán được báo tin từ Hoa Thành Đồn và họ đã theo dõi tôi. Họ cho người đến tục tìm giấy tờ của tôi tại nhà bác sĩ Cantlie, song người ta bảo tôi không có ở đó, nếu bon ho bát được giấy tờ, thì tại Trung Hoa sẽ có nhiều cuộc bắt bớ, vì tất cả tên tuổi hôi vien của tôi chắc đều nằm trong ấy. Sir Halliday Mc Cartney là người thẩm vấn chính thức, ông ta bảo với tôi rằng một buồng tàu đã được thuê sẵn để chờ tôi về Trung Hoa và người ta phải giấu tôi cho đến ngày tàu nhổ neo.

Tôi bị nhốt kín trong một căn phòng, cánh gác chật chẽ, luôn mười hai hôm như thế để chờ ngày đi chuyên tôi ra bến tàu, gởi về Trung Hoa như là gói một kẻ điên, và tôi sẽ không bao giờ thoát khỏi, nếu ông han vong niên của tôi là bác sĩ Cantlie lúc ấy không sống tại Luân Đôn. Sau nhiều lần thất bại, cuối cùng tôi đã báo tin được cho bác sĩ hay.

Sir Halliday Mc Cartney là có ván người Anh của sứ quán. Bác sĩ Tôn thư ném những mẩu tin có buồm giấy bạc qua cửa sổ. Một trong những mẩu tin đó đã bị một người giúp việc cho sứ quán nhặt được, lập tức các cửa sổ đều bị đóng kín hết. Trong cơn tuyệt vọng, ông này ý mua chuộc một người Anh giúp việc cho sứ quán, nhờ y mang một mẩu tin đến bác sĩ Cantlie.

Và luôn luôn, người đàn bà thường xuất hiện để cứu nguy. Vợ người Anh giúp việc cho sứ quán nghe chồng nói về số phận thảm thương của người tù Trung Hoa, bèn thân hành mang đến bác sĩ Cantlie bức thư như sau :

Một trong những người bạn của ông bị giam cầm trong sứ quán Trung Hoa, từ chủ nhật trước. Người ta có ý gửi người ấy về Trung Hoa, nơi đây chắc rằng người ấy sẽ bị bắt tội. Thật tội cho con người khốn khổ này và, nếu không làm ngay một việc gì tức khắc, người ấy sẽ bị đưa đi mà không một ai hay biết. Tôi không thể ký tên, nhưng đây là sự thật, ông cứ tin lời tôi nói. Làm được điều gì, ông nên hành động ngay không thì trễ mất. Tên người ấy, tôi nghe như là Sin Yin Sen.

Mẩu tin để nới cửa nhà bác sĩ Cantlie, lúc 11g30 ngày 17 tháng 10. Chuông reo, bác sĩ trả dây, xuồng nhẹ

và tìm thấy bức thư dây vào dưới cửa; người đưa thư đã  
ra đi. Lập tức, bác sĩ đến Scotland Yard<sup>6</sup> và người  
trưởng phòng báo rằng việc đó không thuộc thẩm quyền  
của ông ta. Ngày hôm sau, bác sĩ trở lại nơi đây, nhưng  
người ta như không quan tâm đến câu chuyện ông kể, họ  
bảo ông điên khùng. Bác sĩ cố hò giận dù, vì không thể  
để mất thì giờ. Ông tìm đến bộ Ngoại giao, nơi ông có  
quen biết một nhân vật quan trọng. Người ban này liền  
mang sự việc đến trước bộ trưởng Ngoại giao Lord  
Salisbury nhờ giúp phóng thích người tù. Nếu sự việc  
này không thực hiện, thì 20 giờ sau đó, Tôn Dật Tiên đã  
ở trên tàu đi Trung Hoa và, như số phận của một vài  
món hàng, ông sẽ phải bị giết. Người Anh không có quyền  
vào trong sứ quán và thả người tù ra, nhưng họ có thể  
cho thám tử và cảnh sát bao vây để sứ quán không thể  
đưa Tôn xuống tàu. Cuối cùng, thấy giữ lầu không tiện,  
viên sứ thần Trung Hoa đành thả Tôn ra.

Những cuộc đào thoát, ông trải qua khá nhiều  
nhưng không lần nào khiến ông lo lắng khổ não cùc  
độ bằng lần này. Báo chí Anh quốc tường thuật dài  
dòng về sự việc và kể từ ngày đó bác sĩ Tôn Dật Tiên

---

<sup>6</sup> Cơ quan Trung ương tình báo Anh quốc (MI6).

trở nên tiếng tăm trong kháp giới đọc Anh ngữ. Sự việc tự nó đã làm cho ông nổi bật chứ không phải bao chí chủ tâm quảng cáo, ông đã thu hút được cảm tình của một số khá lớn quần chúng vô hình trung có thái độ đối với những phương thức và thủ đoạn của chính quyền Mân Thanh. Trước con mắt của số đông, ông nghiêm nhiên trở thành người anh hùng tranh đấu cho Tự do. Và, giữa những chú ý người ta dành cho ông, ông không quên cảm ơn vợ chồng người Anh đã chuyển mẫu tin đến cho bác sĩ Cantlie.

Sau khi được cứu thoát, ông viết trên Luân Đôn thời báo (London Times) như sau :

Quý vị có vui lòng cho tôi dùng những trang báo của quý vị để tôi được thảm giá việc làm của chính phủ Anh quốc đã có công giải thoát cho tôi khỏi sự quản Trung Hoa ? Tôi cũng xin cảm ơn báo chí về sự giúp đỡ thích đáng và đầy thiện cảm.. Nếu cần có một vài sự kiện để chứng minh đức tính hào hiệp và lòng yêu chuộng công lý của quang đại quần chúng nước Anh, cái đức tính nò đã phân biệt dân tộc của quý vị với các dân tộc khác, thì chính những nghĩa cử của những ngày vừa qua đã thành tựu hằng hữu vậy.

Tôi hiểu và cảm một cách rất thầm thia rằng không có cái gì khắc dĩ cắt nghĩa hùng hồn hơn cho một chính phủ lập hiến và một dân tộc tự do, tôi nguyện theo đuổi mục tiêu

khỏi hòm và đem lại văn minh cho xứ sở thân yêu của tôi đang bị bóch hại.

Ít lâu sau ngày được cứu thoát, bác sĩ Tôn có viết cho bạn, giáo sĩ F.C.Au tại Hồng Kông, kể với ông này về sự bị giam cầm và tự đánh thoát của mình.

Tôi bị bắt và nhốt trong sảnh quán tại Luân Đôn hơn mười ngày. Viên sứ thần Trung Hoa trù tính trói tôi lại và đưa xuống tàu vào ban đêm. Một chiếc tàu được thuê sẵn cho mục đích này. Viên sứ thần chờ khuya nǎo thuận tiện thì di chuyển tôi ra khỏi sảnh quán và bỏ vào tàu. Trong sáu, bảy ngày đầu giam cầm, không một người lai vãng. Ở trong phòng giam tôi nghĩ là mình chỉ có cái chết và không hy vọng gì được sống trả lại. Lẽ tự nhiên, một người tìm đến với Chúa khóc ho��n, cũng như khi người ta đau khổ và phiền muộn thì kêu gọi tội cha mẹ. Trường hợp của tôi cũng vậy. Trong những ngày đau khổ này, tôi chỉ biết tự hỏi lòng mình, hỏi han và cầu nguyện nhiệt thành. Càng cầu nguyện, tôi càng thấy tin tưởng. Ngày thứ bảy, hổng nhiên tôi cảm thấy hồi lực. Tôi hoàn toàn không sa gi nữa. Tôi không hề cố gắng tự tạo cho mình trạng thái ấy. Trạng thái mà tôi cảm thấy hồi lực và can đảm đến với tôi một cách vô thức. Đây là kết quả của sự cầu nguyện. Tôi sung sướng chịu ơn Chúa xiết ban.<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Do giáo sư Shao Chang Lee trích dịch từ một nhật ký do ở Hồng Kông.

Phản còn lại của lá thư nỗi làm thế nào ông đã  
giải thoát được. Sau vụ đó, bác sĩ Tôn lưu lại một thời  
gian tại nhà bác sĩ Cantlie, ông này bàn luận đến  
thành quả mà Tôn đã học hỏi về lịch sử lập hiến cùng  
tất cả những gì khả dĩ giúp ông hoàn thành nhiệm vụ  
mà ông đã công hiến trọn cuộc đời. Những chuyên di  
tại Hiệp Chủng Quốc và ở Anh Cát Lợi, những người  
ông gặp, nên tiền bộ vật chất ông quan sát, sự tự do  
trong khuôn khổ luật lệ hiện hành, tất cả những cái  
đó đã giúp ông chuẩn bị kiến thức để thuyết minh  
cũng như giúp ông hy vọng đạt tới sự hoàn hảo.

## CHƯƠNG VII

### NHỮNG CHUYỀN ĐI

#### Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa năm 1900

Rời Luân Đôn, Tôn Dật Tiên đi Ba lê, lưu lại đây một thời gian ngắn và ông đến viếng ngay các nơi quan trọng của châu Âu. Nhưng thật sự những công việc của ông chỉ nằm ở cõi Viễn Đông, nên ông đã đáp tàu về Tân Gia Ba. Danh tiếng đã có, vang khắp, và ông được các nhà yêu nước tổ chức một khởi động đảo quần chúng thuộc đô thị này và tại Straits Settlements nói chung, đón tiếp khá trọng thể. Nhiều người trong số những nhà ái quốc khá giàu có, nhưng, có hưu, ông đã một mình đến gõ cửa nơi họ như kẻ nghèo đến với người giàu, chủ không có những kêu gọi công cộng, đâu đâu ông cũng trình bày với ý quyết tâm rằng chỉ có mỗi cách mang lại tiền bô và sự cải thiện cho Trung Hoa là phải thực hiện một cuộc cách mạng để loại bỏ nền thống trị của người Màn Châu.

Với niềm tin đặc thù và nhiệt tình trong công việc, ông chiêu mộ hội viên để lập thành binh đội như

ông đã từng tổ chức tại các nơi ông đi qua. Mọi người tin tưởng vào ông, tại đây cũng như khắp các nơi, và họ đã công hiến lớn lao cho công cuộc. Tân Gia Ba trở thành một trong những cứ điểm khá mạnh của phe cách mạng và bác sĩ Tôn có nhiều dịp đến thăm khi ông cần tài chính hoặc để tìm nơi ẩn náu chống lại kẻ thù. Các mồn đe ở Tân Gia Ba không tin rằng ông sẽ hoàn tất mau chóng ý hướng của ông. Nhưng người Trung Hoa là một dân tộc kỳ khu và, khi đã tin theo một hệ tư tưởng, đức kiên nhẫn, sự bền gan và quyết tâm của họ thật là phi thường. Họ quá hiểu rằng trước khi một nền Cộng Hòa có thể thiết lập tại Trung Hoa, cần phải chuẩn bị nhiều công việc, bởi vì một khối dân đông đảo không thể hướng ứng một cách xô bồ, ngay trong tỉnh Quảng Đông mà người dân có thể nói là nhanh chóng lãnh hội lời kêu gọi nhất; nhất định, trước giờ hành động, họ cần phải trải qua nhiều năm thử thách.

Bác sĩ Tôn thường xuyên liên lạc với các tổ chức địa phương để xem xét sức mạnh trưởng của họ. Họ hoạt động dưới sự điều khiển tổng quát của ông và báo cáo những tiến triển đã làm. Ông hiểu rằng từ khi nền ngoại trị bị phế tiêu cho Nhật Bản (trong ý nghĩa

này chủ quyền coi như đã lung lay) thì khu vực trung ương phải thuộc về xứ này. Dù thời gian chưa đến lúc, ông cũng quyết định đi Nhật Bản, nơi đây hiện có nhiều người Trung Hoa cư ngụ, nhất là tại Hoành Tân (Yokohama) và Đông Kinh (Tokyo). Tại Đông Kinh, có một số lớn sinh viên và ông nảy ý tìm vài người trong bọn họ có thể theo ngành hóa học và dù khả năng chế tạo những chất nổ cho các nhà cách mạng. Đến Nhật Bản, ông tiếp xúc bí mật với các nhóm yêu nước và nói về nội tình Trung Hoa cung những yêu cầu của tình thế.

Điều đáng lưu ý, trong số đông các người tham dự, ông đã tỏ ra ít đặt niềm tin nơi họ. Tôn nói chuyện với những người thiểu số, nhưng không than vãn bao giờ, và ông chí ghì đánh tánh họ có mỗi lần đó. Hình như tại Nhật Bản, ông có ủy thác tài chính đã quyên góp để mua vũ khí cho một người có tên là Nakimura và người này đã quyết tất cả tiền ông không còn một đồng bạc nào. Việc này khiến ông khó lòng giải thích cho các người Trung Hoa ở Tân Gia Ba rằng ông đã bị lường gạt bởi một người Nhật Bản và ông cần một sự gánh vác hiệp khác của họ, quí

nhiên, khi trở lại thương cảng này, ông lại nhận được những món tiền khác.

Từ Tân Gia Ba ông trở về Trung Hoa, đi nơi này nơi khác dưới nhiều lốt cải trang khác nhau, đôi khi là người phu, rồi là kẻ bán rong, lúc lại là người Nhật Bản. Với giải thưởng đắt giá treo trên đầu ông, thật kỳ lạ thật ông đã không bị dồn bắt, và, trong các trà thắt, cũng như tại các tư gia, ông đã nhấn mạnh về sự cần thiết của giáo dục và - khi giáo dục đã thành phong trào - thì những khuôn khổ của dân chúng tự nhiên phải qui trách vào người Mân Châu. Ông chỉ tiết lộ tên tuổi cho một số ít người chọn lọc, kết hợp dày dặn thành một mồi của tổ chức đối ngũ, sẵn sàng đáp lời ông kêu gọi.

Đây là câu chuyện riêng của Tôn Dật Tiên với những cuộc khai nghĩa, số đông các người nổi dậy phân tán khắp nơi họ không thể mô tả lại được. Họ thường không thích nghĩ, nên chí được dùng trong mục đích duy trì đội ngũ và biểu thị ý thức lớn mạnh của một yêu cầu cái cách.

Cuộc chiến tranh với Nhật Bản vào năm 1894-1895 và những hậu quả thất trận, sự bồi thường chiến

tranh nǎng nề cùng sự chuyén nhượng lanh thǒ lôi cuồn theo những đòi hỏi của thế lực ngoại bang trong việc cát đất chia tô giới. Chǎm chǔ, người Trung Hoa thấy rõ ràng những dǎo lộn chỉ có thể thực hiện trong những cǎ gǎng giáo dục và những nô lực tự vệ, bằng không phái đủ can đảm rời bỏ Trung Hoa mà đi.

Ngay trước chiến tranh với Nhật Bản, các nhà cấp tiến đã khai niệm sự cần thiết dùng cái học phương Tây cùng những nguyên tắc cai trị. Hai vị thừa sai, Y.I.Allen và Timothy Richard có công bố những sự kiện theo đó Nhật Bản đã áp dụng và tiến bộ. Phần đóng các quan chức Trung Hoa, kể cả Lý Hồng Chương (Li Hung Chang) hiểu rằng cần có những sửa đổi. Các nhà cải cách luôn luôn tham khảo ý kiến nơi các thừa sai.

Khang Hữu Vị (Kang Yu Wei), nhà thông thái cuối cùng này có đến viếng Hồng Kông và Thương Hải, thấy những lợi ích của nền văn minh tân tiến, bèn đem viết thành một cuốn sách quảng bá khắp toàn cõi Trung Hoa.

Nhiều tổ chức gởi bán diêu trấn đến Bắc Kinh, hỉnh cẩn xin thi hành những cải cách. Vị hoàng đế trẻ

trung Quang Tự (Kuang Hsu) lấy làm cảm kích vì ông có dọc và đồng quan điểm với Khang Hữu Vi.

Người ta bảo rằng Hoàng đế bắt đầu lưu tâm khi bắt đầu đọc trang thành thư khai kinh, trong đó có nói mươi ngàn phu nữ Trung Hoa theo đạo Cơ Đốc đã được tiến dâng làm nô tỳ cho bà thái hậu già nua.

Kết quả Quang Tự đã quyết định thi hành một vài cải cách và tháng 9 năm 1898, hoàng đế khởi sự công bố các sắc chỉ qui định những cải cách. Quyết định này có liên quan tới tất cả các lãnh vực của chính phủ. Chương trình hạn chế các cuộc thi cử công cộng dành riêng cho những người Trung Hoa theo cải học cổ điển được hủy bỏ. Nền Tây học phải được mạnh dạn thực thi song song với việc đưa du học sinh ra nước ngoài, trường học phải được xây dựng, quân đội phải được tổ chức theo lối mới, và một tân nội các phải được thành lập.

Sir Robert Hard, người đã tận tình giúp Trung Hoa tổ chức và quản lý ngành thuế quan; bằng khả năng và đức liêm khiết của mình, ông được sự ngưỡng mộ rộng rãi, khi hay được những sắc chỉ của nhà vua, ông có bảo: "Tôi không bao giờ chờ đợi thấy những cái

*dó!" Tuy nhiên, ông cũng như các người khác thấy có nhiều sự hấp dẫn, bởi vì không có ai trù hoach trong vài tháng để phải theo đuổi một chuỗi những năm dài.*

*Các nhà cải cách hiểu rằng, muốn cho chương trình của họ thành công, cần phải dẹp bỏ bà thái hậu, nếu cần thì họ âm mưu bắt giam bà lại. Viên Thế Khái (Yuan Shih Kai) biết được âm mưu này và tiết lộ ra. Thái hậu và những cố vấn của bà chống đối dữ dội những cải cách đã được ban hành. Cải trật tự có hữu từng làm cho Trung Hoa lớn mạnh và không cần cớ nhất những phuơng thức của lũ moi rợ. Bà tức tốc đến kinh đô với một lực lượng hùng hậu. Hoàng đế bị bắt giam trong một tòa nhà của cung điện, thế là một lãnh tụ của công cuộc bị cáo thúc, nhiều người trẻ bị chém đầu và tất cả những nhân vật chính phủ đồng mưu với công cuộc đều bị giáng chức.*

*Thái hậu muốn tóm ngay Khang Hữu Vi, nhưng ông đã trốn đi Thượng Hải và, tại đây, ông đáp một chiếc tàu mang quốc tịch Anh đến Hồng Kông. Dù ông đã thoát được, cha mẹ ông cũng bị tru diệt và mồ mả tổ tiên thì bị hủy phá. Tất cả những cải cách đã ban hành đều bị xóa bỏ và xem như không có.*

*Nỗi bất bình không chỉ có tại miền Nam, mà nhiều nhà trí thức trong khắp cõi Trung Hoa cũng đã bày tỏ thái độ. Võ bác sĩ Tôn coi như dấu náo chí huy cuộc cải cách tại Quảng Đông, ông cảm thấy nguy ngập và muốn rời khỏi xứ sở. Thêm một lần nữa, ông sang Hiệp Chủng Quốc. Tại San Francisco, bằng Trung ngữ và Anh ngữ, ông đã nói chuyện trong những cuộc hội họp, một người trẻ tên là Horner Lea, đến bên ông và nói: "Tôi muốn cộng tác với ông. Tôi tin những điều ông nói và ông sẽ thành công".*

*Lea là một người nhiệt tình với những vấn đề quân sự, và những dự án của ông đã cảm động bác sĩ Tôn; sau khi nói nhiều về thể hoạt động, bác sĩ Tôn chấp nhận Lea làm cố vấn quân sự. Nghĩ rằng cuộc cách mạng sẽ cần đến những binh sĩ đã được luyện tập thành thực, người ta đưa dự án thành lập những "cách mệnh quân" chí nguyện (Cadets de la Réforme), và Lea được chỉ định thống lĩnh các tổ chức này. Các bạn trẻ Trung Hoa gia nhập đoàn chí nguyện tại San Francisco được cung cấp vũ khí, tập luyện trong những căn phòng lớn, và những thiết bị cho cuộc thực tập bắn bia cũng được lo liệu sẵn sàng. Có ý kiến nên bánh trướng tổ chức ra các thành phố khác thuộc Hiệp Chủng Quốc, tại Manille một đoàn chí nguyện cũng đã được thành lập.*

Người ta hé rằng ít ra có tới 4000 người trong các đoàn chí nguyện. Nhà cầm quyền Trung Hoa được báo cáo và họ thi hành một vài cỗ găng nhằm ngăn chặn hoạt động này. Hình như những đoàn chí nguyện không hề được dùng tới trong các cuộc khởi nghĩa tại Trung Hoa, nhưng từng cá nhân họ đã trốn về cõi Viễn Đông theo lời kêu gọi của người lành tu.

Người ta thuật lại rằng, khi còn ở San Francisco, bác sĩ Tôn có nói với những người Hoa kỳ những lời này :

Vì các anh là những người tiên đạo của văn minh phương Tây tại Nhật Bản, vì quốc gia các anh theo Cơ Đốc giáo, vì chúng tôi có ý tổ chức chính quyền rập theo như chính phủ của các anh, và, trên hết, vì các anh là những tay quản quản về tự do và dân chủ, chúng tôi hy vọng tìm thấy nhiều La Fayette<sup>2</sup> trong các anh.

Vào một lúc khác, khi can hệ vào cuộc thử nghiệm nổi loạn đầu tiên, ông bảo :

Đó là một trong hàng loạt những điều kiện cuối cùng phải sửa soạn để thiết lập một chính phủ lập hiến trong nền đế chế hiện hữu của chúng ta. Toàn dân Trung Hoa đứng về với ta, ngoại trừ những người Bảo hoàng hùng thu tiền bạc và quyền thế quá nhiều mà họ phải duy trì.

\* Nhà quân sự và chính trị Pháp, sinh tại Auvergne (1757-1834). Ông có dự phần hoạt động rào cuộc dân tròn giành độc lập tại Hoa Kỳ và tại Pháp, trong các cuộc cách mạng 1789 và 1830 (nude).

Một dân tộc ngoại ngữ như dân tộc Hoa Kỳ không phải họ kém hiếu biết thua người Trung Hoa, tính ra họ có hàng bao nhiêu triệu người tại chính quốc và hàng bao nhiêu ngàn người viễn cư, nhưng không lý gì họ bảo tồn những tình cảm tương tự trong cái nhìn về quốc của họ.

Hiện tại chàng có một lối luật lệ nào cả, như các anh đã rõ. Dân không có tiếng nói, không thể kêu ca, rất bát công và rất tàn bạo. Các tổng đốc làm giàu trên sức bóc lột dân chúng. Cuộc ám mưu đánh chiếm Quảng Châu của chúng ta đã thất bại. Nguồn hy vọng tối thiêng của chúng ta hiện nay là làm sao, thành kính và nền giáo dục Cơ Đốc mà chúng ta đã học hỏi được ở Hoa Kỳ là những phương thức để các nhà yêu nước của chúng ta cùng đồng ý tìm nơi đây lời chúc phúc cho những luật lệ đúng đắn. Chàng ta thử thí nghiệm tất cả mọi thể chế bằng khả năng của chúng ta ngoài dân đạo xã hội và tạo dựng một chính phủ mà không phải chan hòa máu đỏ.

Vài người, do những lời nói trên, không hiểu được sự kiện, đã dự đoán rằng hành động bảo chữa của bác sĩ Tôn là một dân nguyên hòn là cuộc mưu đồ của một nhóm nhỏ, qui tụ hầu hết những người chịu ảnh hưởng Hoa Kỳ và châu Âu. Tất nhiên là nên xem xét lại từ đầu, cho đến một hệ thống tuyên truyền và khêu gợi

hận thù nơi người Quang Châu đối với người Mân, việc làm kia đã vực dậy được toàn dân tỉnh phía Nam.

Nhưng ai hiểu rõ Trung Hoa sẽ không đồng ý với Tôn khi ông qui kết hoàn toàn trách nhiệm cho người Mân Châu về tệ hại của nước này. Nếu hệ thống giáo dục là trách nhiệm bao quát của thoái trào văn minh thì người Mân Châu đã có thừa lý lẽ. Rằng các nhà tri thức Trung Hoa không hiểu gì cả và cũng không hề tham gia gì ráo vào thế giới bên ngoài, đó không phải do lỗi người Mân Châu.

Thỉnh thoảng Tôn Dật Tiên có nói đến những năm của triều Minh từng có những thời thanh bình và nền cai trị tốt đẹp. Cần hiểu rằng, nếu ông thông suốt lịch sử, ông phái thấy nền cai trị của nhiều triều đại Trung Hoa thường tàn bạo, thối nát và dê tiện. Ảnh hưởng quái lạ của bọn hoạn quan, thông minh với các người trong cung đình, đã là một đe dọa thường trực và một cội nguồn hủ bại. Người Mân Châu đã tiếm đoạt quyền hành của bọn đó.

Hận thù của dân chúng chống lại người Mân Châu hướng vào sự họ không phải là người Trung Hoa. Người ta cáo buộc họ như là những người ngoại

đi, và, trong khi họ cầm những quyền hành cao cấp ở Bắc Kinh và các tỉnh, thì tại thị trấn và các làng mạc vẫn tiếp tục tạm thời duy trì nền cai trị theo lề xưa. Người ta ước lượng người Mân Châu có vào khoảng năm triệu trên một dân số năm trăm triệu. Nhân dân cảm thấy bàn tay cai trị của người Mân Châu, do các lãnh chúa tại các tỉnh thi hành, luôn luôn áp chế và thiếu vô tư trong vai trò trọng tài.

Cuộc cách mạng Tôn Dật Tiên đem đến khác biệt với những cuộc nổi dậy từ trước chỉ có tính cách thay đổi những chủ nhân ông. Bác sĩ Tôn muốn đạt tới một sự thay đổi toàn bộ hệ thống cai trị.

Khó hiểu làm thế nào mà Tôn Dật Tiên tưởng tượng rằng người Trung Hoa sẵn sàng theo một thể chế cộng hòa nào đó. Nhưng trả ngai thật là lớn. Muỗi người thì hết chín là thiếu chín, không có một giọng nói thống nhất và chữ viết thì phức tạp và khó khăn, ngay cho cả các nhà trí thức. Ở đó, lại chỉ có những phương tiện giao thông nội địa là sóng và kênh đào, phần đông dân chúng thường đói kém và chỉ nhiệt tình làm cái gì để có cái ăn. Tuy nhiên, Tôn đã cố gắng thiết lập một hình thức cai trị khả dĩ yêu cầu dân chúng chịu khó học hỏi và tham gia vào những việc công cộng.

Một trăc ngại khác là sự vắng mặt của ý thức quốc gia. Đã có sẵn một ý thức chủng tộc và văn hóa, và sự mệnh đặt ra trước mặt Tôn cung những người kế tục là làm nảy sinh một tình tự quốc gia. Tình tự này, thế hệ trẻ bắt đầu dâng cờ.

Bác sĩ Tôn đường như không muốn ngoái nhìn lại những khó khăn khủng khiếp trên đường đi của ông, ngay cả thời gian ít lâu trước khi chết, và cá trong hiện tại ông không hề thay đổi tận cẩn bán những nhện định của ông. Phản động các người ngoại quốc và những người Trung Hoa suy tư chín chắn coi ông như là một lý thuyết già không tưởng, một người tạo loạn liên miên và một kẻ mị dân xấu xa hèn nhát.

Bất chấp mọi khó khăn, ông đã chu du khắp thế giới, mở những cuộc nói chuyện, và thu tiền bạc để theo đuổi công cuộc tuyên truyền.

## CHƯƠNG VIII

### THÍ NGHIỆM BAO ĐỘNG NĂM 1900

#### Tình thế tại Trung Hoa

##### Và một cuộc âm mưu thứ hai bị thất bại

Sau cuộc đàn áp hoạt động cải cách năm 1890, bà thái hậu già nua trở lại điều khiển Trung Hoa. Sự thua trận nhục nhã của Trung Hoa trong cuộc chiến tranh với Nhật Bản 1894-1895, chứng tỏ cho bà thấy lực lượng Nhật Bản đã áp dụng những phương pháp khoa học tân tiến, nhưng, với bà, điều này không thành vấn đề.

Người đàn bà kỳ lạ này nguyên là hầu thiếp của hoàng đế Hàm Phong (Hsien Feng). Bà thi hành những trù tính để nắm quyền binh mà không phải mấy nhọc công. Hạ sinh một con trai, bà xem như là mẹ của hoàng thái tử, cái ưu thế tục lệ Trung Hoa đã dành cho và, khi hoàng đế thăng hà, bà nghiêm nhiên trở thành quan mẫu Trung Hoa. Bà mang tất cả thành kiến của trật tự cũ, kể cả sự khinh miệt người ngoại quốc, nền giáo dục cùng các phong tục ngoại lai. Vua vừa băng, bà trừ khử ngay tất cả các người quý tộc đã ngăn cản đường đi của bà và cai trị bằng một chính sách sắt thép.

Hoàng thái tử yêu mệnh; bà lại sinh một hoàng nam khác sau khi hoàng đế băng, nó giúp bà tiếp tục giữ quyền nhiếp chính. Bà luôn luôn sẵn sàng và chụp kẽ náo tó rợ nguy hiểm cho sự thống trị của bà. Đó là cái lý để bà giám cầm hoàng đế Quang Tự và tuyên bố xem như không có những sắc chỉ cai cách. Nhờ bọn thám tử, bà biết được hoạt động của tinh Quảng Đông mà Tôn Dật Tiên là người đầu não, và bà sẵn sàng với bất cứ giá nào phải triệt hạ cho bằng được ông ta.

Năm 1900, hoạt động của Quyền Phí (Boxers) phát sinh và theo dòng cuộc nổi loạn họ đã giết nhiều người ngoại quốc khi những kẻ bạo vê chế độ cũ quyết định trực xuất người nước ngoài ra khỏi đất nước. Quyền Phí, thực tế, chủ trương chính cách đố kỵ "lũ moi rợ" (barbares). Đằng sau tất cả những cuộc tạo loạn, là sự đố kỵ người ngoại quốc: chính sách công kích của họ, mang theo nỗi lo sợ rằng những cổ tục truyền thống Trung Hoa phải bị đánh đòn bởi sự giáo huấn và ánh hường ngoại lai. Tiếng gọi đầu tranh của họ là: "Hãy bảo vệ đất nước, tiêu diệt ngoại nhân!"

Người ta có thể nghĩ rằng, lần này, bà thái hậu giùm nua bất đầu chịu hiểu đến sức mạnh của các

nước ngoài. Nhưng khôn nỗi bà hoàn toàn mù tịt về thế giới bên ngoài. Những cuộc quấy nhiễu diễn ra ở miền Bắc và đó là cơ để cho các liên minh đó bộ tiền vào Bắc Kinh, nơi các nhân viên sứ quán của họ và những người khác đã bị bao vây đánh đập. Những đoàn quân Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Nhật và Nga đánh tan dễ dàng lực lượng Trung Hoa và xâm chiếm Bắc Kinh. Thái hậu và triều thần lánh về mạn Tây và quân Đồng Minh đã cướp phá thủ đô, tính chất của vài thu như rợ Hung (Huns) hơn là binh lính của những nước tự xưng là theo Cơ Đốc giáo.

Trong khi phần rất lớn của thời kỳ nhiễu loạn của Quyền Phi trôi qua, thì Tôn Dật Tiên ở ngoại quốc, đang di tìm nguồn tài chánh. Các cuộc quấy nhiễu ở miền Bắc chỉ làm củng cố thêm ý hướng ông xúc tiến một cuộc cách mạng. Ông hiểu các nước ngoài và điều gì phải làm để có ký cương và vũ khí tối tân chống lại một khởi động vô tổ chức.

Ông thấy rõ hơn lúc nào hết, muốn tiến hành một cuộc cách mạng thời mới, phải có nhiều tiền để sửa soạn và mua vũ khí quân nhu. Tiền này, ông vận động ở Hiệp Chúng Quốc và ở châu Âu, để có. Một tiền ông muốn là 2.500.000 đô la, thay vì chỉ hy

vong tùng có nói các nhà yêu nước hảo tâm. Trong một cuộc phỏng vấn về việc này, ông có nói: "khởi sự dân thân vào cõi liềng chính trị, tôi sang Hoa Kỳ và thăm hỏi các ngân hàng lớn ở châu Á. Nhưng mặt sứ được tôi gửi đi khắp nơi. Vài người, chuyên nghề mượn danh nghĩa tôi, tỏ ra thiếu xứng đáng để gửi niềm tin nhưng nay tôi không thích nhắc tới họ".

Ông không cho biết ông đã thu đạt được vài món tiền ưng trước nào căn cứ trên những may mắn thành công trong tương lai, nhưng điều một người Pháp nói về ông sau đó, quả thật không sai. Rằng người Pháp chẳng săn lòng để cho ông vay tiền, nếu không có một bảo chứng chắc chắn, và tất nhiên Tôn không có một bảo đảm nào để được hỏi vay. Tuy nhiên ông đã nhận được nhiều món tiền lớn góp tính cá những khoán lạc quyên tổ chức khắp nơi trên thế giới, và, với tiền này, ông đã theo đuổi công cuộc tuyên truyền và, cùng với các phương tiện này cho phép, ông đã thu xếp cho công việc tích trữ vũ khí và quân nhu.

Một phương cách mà ông dùng để hái ra tiền là phát hành giấy bạc. Loại 10 đô la và do "Cộng Hòa Trung Hoa" (République Chang Hwa) phát hành, trên đó thấy vẽ một lá cờ màu thiên thanh với, ở giữa, một

bạch nhật. Người ta hứa trả bằng vàng cho người mang  
tám giấy bạc 10 đô la góp xây nền Cộng Hòa, tại ngân  
khô hoặc do các nhân viên ở hải ngoại thanh lý. Họ  
cùng ký trên giấy bạc : Tôn Văn, giám đốc và Gnane  
Hap, thủ quỹ. Những tấm giấy này có thể đổi thành  
tiền do Tôn và các nhân viên của ông khấp trên thế giới  
- nơi nào có người Trung Hoa ở - lo liệu và, từ cách thức  
này, một số tiền to lớn đã nhích lèch chui vào ngân  
khô. Giấy bạc in bằng chữ Trung Hoa và chữ Anh.

Với tất cả những khó khăn ông phải đương  
đầu, một người thiểu quâ quyết sẽ bỏ cuộc từ lâu,  
nhưng sự khó khăn hình như chỉ thúc đẩy tối những  
cố gắng lớn lao. Để có một trung ương ở vào một địa  
diểm chắc chắn, gần Trung Hoa càng tốt, ông thiết lập  
một hội quán tại Yokohama\*, nơi có nhiều người  
Trung Hoa cư ngụ. Dưới chân sườn núi Bluff, nơi  
những người Âu châu và Hoa Kỳ sinh sống, không xa  
Đại khách sạn, du khách rất biết rõ, có một ngôi nhà  
mà các đảng viên của đảng cách mạng thường lui tới.  
Từ ngôi nhà này, không xa tòa lãnh sự Trung Hoa bao

\* Yokohama : Hoành Tân, một hòn cảng lớn của Nhật Bản. Các  
nhóm cách mạng Việt Nam thường tụ tập hoạt động ở đây đầu thế  
kỷ XX.

nhiều, người ta giữ được liên lạc với các nhóm "Tân Trung" tại Quảng Châu và tại khắp nơi có đoàn viên của Hội.

Nhiều chuẩn bị đã được sắp đặt cho cuộc nổi dậy vào cuối năm 1900. Một đơn vị<sup>\*</sup> của phe cấp tiến, do các sĩ quan hướng dẫn, theo luyện tập dưới một bộ chỉ huy cao cấp hải ngoại, vì ở đó có nhiều người nhiệt tình với Tôn Dật Tiên, như người Nhật Bản và người Caucasiens\*\*. Nhưng lực lượng này còn yếu, và đây quả là sự to gan hơn là để tưởng tượng rằng các bạn trê đã gom góp lực lượng nhằm chiến thắng những binh đoàn hùng mạnh của người Mãn Thanh. Người ta chờ đợi, như trong cuộc khởi nghĩa năm 1895, sau thành quả sơ khai, khởi động dân chúng sẽ tung phục dưới cờ. Vấn đề đặt ra là đào ó đâu ra để có vũ khí và quân nhu

\* từ ngữ contingent : số binh lính mỗi hạm phải tập. Cuộc cách mạng chiêu tập mọi người dân Trung Hoa cư ngụ khắp trên thế giới, nên số chỉ nguyên quân mỗi nơi cung cấp được coi như số lính của mỗi hạm; ở đây, người dịch tạm dùng chữ "đơn vị" để diễn dịch từ "contingent". Như trong một trang sau, ta thấy dùng chữ contingent howaien để chỉ số quân chỉ nguyên người Trung Hoa sinh sống tại Hawaii (nде).

\*\* Thuộc xứ Caucasus ở phía đông-nam nước Nga (nде).

cho một lực lượng lớn, nếu không, khi thất bại đèn sò sò, người ta lại bảo vì thiếu tiếp liệu.

Khi tất cả đều được dự trù trang bị, Tôn Dật Tiên rời Yokohama trở về Hồng Kông, nhưng, khi cập bến, nhà cầm quyền Anh - được sự thông báo của chính phủ Bắc Kinh về cuộc nổi dậy - đã không cho ông lên bờ. Các nhà cách mạng nhóm họp trong một thung lũng không xa Macao, cái ngả vào thung lũng được canh phòng nghiêm mật và tại đây họ đang chờ người lãnh tụ. Viên thủ quỹ của Hội, đèn trên một chiếc tàu trước đó, cũng không được phép lên bờ và ông ta phải đi Tân Gia Ba; vì thế Tôn cũng theo đi với ông ta. Người thủ quỹ mang số tiền khá lớn cần thiết cho công cuộc và khi Tôn tới Tân Gia Ba, ông đón người ấy và lấy lại tiền. Một thời điểm đáng ghi dõi với bác sĩ Tôn là ông đã nhận giữ tiền bạc và dùng tiền đó vào những dịch vụ thương mại, tuy nhiên, sau những thời hạn đòi nợ rầy rà, ông lại đem nhà chửa trách tội để lấy lại tiền.

Với tất cả sự cẩn mẫn khả dĩ, Tôn Dật Tiên lại trở lại Hồng Kông và, lần này, ông được phép lên bờ. Song nhà đương cuộc Anh canh chừng ông sát cánh khiến ông không thể nào tới được chỗ các đồng chí

nhóm họp. Điều ông chỉ có thể làm là gởi cho các đồng chí một bản tin nói với họ rằng ông có tại ngang quê hương, ở vài địa điểm và, bằng cách này hay cách khác, ông sẽ thu xếp để gặp họ tại đây. Thế nhưng, lần đó, cơ hội qua đi vì chậm trễ và các nhà cách mạng bị binh đội hoàng gia tấn công. Dù có thành công tối được chốt đã định, nhưng những chương trình của họ lại thất bại và mọi người phải tan mác ai về nhà nấy. Thời gian mất đi đang khi Tôn ở Tân Gia Ba, ông không thể không lấy làm ngạc nhiên; bọn thám tử có thể giờ dễ thông báo cho nhà cầm quyền Quảng Châu hay rằng những người có vũ trang tu tập không xa thành phố và rời binh lính được phái ngay tối để đàn áp.

Cuộc mạo hiểm nhọc nhằn này nhắm vào tháng 9 năm 1900. Các nhà cách mạng chỉ có vào khoảng 600 người. Chủ tâm của họ là đánh chiếm cái phố nhỏ Huệ Châu (Waichow)\*, nhưng đã làm tiêu non một cuộc nổi dậy tại vài nơi khác. Người ta hy vọng rằng tỉnh Phúc Kiến (Foukien) sẽ bị chèn ngự và, tại đây, nền Cộng Hòa của Trung Hoa sẽ được công bố. Nhưng tất cả kế hoạch bị xáo trộn khi 4000 lính triều đình cương chế cái lực lượng nhỏ bé, dưới mệnh

\* Một phủ đầu ở tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa (Indes)

lệnh của Tôn, phải lẩn trốn để cứu mạng sống. Cuộc khởi sự này Tôn hy vọng có sự tham gia của phe Bảo Hoàng (Bow Wongs), nhưng họ đã không ra mặt. Bảo Hoàng là một tổ chức nhằm đòi hỏi những cải cách về pháp chế, nhưng các đoàn viên của phe này không có nhiệt tình với sách lược cách mạng của Tôn, và khó mà hiểu tại sao Tôn lại có thể chờ đợi sự giúp sức của họ.

Nhìn chung, công cuộc cách mạng hình như không hy vọng mấy sau phen đại bại và người ta không ngần ngại để nghĩ rằng giờ họ đừng quá nghe lời con người không thể cải hóa là Tôn. Bất chấp lần thất bại vừa qua, ông lại để tâm vào công cuộc với một tinh lực mới, cho một thí nghiệm mới, vừa tuyên truyền vừa chuẩn bị.

Trong cuộc nổi dậy này, các sinh viên Trung Hoa ở Tokyo đã góp một phần tích cực. Tất cả bọn họ không ở sẵn trên lục địa để hợp thành một nhóm phản nghịch; rất nhiều bạn trẻ từ Nhật Bản hồi hương, họ trả về nhà, khắp nơi trong cõi Trung Hoa và, chỗ nào có đất chán đến là họ tuyên truyền ngay chủ thuyết cách mạng tại đây. Sự lưu trú tại Nhật Bản giúp họ xác tín rằng, nếu một nước phương Đông muốn thức tỉnh bằng sự bình an tự tạo, thì nước ấy cần xây dựng

nền giáo dục mới và áp dụng những phương pháp  
khoa học tân tiến trong công nghệ cũng như trong tinh  
thần chiến đấu. Một trong số các sinh viên nói trên,  
tên Tong Choy, có thành lập một tổ chức tại Hán  
Khẩu (Hang Kéou)\* và thu tạo một cuộc nổi dậy trong  
thành phố này cùng lúc Tôn tập hợp lực lượng nhỏ bé  
của ông gần Quảng Châu.

Cuộc nổi dậy bị đè bẹp dễ dàng và những  
người tham gia phải chịu số phận bắt hạnh giam cầm  
và hành hình theo thông lệ.

Cái chứng cứ nguồn ánh hường thực nghiệm  
tại Trung Hoa do các người từng chịu sự đào tạo của  
nước ngoài, được bà Francis Hawkes Pott - một người  
Trung Hoa, vợ của một công dân Hoa Kỳ làm giám  
đốc trường Collège Saint-Jean ở Thượng Hải - trình  
bày. Một số 40 đứa trẻ từ Honolulu, nhiều lần, chúng  
cô đến học ở Saint-Jean và, một hôm, bà Pott có hồn  
chuyện với phụ huynh của chúng và các bạn bè. Bà  
bảo rằng những cậu bé từ Honolulu đến đã thay đổi  
tinh thần nhà trường. Khi người ta yêu cầu bà giải  
thích điều bà đã nghe thấy, bà bảo :

Những học sinh mà quý vị gửi đến đã theo học để bị

\* Một thương phu ở tỉnh Hồ Bắc, Trung Hoa (ndc)

Trong các trường công và tư thục của quý vị. Ở đó, chúng lớn lên trong sự chung đụng thường ngày và hội hè thân thiết với những trẻ Hoa kỳ giàu lòng yêu nước. Khi chúng đến Thương Hải, chúng tìm thấy nơi học sinh của chúng tôi lòng tự hào về nòi giống nhưng thiếu ý thức quốc gia và không có tình tự yêu nước. Bằng cách này hay cách khác, con em của quý vị đã được hun đúc tại quê nhà một tinh yêu xú sô, và một sự thích thu muôn thấy tổ quốc của chúng chiếm địa vị trong số những quốc gia lớn trên thế giới.

Bạn trẻ Trung Hoa cư ngụ ở Hawaii tham gia công cuộc cách mạng khá đông, lần đầu tiên chúng thấy được nước Trung Hoa ra làm sao và khi các đồng bang của chúng so sánh thân phận của dân tộc với đời sống của xứ nơi chúng sinh ra, thì chúng nung nấu mong được dự phản giúp đỡ quê hương của cha ông chúng, nỗi lại những mối liên lạc đã buộc chặt chúng vào một quá khứ lục hổu.

Sự thay đổi lớn nhất có thể là việc chúng đã được đẩy vào các trò chơi thể thao. Tất cả con em của quý vị có tham dự vào những đội bóng tròn và đá cầu, và chúng đã mang theo trong người chúng tinh thần và sự thực tập của môn thể thao. Chúng noi theo các học sinh của chúng tôi để nghĩ rằng một người trí thức tham dự những trò chơi hợp vệ sinh và trong lành ngoài trời không phải là một sự hổ thẹn. Đây là một lợi điểm rất lớn, vì qua những trò thể thao, các cậu trẻ của chúng tôi rút được bài học của tinh thần làm

việc đồng đội và sự yêu chuông thái độ thăng thần trong cuộc thi đấu.

Nói rằng khi các học sinh trở lại nhà thì hầu hết trong bọn tuổi trẻ Trung Hoa đã phát sinh một tinh thần yêu nước, nhưng người ta không thể kết luận rằng tất cả đã trở thành những nhà cách mạng, dù đó là trường hợp cho số đông, nếu không muốn bao là tất cả đã hiểu được sự cần thiết của những cải cách. Nhiều người đã đạt từ Saint-Jean, từng trải qua thời niên thiếu ở Hawaï, sau đó, đã giữ những chức vụ cao cấp trong chính phủ Bắc Kinh hay trong những nội các cải tổ. Trong số những người này, có những người là nhân viên ngành ngoại giao; có người là đại sứ, lãnh sự và một người làm đến thủ tướng; nhiều người giữ vai trò ngay từ chương trình đầu tiên trong các bộ phận khác nhau của quốc gia hoặc chiếm những địa vị nổi bật trong ngành luật hay y học. Một số ít trong bọn họ cũng từng theo học dự bị tại trường Iolani, nơi Tôn Dật Tiên đã lui tới trong vòng sáu năm, khi sống ở Honolulu. Ai bảo trường Saint-Jean đã dạy những điều gì khác? Sự thành đạt của các sinh viên rõ ràng đã chịu ảnh hưởng của các giáo sư người nước ngoài, cũng như của những người theo học ở hải ngoại, họ đã cùng mang ánh sáng lại cho tất cả các miền Trung

Hoa. Điều này, chắc chắn, phải được ghi vào "Hoạt động của sinh viên", cái sinh hoạt đã chiếm một phần tối quan trọng sau này. Bởi sinh viên trung lưu nhiệt tâm với công tác giáo dục dân tộc và những phương pháp cai trị mới, đồng thời, mặt khác, chất chứa hận thù đối với sự băng hoại ăn sâu vào đời sống quốc gia dưới chế độ cũ. Nước Trung Hoa trẻ, trong những dịp tốt cho toàn xứ sở, sửa soạn cất tiếng nói cho cuộc cải hưng sau cùng vào năm 1911, trong đó triều đại Mãn Thanh đã bị lật đổ.

## CHƯƠNG IX

### LẠI ĐI XA

#### Tôn đến Honolulu 1903. Rồi đi San Francisco, Nữu Uặc, Luân Đôn và trở về Trung Hoa

Sau phen thất bại năm 1900, Tôn Dật Tiên trải qua một thời gian ở Nhật Bản, tại hội quán trung ương ở Yokohama. Ông duy trì tin tức và tiếp xúc chặt chẽ với các tổ chức địa phương đồng thời hoạch định những chương trình cho một cuộc nổi dậy khác trong tương lai. Năm 1903, ông quyết định thử làm một chuyến chu du quanh thế giới để kêu gọi sự hưởng ứng và gặt hái tài chánh.

Ông đến Honolulu ngày 5 tháng 10 trên chiếc tàu Sibéria và tới ăn náu ngay tại nhà một người bạn.

Trong một thời gian, ông im tiếng, tìm gặp những người có cảm tình với ông tại các tư gia và gieo vào họ niềm hy vọng ở ngày mai. Ngày 13 tháng 12, ông chủ trì cuộc nhóm họp đầu tiên tại Hotel Street Theater, chật ních những đồng bào của ông. Thời đó, phần đông người Trung Hoa sống tại Hawaii còn mang cái đuôi sam và phục sức Trung Hoa, và sự kiện Tôn không giống họ đã khiến cho một nhà báo viết: "Ông ta mặc một bộ đồ vải, tóc cát ngắn, rất giống hệt

một người *Phi luật Tân*". Do công trình thực nghiệm kiên trì, ông trở thành một nhà diễn thuyết, với một sức thu hút đáng kể, ông đã nhận mạnh lời lẽ bằng những cử chỉ nổi bật. Bán báo cáo cuộc họp mô tả cảm tưởng ông không phải là con người cuồng tín. Rõ ràng ông đã làm động lòng những kẻ tham dự, vì ông thường được họ vỗ tay. Điều ông đem nói trong dịp này không có gì mới cá, nhưng ông khẳng định chỉ có một cuộc cách mạng mới có thể lôi kéo Trung Hoa ta khỏi thân phận bi đát của nó. Nhiều triều đại từng bị lật đổ và, nếu dân tộc muốn đứng dậy, thì người Màn Châu phải bị đuổi đi. Ông có đủ lý lẽ để tin rằng tất cả sẽ sẵn sàng cho phen chót. Xứ sở khốn khổ vì nhà cầm quyền hủ bại và bát lực, như trong vụ Quyền Phi, 20.000 binh sĩ ngoại quốc đã chiếm đoạt Bắc Kinh. Hàng triệu người ở Trung Hoa có thể thành những binh sĩ tốt nếu có những người chỉ huy khiêm ho tin tưởng được, dù khả năng để dẫn dắt họ theo sự tập luyện mới. Cuộc cách mạng sẽ đến giờ khai hoàn. Cần phải nâng dân tộc dậy và giúp cho nó tất cả những gì cần thiết để đạt tới mục đích.

Ngày 21 tháng 12, ông có trao cho báo chí Anh ngữ tại Honolulu bản tóm lược bài diễn văn nói trước những đồng bào của ông.

Phải phát triển tinh thần quốc gia nói những người Trung Hoa không mang dòng máu Mân Châu: đó là công trình của đời tôi. Một khi tinh thần này thức tỉnh, nước Trung Hoa sẽ bùng dậy do sức mạnh của 400 triệu con người và lật đổ vĩnh viễn triều đại Mân Thanh. Rồi nền Cộng Hòa sẽ được khai sinh, vì các tỉnh lớn của Trung Hoa chẳng khác nào những tiểu bang của Liên Mỹ, và, điều chúng ta phải có, đó là một tổng thống để, cùng một cách thức, cầm quyền tất cả\*.

- \* Đoạn văn này và các đoạn trích sau đây rút từ báo Honolulu Advertiser các ngày 14, 21.12.1903 (H.B.R.)

Ông tiếp tục kể lại lịch người Mân Thanh và nói lên những lỗi lầm của họ. Ông so sánh lòng yêu nước của người Nhật Bản với tinh thần thị tộc của người Trung Hoa. Không có tinh thần yêu nước tại Trung Hoa, vì không có chỗ để cho người Trung Hoa có thể hêu gọi đến nó. Chính phủ Trung Hoa có gởi hàng ngàn sinh viên đến Nhật, nhưng những người Mân Châu trong bọn sinh viên lai bảo cáo với vương quyền về những hành động của các sinh viên có dòng máu thuần túy Trung Hoa và ngăn cản những sinh viên

này không được phê vào học tại các đại học hay trường quân sự. Sứ thần của Trung Hoa tại Nhật Bản cũng tìm cách ngăn phá những cuộc hội họp sinh viên đã tổ chức để bắn cãi về một chủ nghĩa quốc gia cho Trung Hoa.

Âm mưu này là riêng của vương triều Mãn Thanh, Tôn rất đỗi phẫn nản, vì ông quá biết rõ số sinh viên du học Nhật Bản đều có tài trợ của nhà cầm quyền, nên họ không dám hy sinh và bí mật liên kết để lật đổ nhà cầm quyền đó. Ông kết luận bài diễn văn với những dòng này :

Chúng ta là những người không có tổ quốc. Khi chúng ta di ra nước ngoài và bị người ngoài làm khốn đốn, chính phủ hoàng gia không hề lo cho chúng ta. Tại sao các anh em phải mang cái đuôi sam ? Đó là một dấu hiệu của chủ quyền Mãn Thanh. Phải chăng ở Trung Hoa, bắt tuân lệnh này anh em sẽ bị chém đầu ?

Nhiều người trong chúng ta chỉ sợ các quyền lực xâm xé Trung Hoa. Vài người bảo rằng chúng ta phải có một chế độ quân chủ lập hiến, nhưng đó không phải là vấn đề chúng ta theo đuổi. Không có lý do gì chúng ta không thể có được một nền Cộng Hòa. Nước Trung Hoa đã là một bước đầu của thế chế đó rồi.

Điều ghi chú trên đây rõ ràng ám chỉ những người Bảo hoàng từng biện minh cho một chế độ quân

chú lập hiến và tại Honolulu, rất đông, họ đã lập thành một tổ chức nhằm cùng cố lập trường của họ. Tổ chức này liên kết với các tổ chức cùng chung quan điểm trong nội địa Trung Hoa, nhưng đối với xu hướng này người Mân Châu không hề cho thấy một dấu hiệu nào tỏ ra họ chịu xét đến một sự đổi mới thuộc loại đó, dù về sau, trước thê dang lên của các nhà cách mạng, họ phải thi hành chút ít cải cách.

Tôn Dật Tiên lưu lại sáu tháng ở Hawaï, ông dành một phần của khoảng thời gian đó để về Kula, trong đảo Maui, nơi mẹ, vợ và các con ông sinh sống với người anh em Ah Mi nay tỏ ra rất hòa hảo với người em thứ, do ông thời cũng khá nhiệt tình về những toan tính cách mạng của em. Trong thời gian ở Kula, ngày 9 tháng 3 năm 1904, Tôn tiếp nhận một giấy chứng thư xác nhận rằng ông đã sinh tại trên đảo, như ông đã từng trán thuật, và kết quả sau đó trở thành công dân Hoa Kỳ.

Ngày 31 tháng 3, ông đáp tàu Koréa đi Tân Gia Ba, với ý định viếng thăm những đô thị của Hiệp Quốc nằm trên đường tiến sang phương Đông của người Hoa Kỳ, do ngã Suez, đến Trung Hoa; những đô thị trong cuộc tống nổi dậy sau này, đã

hướng ứng trước tiên. Trước khi đi, ông đã nói rất nhiều thay vì do thói quen : ông nói huyễn thoại rằng ông cần có mặt tại Trung Hoa trước mùa thu để khởi sự cuộc vận động lớn lật đổ người Mãn Thành. Ông tràn trề hy vọng thành công iản này, vì toàn dân đã thúc tinh và các chương trình đã cũ bị hoàn tất.

Một người đã nói với Tôn : "Tôi hy vọng một ngày nào nghe ông cất tiếng nói như là tổng thống của "Cộng Hòa Trung Hoa", ông cười và nhún vai.

Có giấy chứng thư khai sinh, ông nghĩ rằng ông không còn khó khăn để đi San Francisco (Cửu Kỉm Sơn), nhưng ông đã lâm

Hiệp Chủng Quốc được tin báo ông vừa đến, đồng thời hoàng thân Po Lun cũng từ Trung Hoa tới để tham dự cuộc triển lãm tại Saint-Louis. Người ta nghĩ rằng nhà cách mạng cục đoạn Tôn Dật Tiên có thể hành động xấu dối với ông hoàng Mãn Thành, có thể là ám mưu ám sát, cũng có thể là người ta đã tìm thấy vài sự việc bất thường trong giấy tờ của bác sĩ Tôn và thấy cần phải quản thúc ông lại trong những ngôi nhà của đám dân di trú, chờ đến khi một thông cáo chung được kết thúc và công bố. Người ta đã giữ ông lại ở đây cho đến chừng nào Po Lun cấp bến và chỉ trả lại

tự do cho Tôn khi ông hoàng rời thành phố Saint-Louis. Tôn Dật Tiên không bao giờ cǒ vú việc ám sát và chưa từng thi thố để trừ khử kẻ thù của ông bằng cách này.

Được trả tự do, ông đến Chinatown\* và bày ra "Hội những người Trung Hoa học Anh ngữ". Ông khởi sự hoạt động ngay trong số các nhà ái quốc và việc làm của ông không thoát khỏi sự dòm ngó của Tổng lãnh sự Trung Hoa, một thông cáo đã được cơ quan này đăng lên những nhật báo.

Trong chúng ta hiện có một lãnh tụ cách mạng đang kêu gọi dân tộc trỗi dậy bằng những lời mị ngôn. Người hiểu biết có thể thấy dễ dàng mục đích của ông ta là làm tiền để rồi đem phung phí sau đó, nhưng ta chỉ e những người nhẹ dạ trở thành nạn nhân của ông ấy. Nhán danh là người điều khiển tổng lãnh sự ở đây, ta có bốn phận che chở cho những người khờ dai đó. Ta khuyên cáo những người lớn tuổi không nện, lẩn nấp để vấp những lời mị ngôn bằng cách kiểm soát con em còn trẻ coi chừng con người mị dân này.

\* Khu cư trú của người Trung Hoa tại San Francisco.

*Ông ta sẽ mời tiên của các người đồng thời làm các  
người phiền lụy.*

*Kỳ : Tổng lãnh sự CHUNG\**

Việc này tuy đã không ngăn cản bác sĩ Tôn  
nói chuyện trước công chúng, ông lại đọc thêm một  
bài diễn văn trong nhà hát tại Washington Street,  
trước một cử tọa đông đảo. Người ta kể lại ông nói, vào  
dịp đó, rằng từ trước ông chưa hề đến San Francisco,  
nhưng dù bằng lý này hay lẽ khác, nhiều người Trung  
Hoa cũng đã nhớ rõ là ông đã đến đây vào năm 1896  
để quyên góp tiền bạc cho những dự định cách mạng  
của ông.

Thời gian ông lưu lại San Francisco làm người ta  
chú ý cảnh chùng, và tin cho biết là tòa tổng lãnh sự  
có liên lạc với nhau cầm quyền tiểu bang\*\*, khẩn cầu  
nơi đây hãy cho nhân viên chém hộ về ông hoàng Pò  
Lun để chống lại một vụ tấn công có thể có tại Saint-  
Louis. Điều này có thể xảy ra lắm, vì Tôn Dật Tiên có  
đến Saint-Louis lưu lại một thời gian ngắn và, từ đó,  
ông tiếp tục sang Nữu Uớc. Ông có nhiều bạn bè quen  
biết tại Nữu Uớc từ khi còn ở Trung Hoa, một trong số

Báo San Francisco Examiner, tháng 5 năm 1904.

này là Tong Phong, người đã từng chịu lê rủa tội cùng tần với ông ở Hồng Kông. Thời gian sửa soạn cho cuộc nổi dậy đã gần kề và ông đáp tàu đi Luân Đôn ngay. Từ thủ đô nước Anh, ông lại quay về cõi Viễn Đông do ngã kênh đào Suez, nghỉ chân ở Tân Giá Ba rồi trở lại Trung Hoa không trác trổ gì cả.

Lúc này, Tôn Dật Tiên tin rằng tổ chức cách mạng đã hoàn chỉnh. Nhất định, ông phải là đầu não và các chi nhánh của Hội đã nhóm họp, nghe đầu khai cẩn mật, để bầu lên người lãnh đạo cho mỗi chi hội. Trong các tỉnh phía Bắc của Quảng Đông, những thành phố lớn đều có tổ chức địa phương, khoảng 40 người là nhiều nhất, mỗi chi hội, người ta nói, có một ngàn hội viên sẵn sàng nổ dậy ngay khi có lệnh. Nhiều người cũng được chọn lựa để cảng đáng những việc công ích tại các quận hạt mà cơ sở của Hội đã bén rễ.

Mỗi sự cản giới được triệt để thi hành, những địa điểm hội họp được thay đổi luôn luôn. Người ta không báo tin cho nhau bằng thư viết tay mà những phương tiện liên lạc chỉ nhờ vào các người giao liên. Người ta tin tưởng, quả quyết, rằng binh sĩ của chính quyền địa phương sẵn sàng liên kết với các nhà cách mạng. Mọi người buộc phải tuyệt đối tuân hành

mệnh lệnh và nội quy của Hội. Người ta tin rằng, khi cuộc nổi dậy phát khởi, mọi người không thể tách ra khỏi tổ chức, và kế hoạch là phải theo dõi kiểm soát đám quần chúng ô hợp. Sự cảnh giác thi hành tối da để tránh nội phản, vì Tôn nghĩ rằng nội kinh hãi những cuộc tra tấn không thể không dẫn tới cho vài hội viên nhất gan khiến họ bối phán và tiết lộ những chương trình với nhà cầm quyền.

Phải mất nhiều năm dài cho một công trình kiên nhẫn mới sắp đặt dấu vào đây và nay thì tất cả đã sẵn sàng. Khi những người ngoại quốc báo Tôn như một "nhà lý thuyết bất nhất" và một "người ám mưu đi lang thang", ấy là họ không chịu cho Ông có những khả năng tổ chức, liệu lý một chương trình, mà họ hoàn toàn mù tịt, nhưng đã được bác sĩ Tôn chứng minh hiệu quả bằng hành động cụ thể. Và rồi cái tổ chức có hệ thống này cuối cùng đã bảo đảm yêu tố thành công. Một trong hai người Âu châu có mả những cuộc hội kiến với Ông, đã cảm kích, ngay khi đó, cũng như về sau, cái nhân cách của Tôn, tâm chấn tinh thảng thắn và mỗi hy vọng Ông có được nơi mọi người. Đó không phải là một kế phiên loạn tám thường đi rất vỡ vướng, mà là tinh tú của một

công cuộc đang lan khắp toàn cõi Trung Hoa; ông da  
nghỉ, cái đặc tính người ta thường tìm thấy nơi ông;  
ông lọc lửa, như bao nhiêu kinh nghiệm giúp ông làm  
nên tính nay từng chứng tỏ, nhưng đó là những điều  
không thể dừng được khi ông phải cảng dang và gìn  
giữ quyền lãnh đạo một công cuộc già dí phái cứu vớt  
nước Trung Hoa, lật đổ một đế chế và can hệ vào  
những thế lực chính yếu của thế giới văn minh.

## CHƯƠNG X

### SỰ KHÔNG MAY CỦA CHƯƠNG TRÌNH

KHỞI NGHÌA NĂM 1904

Tôn dào thoát, suýt bị tóm bắt.

Sau nhiều năm chuẩn bị, thời gian xét dã chín muồi cho một cuộc thử nghiệm mới nhằm lật đổ triều đại Mân Thanh và thiết lập nền Cộng Hòa tại Trung Hoa. Các nhà cách mạng đã xoay xở được một nguồn tiếp liệu vũ khí và quân nhu, những tổ chức bí mật của miền nam Trung Hoa và các nơi khác có báo cho biết là họ đã sẵn sàng và những đoàn ngũ ở xa cung đã nhận được chỉ thị giặc hành động đã đến.

Lãnh sự quán Trung Hoa ở Honolulu báo ngứa cho tổng trấn Quang Châu hay rằng những người cấp tiến ở Hawaï đã dự một phản tick cục vào hoạt động, và cơ quan này, bằng khả năng có thể, cung cấp cho tổng trấn danh tánh và nơi cư ngụ tại Trung Hoa của những gia đình thuộc số người trên đảo đang đóng vai trò như là những kẻ ám muội. Người Trung Hoa ở Honolulu thừa hiểu điều ấy, cái thông lệ khá quen thuộc là cầm giữ thân thích những kẻ phiến loạn, buộc phải chịu trách nhiệm về hành động của con em, tuy

nhiên họ phải sợ hãi lo lắng. Thế nhưng, bằng cách này hay cách khác, nhiều tin tức bay về Hawaii, đến tay lãnh sự quán cho hay khá nhiều người trong tỉnh Quảng Đông đã tham gia, nếu phải sử dụng những hình phạt báo thù, cũng chẳng làm được gì họ cả. Mặt khác, các phụ huynh của những người cấp tiến, họ rơi vào tư thế mù mờ do sự phỉnh phờ của các bạn trẻ ở Honolulu.

Trong số người tham dự vào các cuộc hội họp diễn ra ở Honolulu do Tôn Dật Tiên chủ trì, có một người thanh niên, tuổi dưới hai mươi, gia nhập Hưng Trung Hội, hội của những người cấp tiến. Tên ông là Chang Chau. Ông sinh ở Hawaii và là một đồng chí nhiệt thành hoạt động cho công cuộc giải phóng đất tổ. Khi ông tuyên thệ như là hội viên dàn em của Hội, bác sĩ Tôn, đem lòng thương con người trẻ tuổi mà chí lớn, có bão: "Tôi chấp nhận anh như là chiến hữu, anh phải đáp lời kêu gọi của tôi". Chang là người thuộc bộ tộc Hakka, nhưng, như bao người Trung Hoa ở Honolulu nói chung, ông hiểu được tiếng bản xứ, thô ngù người ta đã dùng với nhau trong các cuộc hội họp.

Năm 1904, Chang nhận lời kêu gọi trở về Trung Hoa, và, tức khắc, ông đến ngay hội quán trung ương tại Yokohama. Tại đây, ông được hưởng dân thông

suốt vài kế hoạch trong số những chương trình đã được soạn thảo và nhận những lời chỉ bảo về địa điểm mà ông phải gặp Tôn Đật Tiên. Ông đáp tàu đi Hồng Kông, cùng đi có nhiều sinh viên Trung Hoa cũng đáp lời kêu gọi cho một hành động tích cực. Tại hội quán ở Hồng Kông, ông tìm thấy một sinh hoạt qui mô và được các lãnh tụ cho biết những công tác họ chờ thấy thực hiện. Họ tin rằng các nhà môn (yamen) với kho binh khí chứa súng đạn và quần nhụ, phải về tay họ không khó khăn gì đồng thời họ cũng tin rằng nhiều binh sĩ phe cầm quyền sẵn sàng ngã theo họ. Các đoàn ngũ khác thì chờ hiệu lệnh, và, khi những đội ngũ này hợp lại, người ta có thể khởi sự công bố nền Cộng Hòa để rồi, sau đó, kéo lên miền Bắc. Ó đó, những hội đã được tổ chức hoàn bị, chí chờ đợi một thành quả đầu tiên là xui giục những cuộc nổi dậy cục bộ. Tất cả đường như tốt đẹp và mọi người tràn trề hy vọng.

Chiếc tàu rời Hồng Kông lúc nửa đêm, sáng ra thì đến Quảng Châu, và Chang Chau cùng những người tháp tùng biến ngay trong cái đó thị lớn tràn ngập những người là người. Họ tìm đường về hội quán nằm gần địa điểm mà nay đã dựng lên ngôi nhà thờ Cứu Rỗi (Notre Sauveur), một công tác của giáo hội Anh.

Những hội kín có khá nhiều tại Quảng Châu, đại loại các nhóm người tu họp không đến nơi tao thành mồi hiềm nghi và, để tránh lô liêu, chiến thuật của các nhà cách mạng là cho phân tán mỏng thành nhiều cuộc nhóm họp nhỏ vào những vị trí không cố định. Duy chỉ các lãnh tu mới tu tập tại hội quán, trong đó Chang Chau đã được điều động và cũng tại đây ông đã gặp lại Tôn Dật Tiên. Lúc này, đương nhiên, là chiến hữu của lãnh tu, Chang phải cạnh Tôn như một người tin cẩn tâm phúc. Kết quả, nhiều lần trong cuộc khởi nghĩa này cũng như những cuộc kế tiếp sau đó, hai người đã cùng chung một giường một chiếu. Một lần, liên tiếp nhiều tuần lễ Tôn ở lại trong nhà của Chang tại Honolulu, và, được sự cho phép, người đồng chí trai đã di sâu vào những bí án của con người lãnh tu cao niên, một mạt hói về những chương trình hành động hiện tại, mạt khác khơi dậy những tình tiết thuộc cuộc sống quá khứ của Tôn. Thành ra sự tiết lộ của Chang có giá trị, đặc biệt khi nó được những lời nhân chứng đáng tin cậy xác nhận.

Nhiều vụ dàn xếp để cho một chuyến hàng gồm muối thùng tròn đựng súng lục và quân nhu từ Hồng Kông đến, ký gởi nơi một khách buôn xem đó như là

hang vật từ xi-măng Portland, và, không bao lâu nู่c người ta đợi những thứ này để có thêm nguồn tiếp liệu trong tay cho các địa điểm khác nhau. Một chiếc tàu cũng được thuê để chở từ Hồng Kông đến 3000 người vũ trang có phận sự cũng có trật tự và kiểm soát đóng đảo quần chúng, còn Tôn Đật Tiên và các người có nhiệm vụ quan trọng đặc biệt, từ những nơi khác nhau, đến tụ họp tại một địa điểm, gần nhà một họ hy vọng đánh chiếm một cách dễ dàng. Nếu gã chống cự, thì những người này phải chiến đấu.

Ngoài 3000 người nói trên, một chiếc tàu phải mang 700 dân công coi như khách quá giàn, mở đường vận tải cần thiết sau khi chiếm được nhà mòn. Họ không được tiết lộ bí mật, nhưng người ta cho họ hay rằng vài người sẽ đến đó và sẽ được giao phó phận sự. Du khách từng nhìn thấy đám eu-li trên một chiếc tàu hàng chạy Hồng Kông - Quảng Châu, bị dồn đông trên boong tàu, ngồi chồng lên nhau, có thể nghĩ rằng hàng trăm người trong bọn họ không thể bị khuyến dụ bởi một lời thuyết ngôn, cũng như không thể này sinh một mối hiềm nghi nào.

Tất cả đã sẵn sàng. Các lãnh tụ đều có mặt tại khu vực chính của Hội; các giao liên đã được gởi đến

để sung chia cho các đoàn ngũ địa phương, mọi giấy tờ di họa đều được thiêu hủy, và các đơn vị, theo nhiệm vụ chỉ định, sẵn sàng ra tay. Cho đến lúc này, tất cả đều trôi chảy, không có một bất trắc nào, cũng như không có một mồi nghi ngờ nảy ra trong trí óc của nhà cầm quyền. Nhưng, cũng chính lúc đó, một điện tín từ Hồng Kông đến nói rằng có vài việc xảy ra và con số 3000 người không thể di dời. Quá thật, người ta không hề biết nếu nhà chức trách Anh, khi nhận những tin tức về việc gởi hàng, đã cầm giữ chiếc tàu lại cho tới lúc làm biến bẩn xong. Tất cả mọi chương trình kế hoạch bị xáo trộn. Một điện tín đánh với vàng, khẩn cấp tới Hồng Kông yêu cầu đình chỉ số dân phu, nhưng không may, bản tin lại tối nghĩa. Khi số cu-li tới nơi, chẳng có người để tiếp nhận và họ phải đi lang thang trong thành phố.

Nhưng bất trắc hình như dồn dập kéo đến. Những thùng súng lục gởi tới, nhưng, trong khi cất hàng, một trong số những thùng đó lại rời khỏi dây cẩn cẩu, rơi vỡ và phoi bảy vật chứa bên trong. Tin tức báo cho tổng đốc rằng vài sự việc kín nghi đang xảy ra.

Viên tổng đốc không thấy dấu hiệu về một cuộc nổi dậy trước mắt, vì các thẩm tú của ông chưa hiểu gì

về hiện tượng của một cuộc ám sát. Nhưng khi báo cáo cho biết cho biết hàng trăm cảnh sát từ Hồng Kông đến và đang đợi một người nào đó tới để đón nhận họ, tức thì lệnh bắt giữ được truyền xuống. Một số người trong bọn cảnh sát bị tóm bắt và hành hình trong chốc lát. Những con người nghèo khổ này hoàn toàn mù tịt thế nào là làm loạn, nhưng họ đã không thể tự minh oan, ngay cả khi bị tra tấn, họ như rắn mất đầu, cũng không nói lên được ai là kẻ chủ mưu.

Tại hội quán, khi người ta hay rằng viên tổng đốc đã được báo tin về tai nạn của thùng súng lực, mọi người đều lấy làm kinh hoàng. Tôn ra lệnh tha mọi người phân tán. Tuy nhiên, các lãnh tụ bị lùng kiếm gắt gao và mười sáu người được tìm thấy quanh khu hội quán, bị tóm bắt và chém đầu tức khắc. Đa số những người này hoàn toàn vô tội, nhưng mọi phán xét đều không lý giải, đời sống của một người cha có nghĩa gì đối với ông tổng đốc. Cách duy nhất để bảo đảm phạm nhân khỏi tàu thoát là chém đầu ngay tất cả số người bắt được.

Tôn Dật Tiên và đồng chí Chang Chau men tối bến tàu, do những ngả đường quanh queo từng có rất nhiều ở Quảng Châu; trên sông người ta thấy hàng trăm chiếc

thuyền, phần đồng do phu nữ cầm chèo. Hai người xuống một chiếc thuyền. Thường mang theo trong lồng quấn một ít vàng để phòng ta ăn một vài cho những người có lòng che giấu mình, Tôn bèn ngoý biếu những người đàn bà một số vàng đáng kể nếu họ săn lồng cung cấp, cho ông và người bạn đồng hành, những y phục phu nữ và đưa cả hai ra khỏi sông, đến một chỗ thí định. Tiền bạc hắn phải làm vừa lòng bất cứ một người đàn bà Trung Hoa chèo thuyền khốn khổ nào; thuyền rời bến, hai người vào trong khoang và thay y phục lao động của những người đàn bà sinh sống trên sông..

Trên đường dẫn về hướng đông kề từ bến Quảng Châu, người ta thấy, bên phái, Sa Điện (Shameen) - tờ giới ngoại quốc - cách đô thị Trung Hoa bằng một dòng nước hẹp có một chiếc cầu bắt ngang. Bên trai Sa Điện, xa một chút, có một nhà thờ lớn của một dòng thừa sai thuộc Bá Linh (Berlin) và những người đàn bà chèo thuyền kia được chôn dất từ ngôi nhà thờ này. Đó là trung tâm của một đoàn ngũ khoang 500 người đàn ông, họ đang chờ hiệu lệnh để tiến về Quảng Châu. Vì tu sĩ, một người Trung Hoa, là lãnh tụ của các nhà cách mạng địa phương, và hầu như tất cả những ai chịu dưới quyền ông đều là tín đồ Cơ Đốc

thuộc giáo xứ ông phụng sự. Tôn và Chang tìm đến nhà thờ, xa bên thuyền một quãng, và báo cáo cho những người đang nhóm họp hay rằng tổ chức đã bị mất mát, một loạt những sự không may đã phá hoại những chương trình sắp đặt kỹ lưỡng của họ và buộc lòng họ phải phân tán, mỗi người lo an toàn cho riêng bản thân mình.

Thế là, Tôn và Chang, phải phục sức theo bạn ghe, đến bên và tìm một chiếc tàu chạy bằng bánh xe thuộc sở hữu của người Trung Hoa. Vào trong khoang chật hẹp, hai người chen chúc chỗ như bao hành khách khác đi đến Hồng Kông. Những người, thuộc giai cấp hai ông đã thể hiện cái dạng, đội một loại mũ đang băng sợi màu xanh đậm như quần áo họ mặc, loại mũ trùm kín cả đầu người.

Giá như Tôn và Chang đều có cái đuôi sam, sự cái dạng của hai người át sẽ hoàn chỉnh hơn. Nhưng họ lại có đuôi sam giá đắt mang khi vật này xét ra tiện lợi cho kế hoạch của họ và nó cũng dễ dàng tóm gọn vào trong cái mũ Trung Hoa, như một chiếc mũ ni. Ở Hồng Kông, Tôn có nhiều bạn bè và hai người đã ở luôn trong nhà mấy ngày, cho đến khi họ xuống tàu,

bác sĩ Tôn thi di Tân Gia Ba còn Chang Chau đến Honolulu.

Dây là lần thứ ba, Tôn Dật Tiên thất bại trong các lần thí nghiệm cách mạng. Phen này, sự chuẩn bị xem ra hoàn bị hơn bao giờ. Phen thứ nhất là một cú mạo hiểm dai dẳng trong đó không quá 500 người tham dự. Phen thứ nhì tiến lên một nấc thang lớn hơn, nhưng gia sú, lúc ấy, Tôn được nhà chức trách Anh cho phép cập bến Hồng Kông, ông cũng khó thể thành công nếu không được nhiều người tập hợp dưới cờ sau thành quá sơ khởi đầy hy vọng. Phen thứ thách thứ ba chuẩn bị chu đáo hơn, nhưng một chuỗi sự không may làm hỏng tất cả công trình. Một lần nữa, các nhà cách mạng lai từ tản và phải lẩn lút vào bóng tối.

Vài người trong số những kẻ liên kết nhiệt thành với bác sĩ Tôn khuyên ông nên từ bỏ những toan tính mới khác, nhưng ông không muốn nghe điều đó.

Ông nhất định tiếp tục cho đến khi thành công, dù lâu dài đến đâu. Như Bruce d'Ecosse, thất bại đến lần thứ bảy, ông vẫn tiếp tục thử thách, vì ông tin tưởng số người biểu tình, mỗi ngày mỗi lớn, với công cuộc ông đã hiến trọn đời.

## CHƯƠNG XI

### NHỮNG CHUẨN BỊ MỚI CHO CUỘC CÁCH MẠNG

#### Vụ bùng nổ năm 1907.

#### Tôn dào thoát, cài trang ăn mày.

Năm 1904, sau phen dào thoát khỏi Quảng Châu, Tôn trải qua hai ngày ở Hồng Kông rồi đáp tàu đến Tân Gia Ba và Straits Settlements, nơi ông có nhiều bạn bè và đồng chí. Hồng Kông ở quá gần Quảng Châu và, với món tiền thường kinh sủ 750.000 đô la Mĩ tẩy cơ treo giá dầu ông, thật nguy hiểm đe ở nán lai đất này. Ở Tân Gia Ba tương đối an ninh hơn và những người Trung Hoa, con số có tới hàng triệu, phần đông đều hảo tâm với công cuộc của Tôn. Người ta có thể lấy làm lạ rằng, với món lợi to lớn hứa hẹn thế kia, tuyệt nhiên không một mồn dè nào của ông trở lại bởi phán, thậm chí người ta cũng không có một dấu hiệu chỉ dẫn cho thấy một toan tính nào về việc ấy. Lắm kẻ thiêu thân - một người có thể kiêm ngay 2000 đô la và tẩu thoát dầu đò người ta khó biết được - nhưng chẳng có mồn dè nào của Tôn thử đem ông dâng cho kẻ thù. Nhưng người một khi đã vào Hồi, họ

không bao giờ ngừng tin tưởng ở tinh thần vị tha và vỗ  
tư của người lính tự đã đem thân bón ba khắp thế  
giới để gìn giữ ý chí kỳ vọng ở ngày mai.

Trong những năm 1904-1907, Tôn dàn hì giờ  
rao giảng lý thuyết cách mạng và cung cống các Hội địa  
phương. Những ai tin đến sự sửa đổi chế độ về phần  
người Mân Thanh, ông bày tỏ rằng cái hy vọng duy  
nhất của Trung Hoa là phải lật đổ người Mân và thiết  
lập một nền Cộng Hòa. Ông thấy rõ yêu tố thất bại của  
cuộc cải cách năm 1898 và nhận chán ai là người đã  
tác động vi hoàng đế trẻ tuổi Quang Tự cũng như  
những ai đã thúc đẩy công cuộc革新.

Bà thái hậu già vẫn giữ vững địa vị trong khi  
những cuộc nổi dậy vẫn bộc phát và tin tức về cuộc  
thú nghiệm cách mạng của Tôn Dật Tiên ở Quảng  
Châu năm 1904 đã báo động cho bà hay. Nhưng điều  
đã đem lại, cho bà và các cố vấn của bà hiểu, là cần  
phải thi hành những cải cách, nếu người ta muốn cứu  
văn triều đại, ấy là kết quả của trận chiến tranh giữa  
Nga và Nhật năm 1904 - 1905. Cái lý hiển nhiên  
khiến Nhật Bản đã chiến thắng, ấy là do họ đã áp  
dụng những phương thức tân tiến.

Bà thái hậu già thấy cần phải làm vài việc và thử tiên hành một bước đầu tiên vào năm 1905, khi những người được tuyển chọn gửi ra ngoại quốc để học hỏi các thể chế cai trị cùng những gì có lợi cho Trung Hoa.

Sau phác trình của số người du học này, năm 1906, người ta hứa hẹn một định chế; luật lệ phải được xét lại, tài chánh phải được tổ chức lại; binh đội đặc biệt là hải quân phải đặt trên cơ sở hiện đại, phải thiết lập một lực lượng cảnh sát, và nền giáo dục theo phương Tây phải được mở ra tại nhiều trung tâm khác nhau. Cách để dân chúng quan tâm đến chính quyền - địa phương cũng như trung ương - là người ta phải nỗ lực hướng dẫn mọi người bằng những cuộc nói chuyện công cộng đó đây.

Việc này tự nó có vẻ khá tốt đẹp. Nếu người ta có ý theo đuổi những cái cách trù định thì người ta đã thực hiện được một phần lớn chương trình các nhà cấp tiến từng đòi hỏi.

Tôn Dật Tiên và các môn đệ thường không tin là bà thái hậu chân thật và, dù sao, cái mối bất bình chính mà họ ôm ấp - sự thống trị của người Mãn Châu - nó nhắc nhở họ thường xuyên. Bao lâu, người Mãn còn nắm quyền hành; thì chủ nghĩa chuyên chế vẫn

còn ngự trị, và báu sỹ Tôn dã, trên nguyên tắc, là người khuynh hướng Cộng Hòa.

Thế rồi các nhà cấp tiến không thể không tiếp tục hoạt động, tiếp tục sửa soạn; mặc dù lời hứa cải cách của nhà cầm quyền không ngọt rêu rao. Có thể những rỗi r菴 nô có lợi ích làm cho Bắc Kinh tin rằng sự bất bình luôn luôn ám ỉ trong nhân dân, nhưng các cuộc bạo động bộc phát hình như không hợp thời và vô ích. Năm 1906, nhiều rắc rối xảy ra ở Bình Hán (Ping-Héon) và Lai Lin; trong cả hai trường hợp, có những cuộc xung đột, nhưng những người bạo động không được cung cấp đầy đủ binh khí và những ai không thoát kịp phải trả giá cho sự táo bạo có dũng mà vô mưu của họ.

Năm 1907, Tôn Dật Tiên tin là những chuẩn bị mới của ông đã hoàn bị và ông quyết định dẫn minh vào một đường hướng mới. Ba lần Quảng Châu là trung tâm của cuộc khởi nghĩa, mục tiêu châm châm vào việc xâm chiếm nhà mìn, khu vực đầu não của chính quyền với nguồn dự trữ vũ khí và quân nhu trong đó. Tất cả các lần thí nghiệm này đều thất bại một cách thảm hại. Lần này, chương trình hành động

khởi sự trong một quan mạn Bắc của Bắc Kỳ (Tonkin) thuộc Pháp.

Giữa lúc các nhà cách mạng nghĩ đến điều ấy, thi có nhiều vụ bùng nổ tại một số địa phương. Đầu năm 1907, một trận kịch chiến xảy ra tại Hồ Bắc (Hupeh), nơi một lực lượng, dưới quyền chỉ huy của tướng Hoàng Hưng (Wang Hing), đã tham dự và sau đó, ông Hoàng phải đào tẩu. Trong tháng 5, một chức quyền cao cấp Mãn Thành xúi giục những binh đoàn nổi loạn, cho một cờ này hoặc cờ khác, theo hâu quả láy lan. Tháng bảy, lại có một hoạt động ở Sân Đầu (Swatow)\*. Dù tất cả những biến động này đều vô hiệu quả, nó cũng chứng minh được nổi bật binh lan tràn khắp nơi nhấm vào nền trật tự hiện hữu. Lúc đó, tháng 7 năm 1907, người ta chuyển đến các chi hội của những người cải tiến địa phương mệnh lệnh định rõ nơi tập họp. Người ta đã cam kết rằng những ai tình nguyện xả thân cho công cuộc, phải túc khắc lên đường trở về Trung Hoa khi nhận được chữ: "Đến!". Ngày 15 tháng 8, Chang Chau ở Honolulu nhận được một điện tín chỉ có mỗi chữ "Đến", như một lệnh truyền đối với ông. Người ta kể lại sự kiện, vì điều này

\* Một hải cảng lớn của tỉnh Quảng Đông (Sado).

dâng lưu ý cho ai đã từng sống tại San Francisco, Tân  
Gia Ba, Nhật Bản... khắp nơi nào có những tổ chức  
cách mạng.

Chang Chau chấp hành đến rất đúng đắn sự  
làm việc trong một hàng buôn, nhưng ông tiên liệu  
ngay rằng người chỉ huy đánh điện tín cho ông, đã  
kêu gọi ông trở về Trung Hoa vô thời hạn để đảm  
nhận một công tác quan trọng. Ông cũng thấy trước  
ngay được những người nào phải theo ông và, trong  
đêm ấy, cùng ông xuống một chiếc tàu đã đậu sẵn  
trong cảng. Với tư cách là ban chiến đấu của Tôn, ông  
không ngần ngại gì cả, vì nghĩ rằng đây là công cuộc  
cho đất nước quê hương, trong đó khả năng thích ứng  
mẫn tiệp với sự thông thuộc phép xã giao phuơng Tây  
và nói rành Anh ngữ đã giúp ông chiếm một vị trí  
hàng đầu.

Đến Yokohama, ông nhận những chỉ dẫn tại khu  
vực chính của Hội những người cấp tiến. Ông phải lo  
liệu cho hai mươi bạn trẻ đều là sinh viên, chuyên học  
hóa chất và có thể làm cột mìn cũng như chế tác trái  
pháo. Ông thu xếp chuyến đi Hồng Kông cho họ, nơi  
đây họ nhận một mẫu tin chỉ rõ nơi phải đến. Khi tới  
Hồng Kông, người ta bảo họ đáp một chiếc tàu đi Hải

Phòng, cảng lớn nằm trong vịnh Bắc Kỳ (Tonkin). Trên đường, tàu đậu lại Pakhoi, cảng nằm ở chót vịnh, trong tỉnh Quảng Tây thuộc Trung Hoa.

Ai theo dõi sẽ thấy bao nhiêu bất trắc hiểm nguy của việc tụ họp số đông người từ các phương diện. Tàu thì thuộc quốc tịch Trung Hoa, các viên chức lại ra tận bến cảng để khám xét, hành khách phải sắp hàng trên cầu thang, theo thủ tục cho khách đi tàu biển. Chang có cảm tưởng người ta đã báo trước nhà chức trách lưu ý canh gác chuyên tàu này, và đã nhắm vào người nào trong nhóm họ đang đứng và kết quả, ông gần như chết cứng vì sợ. Nỗi nám nớp đó cơ hồ thành sự thật, khi ông thấy công việc soát xét được giao cho một quan tàu. Ông tin nhất định ông phải bị dồn bắt cùng với những người thấp túng ông, và viên ánh căn phòng tra tấn cùng với cái chết khủng khiếp xâm chiếm lấy đầu óc ông.

Các mòn đẽ của Tôn Dật Tiên đều có một mắt hiệu để nhận biết lẫn nhau; và khi quan tàu bước vào hàng người thì Chang, khiếp dám, đưa bàn tay mắt áp lên chỗ trái tim, ý chừng trán tinh nhíp đập. Khi ấy, vị quan tàu, đứng ngày trước mặt ông, nhìn chăm chắm mắt đổi mắt rồi, tức thì, cũng đặt bàn tay trong tay trả lời, ngầm muôn bảo rằng ông ta cũng là một

cơ sở cách mạng. Chang, vô hình trung, đã làm dấu hiệu của Hội và, nhìn động tác trả lời, thoát thân ông nghĩ điều đó có thể là một mánh khép để bắt quả tang ông. Ông không thể tin rằng vì quan tàu kia là một bạn đồng minh, nhưng, khi quan tàu vẫn không nói một lời nào và cũng không tỏ vẻ có một hành động nào, thì sự nhẹ nhõm tràn ngập trong ông. Miệng ông khá khô vì sợ nhưng ông không thể nói gì, ông và các bạn đồng hành từng người nhìn lẫn nhau, họ tin rằng chẳng có điều gì xảy đến với họ.

Khi tàu tới Hải Phòng, đoàn người ngược dòng SongKoi đến Hà Nội, thủ đô của Bắc Kỳ, nơi đây họ gặp Tôn Dật Tiên. Chang nói lên nỗi sợ hãi lúc đang ở trên tàu và nhắc đến người sĩ quan làm dấu hiệu trả lời ông : Tôn rút trong túi ra một tờ giấy và chỉ cho ông thấy vì quan tàu cũng là người trong bọn họ, chỉ chờ một thanh quá đát được trên đất liền là người sĩ quan hàng hải kia sẽ công khai liễn kêt với cuộc cách mạng. Trường hợp tương tự được chứng tỏ qua hành động sau này của lực lượng hải quân Mân Thanh, vào năm 1911. Lúc ấy, năm 1907, bác sĩ Tôn hiểu rằng ông có lực lượng trên đất liền và mặt biển thi có lực lượng hải quân thuê chờ sẵn mọi bên, hắn ông phải

thu nhận được vài thành quả sơ khai mới phái. Việc kết nạp những phần tử đã được luyện tập để đối đầu với đám đông ô hợp vô kỷ luật có mang hy vọng lại cho mỗi cuộc nổi dậy, nhưng Tôn hình như không hề quan tâm đến nguồn tiếp tế hậu cần nghèo nàn của phe ông, cũng như sự khó khăn để cung ứng cho mỗi đội ngũ một số trang thiết bị tối thiểu. Quân đội và hải quân đã có số sĩ quan và nhiều người cảm tình với các nhà cấp tiến, nhưng họ dại gì mạo hiểm cuộc sống của họ, it ra là khi đã có vài thắng lợi may mắn.

Trong tháng 10, cuộc vận động mở màn trong tỉnh Vân Nam (Yun nan), nằm về phía bắc của Bắc Kỳ. Nhiều thị trấn nhỏ bị chiếm, nhưng khi những kẻ phiến loạn dụng dò với các binh đội hoàng gia, họ thấy nguồn binh khí dự bị của họ tiêu tan mây khói, chỉ còn cách cầm cự để rồi tan loan tẩu thoát qua bên kia biên giới thuộc Pháp\*.

Ai lo phần này; trong số những kẻ đào tẩu người ta thấy có Tôn Dật Tiên và Chang Chau. Họ đi với nhau, đôi bạn không rời từ khi gặp nhau ở Hà Nội và, đây là lần thứ hai, họ cùng tìm cách cứu nhau.

Họ tẩu thoát cách chỗ giao tranh hơi xa, nhưng

\* Biên giới Việt-Trung (ndct).

ho cũng phải men vào một làng để rồi, trong đó, người ta bắt gặp hai người ăn mày. Tôn chụp ngay lấy cơ hội và dè nghi thay đổi quần áo, ông biếu hai kẻ ăn xin 20 đồng đô la bằng vàng. Với hé ăn xin, số tiền ấy quả là sự giàu to, tính theo hồi suất, những 46 đồng đô la Mễ tây có, nó bao đảm một cuộc sống an lạc cho nhiều tháng dài. Tất cả bốn người chui vào một cái lều; Tôn và Chang mặc ngay những áo quần xấu xí của hai kẻ ăn mày, và, khi hai kẻ đào tẩu trét bùn lên mặt, sự cải trang của họ xem ra đã hoàn toàn. Họ hướng về dong Song-Koi, và tại đây quả giang một chiếc thuyền để đi Hồng Kông.

Một lần nữa, người ta lại buộc Tôn từ bỏ mọi thí nghiêm cách mang mới khác, nhưng ông tuyên bố ngay rằng ông sẽ tiếp tục cho đến chừng nào toàn dân Trung Hoa đứng dậy và lật đổ những kẻ đối địch.

## CHƯƠNG XII

### THẮNG LỢI ĐẦU TIÊN

Tại Nhật Bản và Hoa Kỳ,

Tôn sửa soạn cho năm 1911.

Những tin tức về một vụ bùng nổ còn phôi thai.

Tôn lại đi Anh quốc

mong thành công trong một chuyến vay nợ.

Được bầu làm tổng thống Trung Hoa.

Bà thái hậu già chết năm 1908, và, năm sau, hội nghị mà hứa triệu tập bị bãi bỏ. Để làm vừa lòng hoặc xoa dịu các nhà cách mạng, một thủ viên nhân dân đại biểu hữu danh vô thực nhóm họp với một hội đồng quý tộc do quan Nghiệp chính tấn phong. Điều Tôn trông đợi, thật quá là một trò hề vĩ đại.

Dân Trung Hoa đang học hỏi những kiến thức mọi mặt lẫn sự cần thiết của tư tưởng canh tân do báo chí - với con số gia tăng đáng kinh ngạc - đem lại. Tờ nhật báo Trung Hoa đầu tiên ra mắt quần chúng ở Thượng Hải năm 1870. Một nhật báo cách mạng, mang tên "Trung Hoa", được tung ra tại Hồng Kông năm 1900. Năm 1910, người ta tính phóng có tới 500

tờ báo hàng ngày và tập chung ra mắt quần chúng. Với chún phản mìn dán sét là kèm chữ - vài viên chúc lại cho hơn thế nữa - người ta tự hỏi làm thế nào những phương tiện thông tin công cộng có thể đến tận tay đám đông. Câu trả lời cho thấy, trong các phòng hội họp đoàn thể, trong các hội kín, trong các trà diêm trong làng, và tại tư gia, dân chúng tụ họp nhau lại và ai biết chữ thì đọc cho các thính giả hiểu kỹ nghe những tin tức và những sự kiện liên quan đến công cuộc đổi mới.

Chương trình mở rộng việc học do triều đình hứa vẫn nằm trong tình trạng hôn mê, trong khi các trường tiểu và trung học nước ngoài tiếp tục công trình của họ là công hiến cho học sinh một nền giáo dục mới. Các trường cấp II nước ngoài, trong đó một vài trường gọi là Cao đẳng, có cả thảy năm mươi bảy học sở, hai mươi lăm trường của Hoa Kỳ và một con số tương đương thuộc của người Anh, phần nhiều do các mục sư Tin lành sáng lập và chăm nom. Những người Thiên Chúa giáo La Mã cũng có các năm trường. Có hai viện đại học, viện ở Hồng Kông là một. Các nơi khác, có những trường Y khoa lập lện, trong các bệnh viện rải rác khắp trong xứ. Hơn thế, còn nhiều sinh

viên từng theo học ở Hoa Kỳ và châu Âu. Tình ham học nòi người Trung Hoa khiến cho những sinh viên được đào tạo trong các trường nói trên tiếc nỗi niềm một ánh hào quang ngoại lai, nhất là khi va chạm với nền khoa học tân tiến, những bạn trẻ có được một kiến thức hoàn hảo về nước Trung Hoa. Trong nhiều năm, thật ra tất cả nền giáo dục theo phương tây tại Trung Hoa đều do công trình giảng dạy của các thày sai, họ theo đuổi bắt chấp sự chống đối và gièm pha.

Khi Tôn Dật Tiên trình bày với những người Hoa Kỳ : "Mối hy vọng lớn nhất của chúng tôi là làm cho Thánh kinh và nền giáo dục Cơ Đốc mà chúng tôi đã hấp thụ được Hoa Kỳ và ở châu Âu, thành cơ sở lý thuyết cho những cái cách tại Trung Hoa"\*, ông muốn nói rằng dân chúng không nhất thiết cần đến một kiến thức mới và những phương thức chính trị đương đại, mà chỉ cần một quan niệm mới mẻ về cuộc sống cùng một sự giác ngộ của ý thức về những mối quan hệ giữa Thượng đế và con người. Đôi khi, ông hình như tin rằng chính quyền dân cử và đại nghị với một hiến pháp sẽ là phương thuốc chữa trị những tệ đoan

\* Lời tuyên bố trong một cuộc hội nghị tại San Francisco, theo tường thuật của một nhật báo.

hiện hữu trong xứ này. Ý kiến ông không khác với những người ở Hiệp Chủng Quốc và các nơi khác, tin rằng cốt lõi và nền giáo dục truyền thống sẽ phá bỏ được tệ lạm, và những điều tốt đẹp sẽ luôn luôn được gìn giữ nếu mọi người đều có quyền đầu phiếu. Ông tràn trề hy vọng và mạnh dạn theo đuổi công việc tuyên truyền, chờ đợi ngày giờ và ra những chỉ thị đến các đồng chí của ông tại Nhật Bản và ở tất cả các nơi khác. Thật vô ích để, nếu có thì cũng không thể, theo dõi cuộc hành trình của ông, vì ông thường xê dịch xứ này xứ nọ. Giữa khoảng năm 1907 và 1911, ông viếng Tân Gia Ba, Bắc Kì, Hồng Kông, Nhật Bản, Hawaii, một lục địa của Hoa Kỳ, Anh và Pháp, rồi trở về Trung Hoa do ngả kênh đào Suez.

Trong những năm sửa soạn này, Tôn Dật Tiên thường ở Nhật Bản, đôi khi ông lưu lại nhiều tháng tại đây. Ông có thể dễ dàng làm người Nhật Bản, người ta bao với ông như vậy, dù ông không nói được thứ ngôn ngữ ấy, ngoại trừ vài tiếng thông dụng thường ngày. Năm 1906, có một số đồng dân Trung Hoa ở tại Yokohama, nơi có hội quán chính của phe cấp tiến, gắn bó làm việc với Tôn Dật Tiên và duy trì liên lạc thường xuyên với các tổ chức tại Trung Hoa.

Thời ấy, giáo sĩ Teiichi Hori, là linh mục của một dòng tu Nhật Bản tại Yokohama, đến thay thế cai quản một nhà thờ tại Honolulu. Giáo sĩ có tiếp xúc với Tôn và những phần tử khác thuộc phe cách mạng và lời thuật của giáo sĩ thật đầy bổ ích. Ông bảo :

Sau chuyến khởi hành của Tôn Dật Tiên năm 1906, nhân viên của Hội kinh thánh Hoa Kỳ (Société américaine de la Bible) có đưa lại nhà tôi và giới thiệu ông Chun, thư ký của bác sĩ Tôn, người được chỉ thị ở tại Yokohama để theo đuổi những công tác của tổ chức cấp tiến. Ít lâu sau, tôi tìm thấy trên bàn giấy của tôi một phong thư viết chữ Trung Hoa, đồng văn với chữ xú tôi, cho biết ông ta gặp nhiều khó khăn và đang cần một người bạn, đồng thời yêu cầu tôi lại thăm ông. Tôi đến nơi ông ở và hiểu rằng tòa lãnh sự Trung Hoa biết có ông ở trong thành phố, đã báo cho nhà chức trách Nhật Bản quá quyết rằng Chun đang xúi giục một cuộc cách mạng nhằm vào vận động những người Nhật hơn là người Trung Hoa. Kết quả người ta cho rằng Chun phải rời khỏi Nhật Bản và ông có thể tới nơi nào tùy ông muốn.

Chun biết tôi có nhiệt tình với Tôn Dật Tiên và những lý tưởng ông ấy theo đuổi, yêu cầu tôi giúp ý kiến và sự ủng hộ, vì ông muốn lưu lại Nhật Bản, nơi ông có nhiều việc quan hệ phải làm. Chúng tôi bàn cãi trường hợp của ông và tôi quyết định đưa ông lại nhà tôi, tìm cách giải ông trong bóng tối. Chúng tôi nghĩ giải pháp hay hơn hết là nên ăn

mặc theo y phục Nhật Bản, và chính vợ tôi đã may cho ông Chun những áo quần theo kiểu Nhật, kể cả một áo Kimono<sup>\*</sup> mà, vào thời ấy, dòng bào ta<sup>\*\*</sup> thường mặc đi trong phố. Khi ông phục sức xong, tôi nghĩ ông sẽ thoải mái nếu không nán lại lâu ngày ở nhà tôi, như vậy tôi nên dẫn ông đến tro một gia đình lân cận tôi khá biết rõ người chủ nhà. Tôi ngờ ý đưa ông đến cho ông một người bạn và tôi muốn ông ở lại đó, người bạn này xuất đường từ ngày còn nhỏ và nay đã quên tiếng Nhật Bản. Chun lưu lại đó chừng bốn tháng cho tôi ngày Tôn Dật Tiên từ Hoa Kỳ trở về và trái sóng sau tháng trong địa phận. Tôn thường đến nhà tôi và chúng tôi trở thành bạn thân. Tôn tin tôi đồng thời có chịu ơn hỏi tôi và chúng tôi có nhiều câu chuyện dài để đàm đạo với nhau chung quanh việc làm của Tôn. Ông tràn đầy hy vọng và bảo, chắc chắn, cuối cùng sẽ thành công với sự hộ trì của Thương đế. Đó là những lời ông đã dùng để tâm sự, vì ông nói với tôi ông là người Cơ Đốc. Tôi không biết ông có đi lè nhà thờ ở Yokohama hay không, vì ông không thể hiểu được lời của người giảng đạo ở đó.

Tôn quay lại Tokyo, nơi ông trở thành bạn của nhiều giáo sư thuộc đại học Waseda, trong thời gian lưu trú, ông đã gặp bá tước Okuma là nhân vật khai sáng tinh thần, dù không thể phô diễn được nỗi cảm tình nhưng bá tước đã chú ý nhiều đến ông. Những người Cơ Đốc Nhật Bản đặc biệt hướng

<sup>\*</sup>Ao dài quần phục Nhật Bản (ndc).

<sup>\*\*</sup>tức người Nhật Bản, đồng chung với giáo sĩ Hori (ndc).

lòng Tôn, vì họ tin rằng ông bảo vệ những quyền sống của con người đồng thời chống lại sự áp bức và tàn bạo mà người Mãn Châu thi hành.

Năm 1910, tôi có mặt tại Honolulu khi Tôn cũng đến đây và nghe ông ở tại nhà thờ Trung Hoa phố Fort Street, tôi liền đến đàm đạo với ông. Ít lâu sau ông lại thăm tôi và chúng tôi nói chuyện với nhau khá lâu. Tôi hỏi ông làm thế nào để xúc tiến hoạt động cách mạng, ông bảo rằng cuộc nổi dậy sẽ bộc phát năm tới và mọi chương trình đều đã rất hoàn璧, chắc chắn thành công. Ông nói với tôi rằng, lần có mặt mới đây tại Trung Hoa, ông có thể di dạo bất cứ nơi đâu thuộc địa phận miền Nam, vì các quân nhân đã theo ông, họ sẵn sàng kết hợp với các nhà cách mạng và ngay bây giờ họ phải canh chừng cho ông khi ông đến một chỗ nào. Ông rời Honolulu năm 1910 ú, trước khi đi, những người Trung Hoa đã đưa ông bằng một cuộc họp mặt tiễn biệt mà người chủ tọa là giáo sĩ Frank Damon, giáo sĩ rất có cảm tình đối với chương trình của bác sĩ Tôn. Tôi hiện diện với tư cách thân hữu và tôi ghi nhận buổi họp mặt tràn ngập lòng nhiệt thành\*.

Ông Hori có ngó với tác giả là ông đã tìm thấy một cao kiên nơi bác sĩ Tôn và ngưỡng mộ khả năng cùng sự thâm tín vào những nguyên lý mà bác sĩ theo đuổi, song ông nghĩ rằng bác sĩ Tôn khó thể san bằng

\* Theo một cuộc phỏng vấn của tác giả, ông Hori có đọc khi viết xong và đã xác nhận.

được những khó khăn đang chờ đợi, để tổ chức nền Cộng Hòa Trung Hoa một khi triều Mãn Thanh bị lật đổ, nhưng khó khăn ông tin rằng sẽ sớm trở thành cựu thế. Tôn đường như tin tưởng rằng, nếu nền Cộng Hòa kiên lập, tất cả mọi tệ doan phải tiêu biến và luật pháp phải được thương tôn. Hori hơi ngờ Tôn là người có thể phát triển một chính quyền lâu bền và cùi bản chất tồn tại của những kẻ bất chính là áp lực, ghen tị và chính trị qui quyết, có thể trong một thoáng bị quét sạch. Tôn viên dân trưởng hợp Nhật Bản áp dụng những tân thức một cách tiêm tiến và ông cho rằng niều-Trung Hoa với bao nhiêu hé thất học và sự ngu dốt của nó, đã sẵn sàng chấp nhận một thể chế Cộng Hòa. Khi người ta nói với ông về lời ghi chép của tổng thống Wilson trong đó, sau những suy nghiệm chín muồi, tổng thống đã tới kết luận là cái chính phủ cùng thể chế nó không tiện lợi cho tất cả mọi dân tộc, ông Hori cho rằng quả đúng như thế, nhưng Tôn hình như không hiểu sự hiện đó. Ông đã dâng hiến tim óc để thực hiện cho bằng được một nền Cộng Hòa và tin rằng đó là phương thuốc duy nhất để khu trừ những tệ doan hiện hữu.

Dõi theo những gì từ con người Tôn, ông Hori nhận thấy Tôn là một người trung thực, có chí lớn và

lương thiện. Ông thâm cảm lòng hy sinh của người lãnh tụ đối với dân tộc và tình yêu quê hương của Tôn và tán đồng những mục tiêu lý tưởng của ông, nhất là ý chí giải phóng Trung Hoa bằng con đường giáo dục. Ông hiểu rằng bác sĩ Tôn từng học hỏi ở Iolani, một trường Đồng, và tốt nghiệp từ một trường thuộc Cơ Đốc, cộng thêm những cuộc đàm đạo với Tôn, tất cả chứng tỏ Tôn hoàn toàn thích nghe, thẩm nhuần những nguyên lý Cơ Đốc.

Khi bác sĩ Tôn rời Honolulu năm 1910, có nhiên ông không muốn mọi người biết ông đi về đâu; nếu nơi ông đến bị tiết lộ, tin tức sẽ tức khắc diện về nhà cầm quyền Trung Hoa. Thế nhưng ông không thể giấu nổi, một tờ nhật báo loan tin Tôn Dật Tiên đã đáp một chiếc tàu tại đảo, chiếc Claudine, đi Maui; song trước khi mọi người tới để xem ông có thật đi chưa, thì ông đã rời tàu Claudine và leo lên mé chiếc Mongolia đang khói sù trực chí Viễn Đông\*. Lần khác, ông cũng không thể giấu được chuyến đi Yokohama, vì người ta loan tin Tôn Dật Tiên đã đi tàu dưới cái tên Aloha, cũng như tại Nhật Bản ông xé dịch dưới tên S. Takano.

\* Báo Le Honolulu Advertiser.

Ở Tokyo, trọ tại nhà một người bạn, ông tính ít ra phải thuê một căn nhà, nhưng - lông lịch đã bị lộ - ông phải rời ngay xứ này. Chính quyền Nhật Bản hiển nhiên không quan tâm tới việc bắt giữ nhà cách mạng cực đoan và họ chỉ gởi cho ông một mệnh lệnh. Ông rời Yokohama đi Tân Gia Ba, nơi đây có sẵn chỗ cư trú và ông sẽ được an toàn hơn với đám bạn bè.

Trong lúc Tôn bón ba, tướng Hoàng Hưng đã cho phát động một cuộc khởi nghĩa ở Yamchow, và, năm 1910, đây là một vụ bạo phát dưới quyền chỉ huy của lãnh tụ nằm trong guồng máy chính quyền Mân Thanh, sau đó chẳng có một vụ nào khác nữa. Mùa hè 1911, Hoàng Hưng ở Quảng Đông đợi lệnh, ông biết chắc là các tỉnh khác cũng sẵn sàng nổi dậy khi có hiệu lệnh ban ra.

Giữa lúc ấy, Tôn lai trở sang Hiệp Chúng Quốc sau khi báo trước cho các bạn biết rằng, lần này, ông chắc chắn thành công và tất cả đã sẵn sàng cho vài tháng tới. Trong những tháng đầu năm 1911, ông viếng San Francisco, Seattle, Spokane, Kansas City, Saint-Louis, Chicago và New York. Tại các đô thị này có những đoàn ngũ đã được thành lập, tập luyện dưới sự điều khiển của Homer Lea. Dương lúc chương trình

tập luyện quán sự này tiến hành để duy trì tinh thần giác ngộ cách mạng cho mọi người, người ta có thể tự như rất nhiều người trong bọn họ phải trở về Trung Hoa để chiến đấu, còn một số nào đó sẽ về sau khi người Mãn Châu bị nhào, để xem có việc gì cần tới họ.

Trong khi Tôn ở Hoa Kỳ, tin tức bay đến cho biết: nền Cộng Hòa Trung Hoa đã chính thức được công bố ở Vũ Xương (Wuchang). Tôn, lập tức, tung ngay một tuyên ngôn bày tỏ với nhân dân Hiệp Chung Quốc những nguyên tắc và chương trình của cuộc cách mạng, với hy vọng thu phục cảm tình cho nền Cộng Hòa mới khai lập. Ông đoán rằng chính phủ của ông sẽ giống như chính phủ của Hiệp Chung Quốc, các tỉnh có những quyền hạn thống thuộc dưới một uy quyền trung ương. Báo chí muốn thực hiện một cuộc phỏng vấn sống động, nhưng ông thu xếp với họ để giới hạn trong một khách sạn, gần khu tử giáp Madison-Square, ở New York. Những người Trung Hoa, thông thạo đường đi lối về của Tôn, không nói gì cá với các phóng viên. Ông dùng bữa với người bạn cũ Tong Phong là chỗ cát tri từ ngày còn ở Hồng Kông, lúc ấy có một cửa tiệm gần khách sạn Tôn cư ngụ. Do trung gian Tong Phong, một diễn tín báo tin cuộc cách

mang phát khởi sám vào tháng mười và Tong Phong nắn nì yêu cầu Tôn trả về Trung Hoa tức khắc.

Tôn phái xuống tàu, trên chiếc Mauretania, nhưng trật tàu, chuyến khởi hành của ông trễ mất mười lăm ngày, cẩn cước của ông do đó không bị khám phá. Cuối thời gian này, dưới một cái tên mượn, ông sang một chiếc tàu khác đi Anh quốc, giữ bí mật.

Ông đến thành Luân Đôn và, một lần nữa, làm khách trọ của bác sĩ Cantlie. Ông nói với bác sĩ rằng ông muốn vay 500.000 Anh kim để tài trợ cho công cuộc còn cần phải hoàn thành. Tôn hình như không hề từ bỏ hy vọng rằng ông có thể vay tiền ở Hoa Kỳ hay ở châu Âu, báo chứng bằng thành quả tương lai của ông. Người ta tin, ngoài những gánh vác của các nhà yêu nước đồng chung, ông còn nhận những công hiến của các bằng hữu khác quốc tịch, nhưng ông cho rằng cái vốn liêng tài chính vừa ý hơn cả hắn phải do những chuyến vay khó khăn dựa trên những đam bảo cam kết về mặt chính trị. Trước năm 1911 và ngay cả sau đó, ông không có một ý nghĩ thực tiễn nào về những vụ vay nợ từ ngoại quốc, mà còn tiếp tục tìm cách đạt tới nhiều chuyến vay khác. Phần các bạn yêu nước của ông, những người có tài sản tại Trung Hoa

họ không hưởng ứng ông, cách thông thường là chỉ bày tỏ cảm tình, vì sợ phiền phức cho công việc làm ăn của họ; và, để cho mượn tiền, thay vì sẵn sàng như giúp đỡ bà con hoặc bạn bè, họ lại khôn khéo tráo trở và thận trọng đối với ông. Ông có thể thu gặt được những khoản ủng hộ, còn những món vay nợ thì tuyệt nhiên không.

Giữa lúc Tôn trọ nhà bác sĩ Cantlie, ông nhận được một điện tín ghi vắn vẹn : "Tôn Văn, Luân Đôn", tại văn phòng điện báo. Bác sĩ Cantlie cho rằng cái điện tín nọ báo tin sự tuyển chọn Tôn làm tổng thống nước Cộng Hòa Trung Hoa, song mãi tới tháng giêng năm 1912 ông mới đặc cử vào ngôi vị tôn quý ấy, khi ông về tới Thượng Hải.

Cuộc cách mạng bùng nổ trước ngày dự định là hậu quả của một tai nạn. Trong khi Tôn đang ở ngoại quốc, các đồng chí của ông khắp nơi đều bán rộn và, tại nhiều nơi, người ta chế cỗ lắc đạn. Đang lúc người ta đợi một hiệu lệnh đến từ hội quán trung ương để khởi sự ra quân, thì một trái phá đã nổ trong một ngôi nhà tại Hán khẩu, nơi các nhà cách mạng dùng làm xưởng chế tạo. Sự việc này đã đánh thức những mối nghi ngờ, các binh đội hoàng gia được gọi tới rồi thì

một cuộc nổi dậy nhân dân bùng ra. Các lực lượng khởi nghĩa từ các tỉnh miền Nam đã xô lên phía Bắc; cuộc khởi nghĩa trái dọc trên sông Dương Tử (Yang-tse) và nhiều phần tử quan trọng của binh đội hoàng gia đã liên kết với cuộc cách mạng. Khi những tỉnh miền Nam đã lọt vào tay những kẻ nổi dậy, nền Cộng Hòa được công bố và bác sĩ Tôn được điện tín yêu cầu trở về nước tiếp khắc.

Không có mảy giọt máu đổ ra trong cuộc cách mạng áy, trái với cuộc nổi dậy của Thái Bình Thiên Quốc, hàng triệu người đã bỏ mạng, hoặc trong cuộc nổi loạn của người Hồi giáo năm 1857 - 1874, cũng có hàng triệu người tử vong. Người ta phải chiến đấu nhỏ nhặt ở Tây An phủ (Sianfu)\*, Vũ Xương và Phúc Châu\*\* (Foochow) trong đó vài nghìn người đã bị giết. Trong khoảng thời gian từ bắt đầu vụ xung đột ở Vũ Xương ngày 10 tháng 10, đến ngày tuyên bố nền Cộng Hòa 2.12.1911, có mười một tỉnh đã lện tiếng trung thành với chính quyền Mãn Thanh. Một hội nghị gồm các lãnh tụ cách mạng nhóm họp và người ta ghi nhận rằng Tôn đặc cứ coi như là tổng thống đầu tiên.

\* Thủ phủ tỉnh Thiểm Tây, Trung Hoa (nđc).

\*\* Một thị trấn thuộc tỉnh Phúc Kiến (nđc).

Rời Luân Đôn, Tôn dùng tên chính thức Tôn Văn, việc giàu danh tánh từ nay không cần tới nữa. Ông đến Ba lè và vội vàng xuống Marseille, rồi do ngả Suez về Tân Gia Ba. Tại đây, ông đón nhận sự hoan hô đầu tiên của các bạn yêu nước; người ta tung hô ông như là Người giải phóng nước Trung Hoa và, khi ông rời tàu, một đoàn thiếu nữ rải hoa trên lối đi của ông.

Lúc tới Hồng Kông, ông thảo một tuyên ngôn về những nội dung của nền Cộng Hòa Trung Hoa, gởi cho Bộ liên hệ trong chính phủ Hoa Thanh Đồn với mục đích muốn sớm được Hiệp Chung Quốc công nhận. Ông hiểu rằng, trong quá khứ, người Hoa Kỳ từng bày tỏ mối cảm tình của họ qua sự thừa nhận các nền Cộng Hòa trên thế giới.

Tôn Dật Tiên đến Thượng Hải hai ngày sau lễ Giáng sinh và được tiếp đón với tất cả nhiệt tình như thể ông đương nhiên là người lãnh đạo của chính phủ mới. Người ta tin chắc là các lực lượng của nền Cộng Hòa nay đã đủ mạnh để tiến lên Bắc Kinh và loại trừ người Mãn Châu. Năm ngày sau chuyến cập bến Thượng Hải, Tôn Dật Tiên được tuyên cử làm tổng thống Trung Hoa do hội nghị đặc biệt nhóm họp tại

*Nam Kinh; nơi được chọn làm thủ đô tương lai của quốc gia.*

*Sau nhiều năm mưu đồ, nỗ lực, hiểm nguy, đứa trẻ của làng xưa nay đã đạt tới quyền hành và trở nên người thầy của bao nhiêu triệu con người. Nhà cách mạng có một ngoại lệ với cái đầu được treo cao giá, là lãnh tụ sáng lập nền Cộng Hòa trong đó ông đã phục vụ hết lòng. Nhưng giữa niềm vui chan chứa của các bạn yêu nước của ông, Tôn tính thấy trước mắt một nhiệm vụ bao la nặng nề. Những người Mân Châu mãi mãi sống bám lấy Bắc Kinh. Cần phải trừ khử bọn họ và lập lại trật tự. Thời gian, sự khôn ngoan và lòng kiên nhẫn là nghệ thuật của người làm việc nước, nó cần thiết để chiến thắng sự đồ kỵ của miền Bắc đối với miền Nam, những quí kè của các nhà quân phiệt và hệ thống tham ô cũng như sự vét súc người của bọn quan lại. Bằng những ý chí tố cho các bạn bè, Tôn hình như ngờ mình là người khó thể khắc phục bao nhiêu khó khăn. Ấy thế mà ông đã thành công như là nhà Cách mạng. Song ông có phải là nhà kiến quốc không? Đó là câu hỏi ông đã nghĩ tối trên đường đi Nam Kinh.*

## CHƯƠNG XIII

### LÒNG MAN TRÁ VÀ SỰ TÍNH NGỘ

Tôn tử chức tổng thống

Viên Thế Khải trở thành tổng thống và thất bại  
trong mưu đồ lén ngôi hoàng đế.

Tôn lại phải bôn đào.

Sự thành công như sét đánh ngang tai của cuộc cách mạng năm 1911 là sự kiện đã rọi làm cho các binh đội hoàng gia phải ngã về phe những người nổi dậy. Người ta tiên liệu và đạt tới vận động này do hệ thống tuyên truyền kiên trì trong nhiều năm.

Sau trận chiến tranh chống Nhật Bản, khá đông sinh viên được gởi ra nước ngoài để theo học quân sự, phần lớn đều sang Nhật. Công tác vận động số sinh viên này do Tôn và các nhân viên của ông theo đuổi không ngừng. Khi trở về Trung Hoa để trở thành đám sĩ quan trong quân đội hoàng gia, các sinh viên hầu như sẵn sàng quay binh đội do họ chỉ huy cho mục tiêu cách mạng khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Ngay cả trước khi tai nạn quả bom tại Hán khẩu nổ ra, chính

quyền đã có nhiều nghị ngờ và bắt đầu giải giới  
nhưng quân nhân họ nghĩ là không trung thành.

Viên Thế Khải (Yuan Shih Kai) đã về hưu, lại  
được gọi ra để giữ chức tổng tư lệnh quân đội hoàng  
gia. Khi ông ta biết rõ thực lực và sức mạnh của  
cuộc cách mạng, ông kết luận rằng cái phe cánh tốt  
hơn hết là đồng minh với những người chủ chốt của cả  
bên này lẫn bên kia. Viên Thế Khải là một con người  
xảo quyệt và có khả năng. Ông nói rằng ông không tin  
nước Trung Hoa sẵn sàng cho thề ché một chính phủ  
Cộng Hòa và ông thấy một nền quân chủ lập hiến có lẽ  
thích hợp hơn. Hiển nhiên, theo đó, sau một cuộc hối  
đàm với Tôn, Viên đồng ý sự thoái vị lặng lẽ về phía  
người Mãn Châu và chấp nhận chương trình cải cách  
với điều kiện ông sẽ là tổng thống của nền Cộng Hòa.  
Tôn sẽ là vị tổng thống dân cử đầu tiên và rồi sẽ từ  
chức để nhường quyền cho Viên.

Ngày 1 tháng giêng năm 1912, Tôn Dật Tiên được  
hội đồng gồm số người danh tiếng của các tỉnh từng  
tham gia công cuộc cách mạng, bầu làm tổng thống  
nước Cộng Hòa Trung Hoa. Một hiến pháp tạm thời  
ra đời và Tôn, với thói quen quyết định thường có, ông  
gởi một tuyên ngôn cho các nước trên thế giới, lên án

nhiều sự đồi bại tác hại dưới quyền thống trị của người Mân Châu, và nay chỉ còn có một phuơng thuốc chữa trị là thiết lập một nền Cộng Hòa. Tôn hứa rằng tất cả những hiệp ước do các cường quốc ký kết với chính quyền Mân Thanh sẽ tiếp tục có hiệu lực, tất cả các tổ giới nhượng địa sẽ được tôn trọng, tất cả tài sản của người nước ngoài sẽ được bảo đảm và chương trình sắp tới là kiến lập một chính phủ ổn định, giải phóng dân tộc, ban hành luật lệ xác nhận quyền sở hữu tài sản của dân chúng, cùng sự duy trì an ninh, hòa bình.

Rồi Tôn xin nghỉ việc ngày 12 tháng 2 năm 1912 vì ông nghĩ rằng đó là cách duy nhất để trừ khử người Mân Châu mà không phải mất công đánh nhau. Bản thân ông từng thấy những cuộc thực nghiệm lật đổ trước đây hỏng việc và nay ông không đợi gì chuốc lấy sự rủi may một lần nữa.

Khi ý định từ chức của ông được công bố, bao nhiêu điện tín từ khắp nơi trên thế giới tập nập gởi về yêu cầu ông đảm nhận trọng trách. Nhiều người bạn cũ cùng khổ với ông ở Hawaii chuyền nhiều thư tín thông trách cung cách hành động của ông, những người có mặt tại nhà ông ở Nam Kinh đã bàn cãi với

ông dữ dội, nhưng tất cả chẳng đem lại kết quả nào. Trong số người thân có Tôn Khoa, con trai ông, từng là sinh viên đại học ở California; khi nghe tin cha được bầu làm tổng thống nền Cộng Hòa, anh trả về nước ngay tức khắc. Đến Honolulu, anh liền móc nối với Luke Chan, người ban cờ tri của gia đình, cùng 12 bạn trẻ khác đều theo học ở nước ngoài, phản động tại California. Một lần kêu gọi họ trả về Trung Hoa để giúp tổ chức công việc cho chính quyền mới. Họ mang theo lá cờ của "Cộng Hòa Trung Hoa", mâu cờ người ta dùng trong cuộc nổi dậy năm 1895. Người ta kể lại rằng, chính Lục Hạo Đông đã sáng tạo mâu cờ, nhà cách mạng bị bắt và đã bị đem hành hình.

Hành động đầu tiên của nhóm Trung Hoa trẻ là gởi một thỉnh nguyện lên Bắc Kinh xin mở trường dạy canh nông. Ý nguyện này không thành năm 1894 thì nay phải đạt được, và Luke Chan có lời hứa giúp đỡ của bác sĩ E.V.Wilcox, thuộc Trung tâm thực nghiệm ở Hawaï, khi trả về Trung Hoa Luke sẽ đảm đương công trình này ngay lúc một chính quyền sớm ổn định. Nhóm bạn trẻ đến ngay Nam Kinh, và, trong chuyến trả về Trung Hoa, người ta có thông báo rằng Tôn Dật Tiên đã làm tổng thống. Tôn Khoa và vài người trong

nhóm lại ngũ trong cung điện dành cho tổng thống, và họ đã lấy làm ngạc nhiên ngờ ngác biết rằng Tân Đát Tiên đã quyết định từ chức nhường quyền cho Viên Thế Khải. Tất cả những người Trung Hoa tụ tập tại Nam Kinh, đặc biệt những người được đào tạo ở Hoa Kỳ, lấy làm phản nổ về sự quyết ý này. Họ hoàn toàn không tin tưởng bất cứ lời hứa nào của Viên.

Vấn đề thôi việc của tổng thống Tôn được đưa ra trước các đại biểu của các tỉnh tham gia nối dài, vào tháng giêng, và trong nhiều ngày, họ tranh cãi sôi nổi. Những người có mặt hầu hết đều chống đối và, mắng khóc, bày tỏ một thái độ khinh bỉ đối với Viên. Người ta làm đủ mọi cách để mong Tôn thay đổi ý kiến. Nhưng Tôn nhất mục khăng khăng. Ông nói với hội đồng rằng Viên có thể dễ dàng áp lực người Mãn Châu thoái vị và không một người nào khác có thể đóng vai trò này. Sự việc sẽ thực hiện một cách khó khăn, nặng nề. Mọi giải pháp khác đều dẫn tới giao tranh nếu muôn tiên vào Bắc Kinh và như vậy ông không có đủ tiền để theo đuổi một cuộc hành quân lâu dài. Khi quyết định của Tôn xét ra không thể lay chuyển được nữa, sự buồn rầu đã thay thế cho nỗi phiền muộn, và nhiều người tuyệt vọng đã bỏ ra đi.

Tướng Hoàng Hung\*, người từ lâu trung thành với công cuộc khát cay đắng, vì ông quyết định tranh biện cho giải pháp đánh lên Bắc Kinh.

Đó là những gì đã diễn ra trong hội đồng cũng như trong dinh tổng thống do những người có mặt trong các cuộc họp mặt riêng tư cũng như trong các cuộc tranh cãi, cung cấp cho biết. Hình như tính cách vĩ đại của Tôn là tự gác qua một bên danh vọng và quyền lợi cá nhân để phục vụ cho lợi ích mà ông tin là sẽ giúp cho xứ sở bớt đau khổ hơn. Ông đặt niềm tin ở những lời hứa của Viên để hoàn thành chương trình kiến lập nền Cộng Hòa.

Ngày 12 tháng 2 năm 1912, bị Viên thuyết phục, người Mãn Châu chịu thoái vị và bà hoàng thái hậu mới tân phong\*\*, nhân danh triều đại, công bố một sắc chỉ, công trình mà người Trung Hoa gọi là "vót vát thể diện". Một đoạn của sắc chỉ ấy như sau :

Đóng dấu nhân dân, theo chiều hướng chung, số thích nên Cộng Hòa. Mệnh trời nay cũng có thể hiếu được.

\* Wang Hsing, phát âm theo giọng Quảng Đông, âm quan thoại được biết nhiều hơn là Huang Hsing (H.B.R.)

\*\* thái hậu Long Dụ, em của Quang Tự, là cháu gái của thái hậu Từ Hi (ndc).

Tại làm sao ta không thể không đêm xia đến nỗi vọng  
của bao nhiêu triệu con người thay vì chỉ chăm lo cho sự  
vinh quang của một dòng họ ? Hoàng đế<sup>a</sup> và Ta, chúng ta sẽ  
rút lui và thuận theo sự thực thi của một chính phủ khôn  
hiểu. Như vậy là tốt đẹp nhất.

Ngay sau cuộc thoái vị của triều Mân Thanh, Tôn  
Liên thăm viêng khu lăng mộ triều Minh và tại đây,  
ông phục hồi danh dự cho anh hồn những người thấy  
quá cố của Trung Hoa. Ông theo cổ tục bày tỏ cảm  
niệm tôn kính người quá cố, nhưng thật ra ông đã có  
chủ định đặc biệt : ông có ý lôi cuốn sự chú ý của toàn  
dân vào sự kiện nước Trung Hoa đã lai do chính  
người Hán tộc điều khiển. Báo cáo cho các vua triều  
Minh biết rằng sự thống trị của người Mân Châu đã  
chấm dứt, ông giải thích với toàn dân, bằng đường lối  
bi thăm, dũng quốc gia của ông đã đạt tới thành công.

Từ bỏ chức vụ, tổng thống lui về tư dinh, nơi đây  
ông đã mở một cuộc tiếp tân để tuyên bố với dân  
chúng rằng Nam Kinh phải là thủ đô và Viện sê sớm  
đến đây đảm nhiệm chức vụ. Kết luận, ông bày tỏ :

Viện Thể Khai tán đồng gia nhập cộng đồng vua chung  
ta, và cũng biểu đồng tình với những nguyện vọng của  
chúng ta. Hôm qua, ông ta là kẻ đối thủ, nhưng ngày nay đã

<sup>a</sup> Hoàng đế Líệt này tức Phò Nghị, cương hiệu Tuyên Thông (inde)

là bạn của chúng ta. Khi đáo nhậm, ông ta sẽ đón nhận sự chào mừng của một dân tộc thông nhất. Phản tôi, rút lui vào cuộc sống riêng tư, tôi sẽ là một công dân như các bạn và tôi sẽ có gắng công hiến điều tốt đẹp nhất cho lợi ích của nền Cộng Hòa. Nền Cộng Hòa bất diệt !

Ngày 12 tháng 2 năm 1912, Tôn Dật Tiên từ chức và, hôm sau, theo những lời khẩn nài hồi hả của ông, hội đồng đã bầu Viên Thế Khái làm tổng thống. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với hiến pháp theo kiểu cách của người Pháp. Người ta nói Tôn bắt lực và không có một cảm niệm trực tiếp nào trước lòng tốt của dân chúng.

Ông đã tỏ ra là một yếu nhân làm cho các cường quốc phải thừa nhận nền Cộng Hòa, đặc biệt nếu ông muốn vay mượn để kinh doanh đất nước. Thời ấy, hoàng thân Kuhio làm đại diện lãnh thổ Hawaii theo hội nghị các nước thuộc Hiệp Chúng Quốc, và, những người Trung Hoa có uy tín ở Honolulu, có đánh điện cho Tôn yêu cầu ông giúp họ duy trì sự thừa nhận nền Cộng Hòa Trung Hoa mới ra đời. Tôn tích cực hành động và Hiệp Chúng Quốc là quốc gia đầu tiên đã công nhận chế độ mới.

Cùng thời đó, có một người Pháp đến Nam Kinh :

*Fernand Farjenel*, giáo sư đại học khoa học xã hội ở Paris. Người ta nhờ giáo sư xem xét qua nền tài chánh của chính phủ xứ này : giáo sư thấy tất cả đều lỗi thời, luộm thuộm và dốt nát và ông khuyên nên sửa đổi theo những đề nghị của ông. Giáo sư đặc biệt chú ý vào Tôn, người đã từng hỏi han cũng như đã có nhiều cuộc trao đổi với ông, vừa với tính cách công vụ vừa với tư cách riêng tại nhà. Như nhiều người nước ngoài khác nhìn Tôn tại Nam Kinh, Farjenel nhận thấy Tôn rất trái ngược với mẫu người mà ông hình dung sẽ gặp. Ông nhận thấy Tôn rất thông triết học và những lý thuyết cải cách xã hội, ông viết :

Trong số những người Trung Hoa tôi gặp, cảm tưởng gieo vào lòng tôi cho thấy Tôn là người ngay thẳng và thật thà, tất cả ngoại diện ông đều rất xa lạ với tiếng đồn ông là người sống hai mặt, giáo hoat và bội tín. Gương mặt ông rõ ràng khả ái và tôi có cảm tưởng khá dễ chịu khi nói chuyện với Tôn\*.

Một nhà báo Hoa Kỳ, sống lâu năm tại Trung Hoa, có viết :

Tôn là người chân chất rõ nét, thật thà và có chí lớn. Đó là một nhà tiên tri được trọng vọng ngay trong xứ sở của ông. Viên Thế Khái cũng như những người ngoại quốc có

\* *Fernand Farjenel, A travers la révolution chinoise.*

quyền hành đều tin tưởng ô ông và chia sẻ cách nhìn của ông<sup>6</sup>.

Người ta nghe rằng, sau khi thôi giữ chức tổng thống, Tôn sẽ được chỉ định trông coi ngành đường sắt. Ông thích chọn phần việc này vì ông hiểu rằng một trong những nguyên nhân làm trì trệ nước Trung Hoa là thiếu phương tiện giao thông và vận tải. Ngoài những cửa khẩu mở ra theo các hiệp ước ký kết, với những khu ngoại vi xây dựng cấp thời quanh những cảng nói trên, trục lộ trong nước chỉ là những con đường thô sơ, trong khi ngành đường sắt chỉ mới thông được vài nghìn cây số đường. Tôn không phải là kỹ sư và kiến thức về ngành đường sắt của ông thật không đầy đủ.

Những kẻ có quyền hạn đảm tiêu các chương trình của ông và bảo rằng, trên giấy tờ, Tôn đã chia cắt lãnh thổ đất nước ra thành ô vuông, bắt chấp ruộng đồng và núi non cùn trố. Ông không có nguồn tài chính để thiết lập đường sắt, nhưng, như thói quen thường có, ông nghĩ ông có thể có nhiều tiền từ châu Âu; ông có hội đàm với giáo sư Farjenet về ý định vay tiền nước Pháp, nhưng ông này bảo rằng người Pháp không phải là những kẻ thuyết lý suông mao hiểm.

<sup>6</sup> Frédéric McCormick, La révolution florissante.

Việc đánh giá bắn chết của Viên Thế Khải, cũng theo những nhân vật trên đây, thật trái ngược hẳn với con người Tôn Dật Tiên. Viên thuộc về trật tự cũ, còn Tôn thì mài mẻ hơn. Viên phán phúc và tàn bạo, nhưng, với tư tưởng chuyên chính ở các nước Viễn Đông, những hành động của Viên hình như rất cần thiết cho những nhiệm vụ chỉ đạo. Viên sẵn sàng quên sạch, những ai mưu toan đứng dậy trên đường danh vong của ông. Ông có công mở mang quân lực Trung Hoa, cũng có và mang lại kỷ luật cho nó, đồng thời đối đãi với các nhà quân sự của ông rất hàn h裆, xứng đáng. Khi đảm nhiệm trách vụ ở Triều Tiên, ông thi hành một quyền lực quân chủ chuyên chế và, theo các biên bản, ông đã dùng một cách thức hem tě như không nói là tàn bạo.

Tôn hăn phải biết rõ cả những điều ấy, và đó là cái lý để các dòng chí của ông khó thể hiểu tại sao ông đã tin cậy vào lời nói của Viên. Họ không phải dài dòng tôn công để khâm phá ra ràng niêm tin của Tôn đã đặt không đúng chỗ. Một trong những dấu hiệu là Viên đã khuất từ chuyên thủ đô về Nam Kinh, đúng như những gì ông đã cam kết. Ông bảo rằng một hội nghị cho các phe nhóm buộc ông phải có mặt ở Bắc

Kinh. Vài tháng sau ngày lui về dời sống dời thường, Tôn đã được mời viếng thăm Bắc Kinh và ông đã được đón tiếp như một ông hoàng. Sau nhiều cuộc trao đổi với Viên, Tôn xác nhận rằng tuyệt nhiên ông không hề thấy một ý chí nào chứng tỏ tổng thống Viên chịu theo đuổi những cái cách đã được qui định trong hiến pháp. Tôn bắt đầu thắc tinh, nghi ngờ. Ông hiểu rằng Viên là một người Hán tộc theo trường phái cổ điển, để trừ khử một kẻ r้าย rợ, hắn có khả năng cầm tù ông như chơi, và, bằng lời thắc cớ nào đó, hắn có thể giết hại ông. Tôn bèn bì mặt rời khỏi Bắc Kinh và trở về Nam Kinh.

Viên đã xoay xở tài chánh và rất ham hố mong nhận được món vay nợ từ nước ngoài. Vốn liêng tiền bạc còn lại trong ngân khố bao nhiêu, Viên đem dùng vào việc làm cho quân lực ở miền Nam tiêu tan đi để dồn súc cho lực lượng quân sự ở miền Bắc. Viên khéo léo vay mượn một số tiền là 25 triệu Anh kim nói một nhóm nhà tài chánh châu Âu mà không cần có sự đồng tình của chính phủ, của các nhà hoạt động tài chánh này.

Khoản tiền vay này mới chỉ là một dự kiến mà chưa hề được Hội đồng Cách mạng chuẩn y, do đó nó

hoàn toàn vi phạm hiến pháp. Khi hiểu sự gì đã xảy ra, Hội đồng tuyên bố không vay mượn một mớn tiền nào. Khi người ta khám phá ra rằng tổng thống Viên đã dùng tiền để mua vù khi ở Koupp thay vì tiêu vào các công trình cải thiện trong nước, tức thì ốc nổi loạn lại trở dậy lan khắp. Tôn tung thông cáo buộc tội Viên là một kẻ tiếm quyền. Ông yêu cầu các cường quốc ngưng ngay mọi khoản tiền ứng trước, theo ông, chúc chấn, Viên sẽ không dùng cho cứu cánh nền Cộng Hòa mà chỉ thỏa mãn những tham vọng cá nhân.

Đầu tháng 5 năm 1913, do bạn bè ở Bắc Kinh bảo cho hay, Tôn biết Viên đã trù định những kế hoạch nhằm trừ khử ông. Ông có thể gần như tin điều này, khi, một tin khả tín khác đã tiết lộ từ cuộc mạt nghị của Hội đồng của Viên, trong đó ông đã bị cáo buộc là phản trác, đại khái có cả Ngũ Đình Phương và bác sĩ Lee, một lãnh tụ cách mạng. Ngay cả lúc đó, Tôn cũng không nghĩ rằng chính phủ thất sự tim cách bắt ông. Một hôm, đang đứng trong sân, trước ngôi nhà của bác sĩ Lee, chung quanh nhà bao bọc một bức rào tường theo kiến trúc Trung Hoa, Tôn và những người ứng hộ ông đều nghe có tiếng đập mạnh vào cửa song sắt. Tường không có gì tốt hơn là chính những dòng chữ của Tôn sau đây :

Tôi nhận biết giọng nói của những người chỉ huy bên ngoài, như tiếng của Yi Ho, tên làm thuê thô lỗ và tàn bạo của cơ quan an ninh trong Hội đồng của Viên. Tôi hiểu ngay rằng những tin tức chúng tôi đã nghe được là chính xác và, nếu tôi bị bắt, tôi sẽ bị gởi lại và chuyển lên Bắc Kinh, tại đây, tôi sẽ bị đem xét xử bí mật và sau đó bị hành hình. Bác sĩ Lee tiến ra cửa, nhưng đứng trước khi mở, bác sĩ hỏi thúc tôi chạy đi. Tôi am hiểu tất cả đường đi nước biếc, và thoát ra một lối người ta gọi là ngã sau. Trước khi chạy, tôi còn có thể nghe được bác sĩ Lee và những người khác bị đánh dập và trói gô lại.

Khi về đến nhà ở Nam Kinh, trước khi trời sáng, ngày hôm sau, vài sự việc nói cho tôi hay rằng đêm qua nhà tôi đã bị khám xét, tôi bèn sang nhà một người bạn, trên sông Hồ Nam. Tại đó, tôi mới biết rõ ngày hôm trước nhà tôi bị canh giữ và vợ tôi bị các sĩ quan bắt vắn nhiều. Đời tôi chưa từng bị sĩ nhục một cách quá quắc như vậy, ngay cả lúc tôi bị cầm tù ở Luân Đôn. Vì chính phủ, tôi đã bao phen bị săn đuổi, chỉ mấy tháng trước đây thôi, tôi đang còn giúp đỡ chiếc và ổn định cho chính phủ.

Người ta khước từ đại để rằng, các nhà chức trách ngoại quốc không thể cho tôi tị nạn trong các tổ giới do họ kiểm soát. Tôi chẳng xin xô điều gì, nhưng đó là một việc có thật mà những kẻ nắm quyền chỉ huy lực lượng cảnh sát Pháp cũng như Anh trong các tổ giới đưa họ ra súc tung

kiêm tôi trong suốt thời gian tôi lưu trú, và họ bảo với tôi rằng nếu tôi tiếp tục ở lại, tôi phải chuộc lấy những rủi ro. Làm thế nào để đoán chắc với họ là tôi bị nạn ở đâu? Họ thừa biết nhiều kẻ giết mướn ngày đêm đuổi theo sau tôi. Rồi tôi nghĩ chỉ còn cách kêu gọi tôi tống lãnh sự Hiệp Chúng Quốc, nhưng, tự biết rõ mình không phải là công dân Hoa Kỳ, tôi không thể xin che chở theo luật định. Và trong khi đó thì lời yêu cầu của giới chức Hoa Kỳ tại tôi giải lai tru tréo lên để chống lại sự lưu trú tí nạn của tôi.

Suốt ba tuần lễ, tôi cố gắng liên lạc với tướng Hoàng Hưng, tổng tư lệnh các lực lượng miền Nam. Tôi trốn từ nhà này sang nhà khác, và tôi cũng có, nhiều lần, trở lại thành phố Nam Kinh; một lần, dưới lốt cái trang, tôi trở về ngôi nhà riêng và ở lại cho đến sáng. Một hôm, vợ tôi nói lại với tôi, có một sĩ quan say rượu đến nhà tôi, đòi xúi khích thô bạo với bà, hai em gái của bà, và kéo chiếc giường của con gái tôi đang nằm. Rồi, bằng những nhát luôi lê, hắn phá hủy bàn ghế và giường ngủ trong nhà. Tên chí huy còn đe dọa vợ tôi rằng hắn sẽ giải bà lên Bắc Kinh cho đến chừng nào bà chịu "khai tôi trốn ở đâu, nhưng bà quì gối quả quyết rằng bà không hay biết điều gì cả, quá tinh như vậy. Tôi nhìn mặt vợ lần cuối cùng là ngày 13 tháng 6 năm 1943, bà bảo tôi: "Không nên về đây nữa, hãy tìm đến Hoàng Hưng, nán nó ở đây sẽ bị bắt như một con chó và bị giết".

Tôi không muốn nói với bạn làm thế nào tôi đã đến được Hồng Kông và, từ đó, trở về Quảng Châu. Phải mất

một tuần lễ và chi phí tối 135 đồng Anh kim. Người thuyền trưởng chiếc tàu chay bằng hơi nước bán xú của Hồng Kông rất quen mặt tôi vì tôi từng khám bệnh và săn sóc cho ông ta ở Macao và Hồng Kông và, tuy rằng ông chưa hề thanh toán cho tôi một đồng bạc nào, ông cũng đã trả lót tôi không dưới 500 đồng lá cho thủy trình từ Hồng Kông đến sông Châu giang. Trong lúc chuyện trò, tôi biết ông là người của phe Viên Thế Khái, nhưng tôi hiểu rằng tôi có thể hành diện trước ông ta trên vẫn đề cá nhân. Tôi đến bên Go tan và sang một chiếc tàu nhỏ để đi Quảng Châu.

Người thuyền trưởng chiếc tàu hơi nước không phải là người duy nhất nhận biết và ngạc nhiên khi bắt gặp tôi. Có người cai phu khuân vác ở Quảng Châu, chạy tới nhà chức trách báo là tôi hiện có mặt trong thành phố. Một lần, tôi thấy hắn cùng với một sĩ quan tạt ngang qua chiếc bến giấy tôi tạm dừng nơi nghỉ lung. Thê là tôi tim ngay đến bến doanh của tướng Hoàng Hưng tại Mookow, tướng Hoàng xáp lại tôi và muốn bắt tay tôi theo lời Âu Tây. Sau đó, tôi thấy tướng Luang xuất hiện ở Quảng Châu, người chỉ huy toàn lực lượng cảnh sát. Y có mặt ở Mookow, tôi cáo giác với tướng Hoàng Hưng, ông này đã chém y ra nhiều mảnh.

Tôi mong về thăm lại gia đình và tướng Hoàng Hưng đánh bao giờ gảm vài chữ cùng một sự giúp đỡ về tài chính và đã nhận hồi âm. Nhiều ngày trước khu chúng tôi xa nhau, chúng tôi đã cùng sống trong thành phố với tinh cảnh nghèo khó nhất cũng như đã trải qua cuộc sống trên sông nước của

nhưng cung đình và, đôi khi, linh cảm người ta sẽ vây bắt tôi để tinh món lợi kềch sù. Tướng Hoàng và tôi rời thành phố bằng chiếc ghe mui mà chúng tôi chưa hề gặp thấy từ trước. Ông trả 5 đồng tiền Quảng Châu\* (= 3 đô la) cho chuyền qua giang của ông, còn phần tôi, tôi trả 4 đô la Mè tây ca và một gói thực phẩm cùng khoán tiền bảo chúng 8 quan tôi cắt kỹ nhiều ngày trong một chiếc áo sơ mi cũ. Nghe đâu, chúng tôi sẽ được cung cấp tài chính đầy đủ nếu chúng tôi chịu trở sang Hoa Kỳ, nhưng, như thế, chúng tôi phải trả giá bằng cái chết của mình trong tay người thuyền trưởng.

Từ He Ling, tướng Hoàng bảo đảm chuyền đi của ông đến Hồng Kông trên một chiếc tàu chạy bằng hơi nước, còn tôi dùng một tàu đánh cá, tôi đi Macao. Một hai ngày rong rã, tôi sung sướng cập bến Mofî, thuộc Nhật Bản, cảng lấy làm phần khởi biết rằng tướng Hoàng đã làm đúng những gì ông hứa và ông đã đến Nagasaki trước tôi những năm ngày. Chúng tôi gặp nhau tại 'Khách sạn hải nội', một địa điểm cả hai chúng tôi đều quen thuộc trong những ngày người ta theo đuổi chúng tôi như là những kẻ tị nạn.

Từ Nagasaki, Tôn Dật Tiên viết thư cho Viên Thế Khải nói rằng Viên đã phán bởi tổ quốc của ông và, bằng cách thức Tôn đứng dậy để lật đổ người Mãn Châu, nay Tôn sẽ lại - lần nữa - vùng lên để chống lại Viên.

\* caels cantonais : tiền lưu hành trong tỉnh Quảng Đông, đặc biệt là Quảng Châu (ndc).

Thé là, thêm phen nữa, Tôn Dật Tiên lại lưu đày. Hơn một lần, ông đã thiêu thực tế trong những dự án thông nhất Trung Hoa dưới một chế độ Cộng Hòa. Nhiều phần tử phe cấp tiến hoán toàn nản chí và nghĩ rằng Tôn sẽ là người thích hợp hơn cả để cung có họ trong điều kiện hiện hữu. Nhưng Tôn thì còn rất tin tưởng vào quần chúng nhân dân nên tự hăng hái lao vào sự nghiệp để hoạch định những kế án cũng như những ám mưu cho ngày mai.

Sau khi Tôn rải khỏi Trung Hoa, một cuộc bạo động đã nổ ra tại Nam Kinh vào tháng 7 năm 1913, bị lực lượng của Viên chấn nát cùng một cách thế không thương tiếc như người Mân Châu đã dùng trước đây. Tôn hiểu rằng, thật vô ích, tìm cách tái đỗ Viên lúc này, vì công cuộc tổ chức nền Cộng Hòa không có ai ngó ngàng tới sau ngày thoái vị của người Mân Châu. Ông lưu lại Nhật Bản một thời gian rồi trở về Thuận Hải sống trong khu nhượng địa Pháp. Nơi đây, ông chờ đợi cơ hội tốt cho một cuộc nổi dậy khác, đáp ứng cho một chính phủ hợp hiến.

Viên Thế Khái, từ ngày được bầu cử, dốc sức cung cỏ chính quyền trung ương và phát triển thể lực cá nhân mình. Nuôi lót hứa dùng Nam Kinh làm thủ đô,

ông ta ở lỵ Bắc Kinh coi như cứ địa của chính phủ do ông điều khiển. Tại Nam Kinh, rất nhiều người ái mộ Tôn nhưng, mặt khác, các sứ quán lại đã tái cù ở Bắc Kinh và uy thế sẽ mất đi nếu người ta xa rời một đô thị từ lâu đã làm nên sự lớn mạnh của Trung Hoa. Viên bực bối vì sự lấn lướt của Nhật Bản và nghi ngờ cách hành động của Nga, trên phía bắc. Ông tin rằng Trung Hoa cần có một nhân vật cứng rắn để liệu lý việc đổi nội cung nhu đổi ngoại.

Tháng 10 năm 1913, Viên dàn xếp, leo lái Hội đồng cách mạng chấp nhận định kỳ tổng thống là 5 năm. Rồi, triệt tiêu những thành phần cốt cán và tuyên bố giải tán tư vấn các tỉnh, Viên trở thành kẻ chuyên chế ngầm ngầm. Năm 1914, ông ban bố một sắc luật kéo dài nhiệm kỳ tổng thống là 10 năm và, như vậy, thực tế, ông đã tự cho mình cái quyền chỉ định người kế vị. Năm 1915, các nhà lãnh đạo quân sự bày tỏ thái độ ủng hộ Viên tên ngõi hoàng đế. Tiếp đó, Viên thu xếp để gởi những biện minh trang xuống khắp hang cùng ngõ hẻm trong nước, yêu cầu thủ tiêu nền Cộng Hòa và lập lên một chế độ quân chủ lập hiến.

Thời đó, có vẫn những công việc của chính phủ là F.J.Goodnow, một tiến sĩ người Hoa Kỳ, từng theo học

luật lệ về các thể chế hiến pháp khác nhau, tại nước Đức. Tất cả điều biến chính trị của Trung Hoa lúc ấy có ảnh hưởng đến những phán đoán của tiến sĩ trong biên minh trạng dài dòng ông viết theo sự thỉnh cầu của tổng thống Viên nhằm bảo vệ cho một chính phủ quân chủ lập hiến thích hợp với nước Trung Hoa hơn là một thể chế Cộng Hòa.

Một bài trả lời tiến sĩ Goodnow cũng dài dòng không kém do Khang Hữu Vi công bố, người từng có ảnh hưởng tới hoàng đế Quang Tự năm 1898, trong việc soạn thảo những sắc chỉ cải cách. Nhưng Viên khư khư giữ lấy quyết định của mình, đầu năm 1916, ông ta tung một tuyên ngôn nói rằng, theo ý muốn của toàn dân, ông lên ngôi hoàng đế, mở ra một triều đại mới.

Liền sau khi sự việc xảy ra, miền Nam và phía Tây Trung Quốc rơi vào tình trạng xao xuyến, dao động. Tỉnh Vân Nam đe dọa nổi dậy. Các chức danh đầu tỉnh phía Bắc tỉnh Vân Nam nhóm họp tại Quảng Châu, lập thành một liên minh và tự ly khai. Tỉnh Tứ Xuyên tuyên bố chống Viên. Hiểu được những việc này, Viên trả nên điện đại, và, bước vào trong phòng người hầu thiếp khá ải dang ngủ với đứa con mới

sinh, ông ta rút gươm và giết cả hai mẹ con. Tai sao ông ta lại hành động như vậy, đó là một điều bí ẩn, nhưng có thể rằng ông đã hình dung về tương lai đứa bé kế tục ông sẽ phải chấm dứt trước những viễn tượng đầy tham vọng của ông.

Ngày 22 tháng 3, chỉ sau vài tuần lễ tự phong làm vua, Viên hạ chiếu chỉ phế bỏ vương triều để khai lập nước Cộng Hòa. Không nghi ngờ gì nữa, chính sự thất vọng cay đắng cùng những khó khăn về tài chính cộng thêm tình hình nổi dậy ở phía Nam, tất cả đã áp tới tạo nên cái chết của ông ta vào ngày 1 tháng 6 năm 1916.

Phó tổng thống Lê Nguyên Hồng (Li Yuan Hung) kế vị Viên. Ông khuất từ ủng hộ chế độ quân chủ và vào lề tựu chức, ông tuyên bố những ai đồng minh tái lập chế độ vua quan kia, nên tìm cách trốn đi nếu không muốn bị bắt.

Trong vòng 3 năm, từ 1913 đến 1916, Tôn lưu trú phần lớn thời gian tại Thượng Hải. Tại đây, Tôn có một ngôi nhà tương đối khang trang và sống tương đối đàng hoàng, việc ăn mặc theo lối của Trung Hoa nửa Âu châu. Ông tiếp khách, cung cách không hề lèng phu mà thường theo thói quen đậm bạc, thậm chí rượu và

thuốc lá cũng không có nốt. Nhiều người có nói rằng chính họ là những nguồn lợi tức Tôn thu nhập vào lúc ấy. Một người Hoa Kỳ, thời đó, làm việc ở Biểu cục Thương Hải, kể với biên giả\* rằng không dưới 25.000 bức thư báo dám gởi về địa chỉ của Tôn suốt trong thời khoản ấy. Hàng loạt thư từ các ngõ ngách trên hoàn cầu - như Mỹ, Úc, Singapour và nhiều nơi khác - đoán chừng bên trong có chuyên cá tiền. Vài số tiền từ Honolulu gởi đến, vì người ta thông kê giấy biên nhận tiền tổng số lên tới 15.000 đô la. Những vụ chuyển tiền này do Luke Chan lo liệu và chủ ký trên những biên nhận thấy ghi là Tân Văn và tên người thủ quỹ của ông. Các đối thủ của Tôn luôn luôn xầm xì rằng ông nhận tiền của những người muôn tìm ánh hường nơi Tôn. Quán lệ nơi những người Trung Hoa chính đáng kinh tài bằng tư thế của họ như vậy là rất phổ biến, nhưng những kẻ cùu địch của Tôn không thể hình dung nổi cái điều tại sao Tôn không làm giàu theo liên với những trù hoạch tổ chức cách mạng của ông.

Nhiều người rất hiểu rõ Tôn, cả Trung Hoa lẫn ngoại quốc, đều có một cái nhìn trái ngược về ông, kẻ bảo ông là con người lương thiện, người cho ta một nhân cách uý kí.

H.B.Restarick (ndc).

Họ dẫn chứng sự kiện Tôn dâ vứt bỏ chức vụ tổng quản lý ngành đường sắt với số lượng bông 40.000 đồng nguyên mồi năm, xem hành động đó qui hơn là phải không trung thành với những lý tưởng Cộng Hòa dâ theo đuổi. Việc ông nhận tiền nỗi những người ái mộ khi lưu trú tại Thương Hải là điều không nghĩ ngờ gì nữa, nhưng ông lại luôn luôn là lãnh tụ của những người cấp tiến, không ngừng tự nhiệm tháo ra những đề án đưa tới một cuộc nổi dậy khác, theo suy ngiệm của ông, cuộc nổi dậy ấy sẽ tự nhiên phải thành công.

Trong những lần trả lời phỏng vấn ở Thương Hải, hiển nhiên, ông tràn trề hy vọng, tin tưởng rằng không một sự thay đổi quan trọng nào này sinh ở Trung Hoa mà không phải trải qua lâu dài. Ông có xu hướng tìm sự giúp đỡ ở Nhật Bản để mở mang đất nước. Vì người Nhật am hiểu về Trung Hoa nhiều hơn những người Âu và Hoa Kỳ. Ông liên lạc thư từ với những nhân vật Nhật Bản tiếng tăm và hình như việc này đã tạo cho ông luồng dư luận, theo đó kết quả ông đã nhận được một nguồn tài trợ. Sự cõi vú của ông đã làm tóa sáng và lan rộng một tinh tú quốc gia ở Trung Hoa, nhất là điều này hầu như hoàn toàn xâm chiếm giới sinh viên. Mà thật vậy, các sinh viên chịu ảnh hưởng lớn từ

những người họ tiếp xúc, vì dân Trung Hoa có một sự tôn trọng sâu đậm vào người có học thức. Tôn thậm chí nói rằng ông có thể không còn sống để nhìn thấy một sự thay đổi toàn bộ tận gốc, nhưng ông quả quyết rằng, ông sẽ tạo ra sự đổi mới mỗi ngày không xa. Giữa khi ấy, tất cả những người nhiệt tâm với công cuộc phái tiếp tục công tác khuấy động và ban những mệnh lệnh tổ chức và chỉ đạo công việc chung.

Những người ngoại quốc đàm đạo với Tôn có ý kiến rằng ông không phiêu lưu chút nào khi quá ý lại vào Nhật Bản. Ông đã dễ dàng chấp nhận người Nhật đến Trung Hoa để dạy dỗ những điều mới lạ. Khi người ta lưu ý ông rằng một sự xâm nhập trầm lắng nào đó có thể trở thành nguy hiểm cho tương lai đất nước, ông liền chê giêu loại tư duy này. Ông tìm thế dựa ở một nước ngoài nào đó và người Nhật Bản, không một chút hờnghi, sẽ vui lòng chấp nhận những điều kiện nếu ông có quyền hạn cần thiết để kết thúc một thỏa ước. Bằng cái nhìn ấy, Nhật Bản không khác các quốc gia khác, bất luận là nước nào cũng phải chụp lấy cơ hội để lèo lái nội tình Trung Hoa.

Những gì Tôn nói và làm trong thời gian lưu trú ở Thương Hải, vào thời ấy và sau đó, rõ ràng ông

không hề lượng định chính xác những chương ngai trên con đường xây dắp một nền Cộng Hòa.

Nhiều người Trung Hoa, là đồng chí của ông, kịp hiểu rằng sự ngu dốt của quần chúng; sự thiếu sót tắt cả nội dung của một chính thể đại nghị và chủ nghĩa bảo thủ của những phương thức cổ lỗ phái biến tiêu di trước một nền Cộng Hòa thật sự có thể vận hành.

Tôn Dật Tiên, trong chừng mực nào đó, đã vỡ lẽ; năm 1916, ông nghĩ ra : phái hoại là một việc, còn xây dựng lại là một việc khác. Đó là bài tính ông phái đương đầu, năm 1917, khi các tỉnh miền Nam nhất tè nổi dậy và ông đã trở về Quảng Châu để lãnh đạo công cuộc.

## CHƯƠNG XIV

### TÔN ĐÁT TIỀN VÀ GIA ĐÌNH ÔNG

Tuyệt giao với người anh cả  
và người vợ đầu tiên. Lễ cưới lần thứ hai.

Những liên hệ của Tôn Dật Tiên với gia đình ông cần phải bàn luận ở đây, vì một sự cố đã xảy ra trong thời gian ông lưu trú tại Thương Hải, năm 1915. Câu chuyện quay ngược từ năm 1896 cho đến chuyến thăm viếng Bắc Kinh của ông, ít lâu trước khi ông qua đời. Đây là một thiên thuật sự hoàn toàn có dính dáng đến lễ cưới lần thứ hai của Tôn với cô Tống Khánh Linh (Sung Hing Ling).

Ah Mi, như người ta thường gọi anh cả của Tôn Dật Tiên, dần dà làm ăn phát đạt theo năm tháng định cư tại Hawaii. Sau khi xếp đặt những nguồn tài sản tại Honolulu và trong những nông trại kê cặn, ông ta tậu một塊 đất rộng trong đảo Maui nằm trên triền núi Haleakala, một núi lửa đã tắt từ lâu, cao 3000 mét, và, tại đây, ông kinh doanh bằng nghề chăn nuôi. Nghề này, có sự hợp tác của một cửa hàng ở Kohului, cũng nằm ven đảo, đã giúp Ah Mi trở thành

một người giàu có, vào thời ấy. Trong con mắt những người Trung Hoa di trú cũng như người thuộc các quốc tịch khác, Ah Mi rõ là một con người kinh doanh đúng đắn và được trọng vọng.

Mẹ Ah Mi đã sống với ông từ năm 1896, cá vợ của em ông - bác sĩ Tôn - cùng ba đứa con. Được biết, người vợ của Tôn không thể theo chồng bôn ba khắp nơi trên thế giới để đánh thức những người đồng bang chống lại ách thống trị Mãn Thanh đồng thời rao giảng tân thức cho nước Trung Hoa, nhưng, ngay trong những lần thích hợp, thuận tiện nhất trờ lại thăm các đảo thuộc Hawaii, Tôn đều cõi về Maui để hanh hối gia đình.

Thời gian đã làm người ngoại những tình cảm bức bối của Ah Mi đổi với người em thứ, và nếu có điều không đồng tình với em trên vấn đề tôn giáo, thì ông lại tỏ ra tâm đắc với em về sự cứu hán người Mãn Châu cũng như trong tham vọng của em mong muốn giải phóng nước Trung Hoa.

Khi Tân đến Hawaii năm 1896, lai liền lên đường đi Hiệp Chủng Quốc và, sau đó, sang nước Anh. Thế rồi Ah Mi nghe tin em bị bắt cóc cầm tù và lại tự đánh

thoát tại Luân Đôn, điều này đã khiến và nhiều người Trung Hoa sống ở Hawaï quan tâm nhiều; khi biết rằng người công nhân giúp việc cho sứ quán Trung Hoa tại Luân Đôn vì giúp đỡ Tôn thoát thân mà phải mất chỗ làm, Ah Mi liền gọi cho Tôn Dật Tiên tiền - coi như là món nợ cho không - để tạ ơn người công nhân nọ. Nhiều người Trung Hoa ở Honolulu hiểu chuyện này có tiết lộ rằng tổng số tiền lên tới hàng ngàn đô la. Với tình cảm gia đình sâu đậm của người Trung Hoa, việc Ah Mi giúp em trong cơn khó khăn là một lẽ tự nhiên.

Thời gian trái sống ở Hawaï rồi ra cảng cái biển dần mỏi cùu thi của Ah Mi đổi với đạo Cơ Đốc. Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, một số lớn người làm nông trại Trung Hoa có thuê đất trong vùng lân cận trang trại của Ah Mi, để trồng lúa mì và các loại thu hoạch khác. Trong số họ, có nhiều người là tín đồ Cơ Đốc rất xác tín, Ah Mi đã giữ mối giao hảo khá tốt đẹp. Ngày kia, giám mục Alfred Willis, trước từng là thầy dạy của Tôn Dật Tiên, trong một chuyến thăm hỏi các tín hữu sinh sống trên sườn núi thuộc giáo khu ông, đã được Ah Mi tiếp đón nồng hậu. Giám mục có một ban trẻ tên là Yap See Yung theo làm thông ngôn.

Yap từng là học trò của trường Iolani  
bạn trai tham dự cuộc hội nghị đấu  
cách mạng tại Honolulu, và đã tuyê  
nhiều rất nồng nhiệt của bác sĩ Tôn.

Trong khi Tôn theo đuổi công cuộc cách  
mạng, Ah Mi đóng góp rất hào hiệp vào những  
hoạt động, cùng một lúc từng chuyển cho ngay  
hàng ngàn đô la. Hành diện vì em, vì tên tuổi của;  
thường được mọi người nhắc đến, có thể rằng Ah Mi  
nhắm đạt tới một chức vụ nào đó khi cuộc cách mạng  
thành công, nên ông đã - bằng mọi cách có thể - mong  
muốn giúp đỡ để thúc đẩy công cuộc. Năm 1909, Ah  
Mi thực hiện những nguồn tài chính lớn lao tại Macau  
và trở về Trung Hoa, ngay trên vịnh Kowloon, đối diện  
với Hồng Kông, là lãnh thổ thuộc Anh - dân anh của  
cách mạng cực đoan - mà không dài gì mao hiểm sóng  
trên đất Trung Hoa và, hơn thế, như nhiều người  
Trung Hoa làm giàu ở hải ngoại trở về quê hương, ông  
càng tìm thấy an ninh nhiều hơn trên một mảnh đất  
do người nước ngoài kiểm soát.

Tư lâu, ngôi nhà Ah Mi ở Kowloon được biết đến  
như là nơi hẹn gặp gỡ của các người nhiệt tâm với  
cuộc cách mạng, và nhà chức trách Anh, rất hiếu việt

này, có thông báo rằng sự hiện diện của ông là không thuận lợi và khuyên răn ông hoặc ra lệnh cho ông phải ra đi. Ah Mi bèn đến Quảng Châu Văn Quang (Quang-tehéou-Wan), nhượng địa thuộc Pháp, ở đây ông công khai mổ một hiệu thuốc tây, thực tế dân dã trở thành bến doanh của đám móm đê của Tôn, trên mảnh đất này. Ah Mi không lưu lại đây bao lâu, vì, năm 1912, khi em ông đặc cử tổng thống Cộng Hòa Trung Hoa, ông liền đến Macao là nơi xét ra gần Quảng Châu nhất để có thể nắm lấy cơ hội tốt mà xuất đầu lộ diện.

Suốt trong thời gian rồi ren tiếp theo sau lần bốn tầu khỏi Nam Kinh của bác sĩ Tôn, Ah Mi rơi vào một tư thế rất là khó khăn. Tài sản của ông đã tiêu phí tất cả vào việc thúc đẩy cuộc cách mạng và em ông thù nay lại lưu dài. Nhưng gì ông có thể làm là chờ đợi tình thế thay đổi, thời cơ đến sau khi em ông tràn trề hy vọng.

Khi Tôn trở về Quảng Châu và nắm lấy quyền hành, Ah Mi ôm tham vọng trở thành người cầm đầu tỉnh Quảng Đông và nghĩ tinh chúc vụ ấy coi như là sự bùn bối công và của ông đã công hiến cho đảng phái. Khi bác sĩ Tôn nói huy chục với ông rằng ông không đủ khả năng để hoàn thành nhiệm vụ ấy, Ah Mi đã

nói giàn nói thảng rẳng ông muốn người ta hoàn trả tất cả tiền bạc mà ông đã ứng trước. Giữa hai anh em, đã có nhiều lời lẽ cung rắn với nhau và kết thúc cuộc cãi vã là bác sĩ Tôn tuyên bố ông sẽ bỏ ra số tiền khoảng chừng 20.000 đô la để hoàn trả cho Ah Mi.

Đó là vụ trả tiền mà Ah Mi coi như một chuyến vay nợ phải trả khi nền Cộng Hòa được thiết lập. Một phần lớn của số bạc này Ah Mi dùng để mua một ngôi nhà khá đẹp, ở Macao, thay vì như người ta tưởng ông đã xây cất. Những người có dịp mực kích ngôi nhà ấy, đều mô tả đó là một cung điện và, đúng hơn cả, như cách nói của Ah Mi, đó là công lao chất chiu để dưỡng tuổi già của ông.

Khi Ah Mi từ Hawai trở về Trung Hoa năm 1909, người vợ của Tôn Dật Tiên cũng theo về, và lúc nghe tin Tôn dắt cử tổng thống, bà liền đến Nam Kinh. Thế rồi Tôn lại đào tẩu vì Viên Thế Khái và người vợ Tôn lại phải sang Macao tiếp tục cuộc sống của mình. Bà đã chấp nhận đức tin Cơ Đốc và, ít lâu sau, đảm nhận giáo vụ "nữ sứ đồ Kinh Thánh", đi vào các gia đình Trung Hoa để giảng dạy kinh Thánh cho các phụ nữ trong gia đình, cái công việc mà tục lệ và phong hóa cấm đoán bon dàn ông đến gần phụ nữ.

Cái lý lẽ - theo đó người vợ không sống với chồng của bà khi người chồng trở về quê hương với tư thế xã hội như là người lãnh đạo chính quyền Quảng Châu, năm 1916, và tiếp theo, là tổng thống miền Nam Trung Hoa - nó in đậm vào một chương của sổ đời Tôn Đật Tiên mà những người Trung Hoa, bất luận là tín đồ Không giáo hay Cơ Đốc giáo, đều lấy làm đăng tiếc và bất phục.

Khi Tôn ở Thương Hải, đầu năm 1915, ông có người thư ký là cô Tống Khánh Linh. Đó là một phụ nữ trung thành, đáng yêu, được dạy dỗ ở Hoa Kỳ và, theo người ta nói, cô đã tốt nghiệp từ trường đại học Wesleyen de Macon, thuộc tiểu bang Georgia. Cô nhiệt tâm với các nhà cách mạng và riêng Tôn rất khâm phục cô. Một mặt, một người vợ theo kiểu cách xưa, lại phần lớn thời gian phải xa cách vì bao phen bón ba của Tôn suốt những 20 năm trời, và, mặt khác, một phụ nữ tân thời có văn hóa, thường ngày tham dự vào những bàn rộn đầy ý nghĩa và lợi ích của một nhà cách mạng. Một người Trung Hoa - Chang Chau - bạn lớn của Tôn, sau khi nói những lời trên với nhiều người khác, có nói rằng lanh tú có ý muốn ly dị vợ để cưới cô thư ký; Chang tìm tới Tôn để mong thuyết phục Tôn không nên

hành động như vậy. Bạn bè của Tôn từng hiểu con người ông rất cục lực chống đối chế độ hẫu thiếp và, bằng cách nào đó, ông tự rút ra khỏi vợ của ông, người mẹ của những đứa con ông, người đàn bà đã trung thành với chồng, và từng nhân nhục vì từng thiêu kéo dài qua những năm tháng hoạt động cách mạng của chồng, sự ly dị kia rõ ràng đi ngược với đạo lý Trung Hoa. Kết quả, người bạn của Tôn quyết định đến thăm ông để khuyên can, nhưng khi họ cùng đến nơi, thì Chang mất cá từ chủ và hoàn toàn lặng tiếng. Khi bác sĩ Tôn hỏi Chang tại sao lại buồn rầu, ông tìm cách nói thắc là trong mình khó ở và rời khỏi, theo ý diễn tả của ông, như có một viên sỏi chặn ở cổ họng.

Như một vần kiện cho biết, người vợ của Tôn đến Nhật Bản theo lời mời yêu cầu của chồng và, ở đó, hai vợ chồng đã thỏa thuận xa nhau. Người ta không rõ lắm việc gì đã xảy ra, cho đến lúc đọc được công bố ly hôn của người vợ. Nhiều người Trung Hoa bảo rằng họ không hiểu nổi tại sao hai vợ chồng lại có thể hành động như thế được. Thế rồi người ta xác nhận tin bác sĩ Tôn cưới cô Tống Khanh Linh\* tại Nhật Bản, ngày 25 tháng 10 năm 1915.

\* Ở đây, tên cô được viết theo sự đánh vần của bác sĩ Tôn. Ở những chỗ khác, thấy viết tên họ gia đình là : Soong (H.B.R)

Lễ cưới bị bạn hữu và đồng chí của Tôn ở Trung Hoa và Hawaii bàn cãi sôi nổi, tựu trung họ rất lấy làm tiếc cho cử chỉ vô ngần của Tôn. Khi bác sĩ Tôn đến Bắc Kinh với vợ ông - vì từ nay ông thường thích xưng như thế - những phụ nữ người nước ngoài tiếp đãi có khá lịch sự, nhưng khi các bà này lấy lại tu thể xã hội các mệnh phụ phu nhân của họ, họ lại bỏ rơi cô, coi như không thừa nhận cô là vợ của bác sĩ Tôn, người lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng Trung Hoa. Không thể có một ý kiến nào để tha thứ phẩm hạnh của Tôn, nếu người ta cho rằng đó là trường hợp chung của số đông người phương Tây đánh giá một cách thường tình hành động của Tôn. Người ta phải hiểu rằng, trong cái nhìn đầy chất người tự nhiên, làm sao Tôn không dễ đem lòng yêu thương người phụ nữ có học thức, phong nhã và khôn khéo mà ông rất hiểu - chính ông cũng như những ước mơ của ông - thế nhưng theo phong hóa và đạo lý Trung Hoa, cử chỉ của Tôn rõ thát đáng trách. Với đức tin tôn giáo Tôn từng xiễn dương, tưởng ông cần phải được kính trọng trong ý thức hồn nhân Cơ Đốc giáo.

Thế nhưng những sự kiện, có thể là không chắc chắn lắm, của hành động vô ngần kia lại thấy thường

xảy ra cho ngàn vạn dân ông và dân bà tại các nước theo đạo Cơ Đốc.

Người vợ thứ hai của Tôn, sau cái chết của chồng, trong một thời gian đứng đầu hàng cố vấn của phe quốc dân. Bà tuyên bố quyết ý deo đuổi công cuộc mà Tôn đã công hiến bằng tất cả tinh thần và sức lực của mình. Để chung tay, bà đã tự tách khỏi những người đang nắm quyền lực, tuyên bố rằng các người này không chấp hành đúng những nguyên lý mà Tôn đã đề xướng.

## CHƯƠNG XV

### LẠI TRỞ VỀ QUẢNG CHÂU

Xung đột hai miền Bắc-Nam. Những quan hệ  
của Tôn với Nhật Bản và nước Nga Xô-viết,  
và những khó khăn đối với các cường quốc.

Khi những tỉnh miền Nam nổi dậy năm 1916, yêu  
cầu trả lại thi hành bản hiến ước tạm thời, Tôn Đật  
Tiên liền quay về Quảng Châu và nắm quyền điều  
kiển Hội đồng quản hạt. Trong trách nhiệm này, ông  
cố gắng hết sức mình để lo tổ chức tốt một guồng máy  
cai trị, duy trì trật tự, loại trừ nạn hối lộ, mang lại  
nhiều cải thiện trong tinh thành.

Năm 1917, Tham nghị viện của Bắc Kinh bị giải  
tán. Tôn khuyên một số đại biểu của miền Nam nên tổ  
chức tại Quảng Châu một chính quyền đối kháng.  
Ông khẳng định với họ rằng miền Bắc đã di ngược lại  
những nguyên lý dân chủ và miền Nam cần giữ đúng,  
hoặc giả sự nghiệp cách mạng sẽ phải triệt tiêu. Thế là  
chính quyền miền Nam được thiết lập và Tôn, đứng

dầu, nhận cái danh hiệu tông tư lệnh. Từ lâu, những cơ hội đòi hỏi một quyền lực đủ mạnh và Tôn, trong một thời gian, từng chứng tỏ là nhà độc tài ngầm ngầm. Nhiều người nuôi tiếc sự dẽ dại của những ngày xưa cũ. Họ mong muốn một chế độ Cộng Hoà, nhưng không nghĩ rằng điều đó có nghĩa là phải thay đổi tận gốc rễ cá. Sự xung đột giữa hai lớp người cũ và mới phát sinh và lan dần ở Quảng Châu.

Tôn trở về và hiểu đơn giản rằng, như ông chưa hề bắt tay vào việc, sự kích thích nhiệt tình cách mạng quả có dẽ hơn chỉ đạo những người cầm đầu, cũng như sự thay đổi cả một hệ thống ý thức quản lý chính quyền, cái di sản hàng thế kỷ với hàng loạt lùu tê kết dính nhau, trong đó những người Trung Hoa già cỗi lạc hậu bám chặt rẽ vào. Một mặt khác, những người trẻ hơn, học hành từ nước ngoài về, muốn tiến nhanh về phía trước. Như Tôn thường nói, họ không hiểu gì rão về con người và đất nước của họ. Với bọn tú chiến, người ta không thể hành điện về loại người này, nhưng những người trẻ thì họ gác qua một bên tính cách xã hội ấy, chỉ xét theo chủ quan của họ là miễn sao những con người tú chiến ấy phục vụ đặc lực những lợi ích vị kỷ của họ, do đó họ chẳng ngần ngại

liên minh với những nhóm têu la hào hór hoặc dùng bọn lính đánh thuê để đạt tới mục đích của mình.

Những kẻ kề tục Viên Thế Khải không đủ mạnh nên không thể tiến xuống bình định miền Nam, và trong khi ấy, nơi nơi hâu như náo nhiệt và bất hòa, dân chúng cứ theo đuổi công việc của họ, nền thương mại của người nước ngoài cứ nhân lên, sở Thuế muối và sở Biểu chính cứ tiếp tục như thường lệ. Không nghi ngờ gì nữa, vì rằng đã có những người ngoại quốc nắm trên chót bu của những cơ quan này...

Đầu năm 1917, vẫn để đặt ra là liệu Trung Hoa sẽ tham dự vào chiến tranh thế giới ? Phùng Quốc Chương (Fung Kuo Chang) trở thành tổng thống vào tháng 7 và, trong nhiều tháng trời, sức ép chĩa mũi dùi vào ông ta, buộc chính quyền Bắc Kinh phải tuyên bố chiến tranh với nước Đức. Tôn cực lực chống đối dự án này. Bên cạnh ông còn có những lãnh tụ khác, như Khang Hữu Vi, tác giả của những cái cách từ năm 1898, cũng từng bảo vệ cách nhìn tương tự từ 20 năm trước.

Sớm ngày 7 tháng 3 năm 1917, Tôn viết một lá thư ngỏ gửi Lloyd George, sau đây là một trích đoạn :

Tôi được nhiều người Anh có tiếng thăm dò ý kiến về vấn đề liên kết Trung Hoa với các nước Đồng Minh. Sau một

cuộc khảo sát chăm chú, tôi đã đến kết luận rằng : sẽ tai hại cho hai nước và Trung Hoa cần duy trì thể trung lập của nó. Bởi vì Trung Hoa chỉ là một nước Cộng Hòa còn non nớt và với tư cách là một quốc gia, nó có thể giống như một con bệnh chỉ còn cách đưa vào nhà thương lập hiền. Bất lực tự cứu chữa cho mình, nó cần sự giúp đỡ và cấp cứu đặc biệt. Trung Hoa không thể nhìn như một nước được tổ chức hàn hít. Nó tri thức cái truyền thống, và tình tự của một dân tộc yêu chuộng hòa bình\*. Nhưng nếu sự bất hòa lớn mạnh, nó sẽ rơi vào một tình trạng hỗn loạn. Nếu Trung Hoa tham dự vào chiến tranh, đối sống quốc gia sẽ trở nên nguy hiểm, và làm xấu cho uy danh của nước Anh ở cõi Viễn Đông. Mong ước tầm thường của Trung Hoa là liên kết với Đồng Minh, trong trí óc người Trung Hoa, niềm mong mỏi đó sẽ là lời tự thú báu lực về phía Đồng Minh, trong đó có nước Đức. Hầu hết các chính khách của nước chúng tôi đã đưa vấn đề ra bàn cãi rất là chua chát. Mỗi bất hòa có thể dẫn tới sự vô chính phủ mà hai thế lực mạnh nhất sẽ mọc lên làm nguy hiểm cho Trung Hoa : những kẻ bài ngoại cuồng tín và những người theo đạo Hồi. (Số tín đồ Hồi giáo này có nhiều triều người trên phía tây-bắc Trung Hoa).

Năm 1915, Nhật Bản có đưa 21 điều khoản yêu cầu biến Trung Hoa thành chủ hâu phong kiêm của bá quyền các nước trên đảo. Đại biện Hiệp Chúng Quốc tại Trung Hoa, Paul S. Reinsch, cực lực chống đối hành

\* Chỗ này cần xem xét lại (adc)

dòng của người Nhật. Nhà cầm quyền ở Bắc Kinh nói với Reinsch rằng những cơ hội buộc họ dân tôi tình thân thiện đối với người Nhật, họ đòi cần có chứng cứ theo đó Tôn Dật Tiên, ở miền Nam, bảo đảm cho xứ này những quyền hạn về quân sự và hành chánh rộng rãi hơn miền Bắc\*. Không một dòng chí nào của Tôn tin những lời cáo buộc này. Tôn yêu nước, rất thông tuệ và lọc lừa để dấy đất nước gần với Nhật Bản, rất có thể chắc rằng Tôn chọn sự giúp đỡ của người Nhật để canh tân và thống nhất xứ sở bị nhiều dân xâm lược.

Tôn Dật Tiên trực nhận rằng nội tình thực tế của nước Trung Hoa phải được thế giới biết đến. Thất vọng trước tình cảnh rối ren của đất nước, ông viết cho Reinsch :

Chinh từ nỗi ngài mà tổng thống và dân chúng Hiệp  
Chủng Quốc thông hiểu chính xác thực trạng của nỗi tình  
Trung Hoa. To tát thay trách nhiệm của ngài ! Một nền dân  
chủ hoặc một chế độ quân phiệt chiến thắng ở Trung Hoa,  
điều đó tùy thuộc vào sự giúp đỡ của ngài cho dân tộc chúng  
tôi di lên trong giai đoạn này.

Đầu năm 1918, Tôn hiểu rằng sẽ là hoang tưởng

---

\* Paul S. Reinsch, Un diplomate américain en Chine.

dể tiếp tục đòi hỏi phải có một chính phủ tại Quảng Châu, trong khi ông chưa có một chút lãnh thổ nào để, trên đó, được hưởng quyền tài phán. Ông nôn nóng rời khỏi Quảng Châu để trở lại Thượng Hải. Lần nữa, ông lại gởi một thông tri cho các môn đệ : "Hay thắp sáng đèn công lý của Thánh kinh đã dạy và dân dã dân tộc đèn sự công minh chính đại". Các bạn ông ở Honolulu khi nhận được thông tri này, họ nhớ lại câu châm ngôn viết trên tường tại nơi luyện tập quân sự ở Hawaï : "Sự sống của một xíu sáu phải được tạo dựng trên lòng quang minh chính đại !" Tôn rất tâm đắc ý tưởng này, không còn nghĩ ngợi gì nữa.

Ở Thượng Hải, Tôn không dễ nhẫn nại, và với bất cứ ai đến phỏng vấn, ông đều than phiền rằng miền Nam không được các cường quốc lưu ý đến nhiều. Ông rất bận rộn thảo luận một chương trình mà ông gọi là "Sự phát triển của Trung Hoa trên trường quốc tế". Chương trình này Tôn gởi đến đại diện các cường quốc có tòa lãnh sự ở Trung Hoa, vào tháng 3 năm 1919, đồng thời chuyến đi các nước khác trên thế giới. Đó là sự biến chép kỳ lạ những nhu cầu cấp thiết cho đất nước Trung Hoa, theo dòng suy tưởng của ông mà xuất hiện : công trình đường sắt, kênh đào, bến cảng

và các loại công nghiệp, tất cả - theo ông mong muốn - được quốc tế thỏa thuận tài trợ. Nhưng tư duy của ông, khi chúng được công bố tại Mỹ quốc hai năm sau, chiếm đầy một quyển sách dày 265 trang. Trước hết, ông muốn các cường quốc chịu nghề ông ngồi lại với nhau lập thành một tổ chức quốc tế, vạch ra những chương trình và đưa những người là tác giả của những sáng kiến chiến tranh vào trong tổ chức quốc tế đó và yêu cầu họ thực hiện. Thứ hai, các tay trùm chiến tranh này phải hiệp lực với người Trung Hoa và, nhiệt thành giúp đỡ họ. Thứ ba, các cường quốc phải cam kết với chính phủ Trung Hoa bằng văn bản. Sau khi đưa ra những chi tiết về bản dự thảo la liệt kia, Tôn nói: "Cứu cánh của tiền bối vật chất không phải là lợi nhuận riêng tư, mà là lợi ích của cộng đồng". Thắng lợi của bản thảo án phúc tạp sẽ, theo lời ông, trước hết, tạo ra những nguồn lợi, nó sẽ nâng lương bông cao hơn và, thứ tư là cái thiện tăng gia sản xuất.

Cũng như, cả thế giới sẽ nhận đó là những thành quả của một nền văn minh tân tiến. Tóm lại, ý tôi muốn nói rằng làm thế nào từ chủ nghĩa tư bản phát sinh ra chủ nghĩa xã hội ở Trung Hoa, dưới một dạng định chế nào đó mà hai thế lực kinh tế của cuộc cách mạng nhân bản sẽ sát cánh bên nhau phục vụ cho nền văn minh tương lai.

Nhiều người nhận được bản dự thảo chương trình do Tôn chuyền đến nhưng họ đã không trả lời, riêng Reinsch, đại biện của Hiệp Chúng Quốc, đang khi chuẩn bị rời khỏi nhiệm sở Trung Hoa viết cho Tôn một phúc thư trùm mền; Reinsch có cảm tình với Tôn và đối đãi khá lịch sự, lễ độ. Ông viết :

Tôi tin rằng chúng tôi sẽ phải luôn luôn giữ gìn trong trí nhớ cái công việc mà chúng tôi không có công tác tại một xứ sở mới mẻ, nhưng chắc chắn, tại một đất nước trong đó những sáp xếp xã hội rất là xáo trộn cung như, trong đó, một hệ phuong thức thể nghiệm lâu dài về tổ chức nông nghiệp và công nghiệp phải được duy trì thực hiện... Theo tôi, nó rất quan trọng trong việc áp dụng những phương pháp mới mẻ, vừa không gây đổi biến, vừa chuyển hóa dần dần những giá trị cổ truyền\*.

Tôn không bao giờ dung nạp những nguyên tắc do Reinsch trình bày; ông dường như luôn luôn tin rằng ông có thể gạt qua một bên truyền thống của những thời kỳ bằng một công thức đơn giản trên giấy tờ.

Trong số những người hồi âm Tôn, có William C. Redfield, thám sứ của phòng thương mại tại Hoa Thanh Đồn, Redfield viết :

---

\* Paul S. Reinsch, Un diplomate américain en Chine, page 380.

Những chương trình ông đề nghị rất phác tạp và quá rộng lớn, phải mất nhiều năm để áp dụng vào chi tiết. Dĩ nhiên ông không ngờ rằng, muốn theo đuổi công cuộc, phải tốn kém hàng nghìn triệu đô la để thi hành mới chỉ một bộ phận, dù rất bé nhỏ, của toàn bộ sự nghiệp ông đề nghị và phần lớn còn lại sẽ không thể thực hiện được. Trong nhiều năm phải trả những gánh nặng lợi thu và chi tiêu. Nguồn thu nhập của Cộng Hòa Trung Hoa đã thành một gánh quá nặng, làm vỡ nợ qua những chuyên vay của chính phủ với các nhà nước khác, những chuyên vay chưa trả còn nguyên dày, thật khó mà bao chứng cho những vụ vay mới khác. Hình như cần phải bắt chước kế hoạch của những kẻ giàn như đã dùng sự báo thù để đào ra những nguồn tư bản từ tư nhân\*.

Nhiều thư khác thi ngắn gọn, tóm tắt và ám chỉ là rất khó đem thi hành. Tất cả thư tín trả lời đều ghi địa chỉ Tôn, số 29 đường Moliere, trong tú giới Pháp ở Thương Hải. Ngôi nhà số 29 này do vài người trong số những nhà yêu nước Trung Hoa sống ở hải ngoại tàng và, đã hơn một lần, nó bị cấm có thể chấp vì người ta cần tiền để hoạt động.

Những người Trung Hoa có nhiều phương tiện từ bên kia đại dương, hiểu rằng những chương trình do

\* Tôn Đại Tiên, Sứ phát triển uy tín Trung Hoa trên trường quốc tế  
Phu lục III

bác sĩ Tôn đề nghị làm cho Trung Hoa lớn mạnh, sẽ ту nguyễn hiến dâng tài sản để thực hiện những tháo an của Tôn, nên ông cụ thể hóa được một cơ may hợp lý của sự thành công. Năm 1920, Tôn di Nhật Bản để nghiên cứu học hỏi về kiến trúc cơ cấu hàng hải và những công trường quốc gia. Nhiều bằng hữu tìm gặp ông ở Nagasaki, trong số có bạn đồng môn cô tri C.K.Ai đã tỏ ra tinh đặc với kế hoạch tận dụng đất đai trong thung lũng dọc sông Dương Tử (Yang tsé). Về phần Tôn và các đồng chí thì lại hiểu rằng chừng nào chưa có được một chính phủ ổn định đâu vào đây, chừng ấy công trình khó mà thực hiện được.

Tại Thượng Hải, bạn rộn nhọc tâm khởi thảo những dự án phát triển cho Trung Hoa, Tôn ngầm mưu tính trả lại nắm quyền ở Quảng Châu. Dưới sự che chở của tướng Chen, ông vừa tổ chức một lực lượng quân sự trong tỉnh Phúc Kiến, mục đích lèo lái tinh này kết liên với những lực lượng của ông trong tỉnh Quảng Đông, vừa loại trừ khôi chủ phủ Quảng Châu phe cánh của tỉnh Quảng Tây tung chống lại ông. Ông tin rằng, nếu ông trả lại nắm quyền lãnh đạo, một cuộc chinh phạt bằng quân sự có thể tiến hành lên phía Bắc, và với thành công hy vọng đạt tới, ông sẽ

chinh phục được sự kính trọng của cả nước cũng như sự thừa nhận của các nước khác. Sau những ngầm ngầm mưu tính thương lệ, các đồng chí của Tôn lại trở lại nắm quyền lãnh đạo Quảng Châu và rồi người ta gọi cái tổ chức đó là Tham nghị viện miền Nam thống nhất, và đã bầu Tôn làm tổng thống nước Cộng Hòa. Tôn tựu chức ngày 5 tháng 5 năm 1921. Nhưng tướng Chen và nhiều người Quảng Châu có uy tín không mấy bằng lòng sự lựa chọn Tôn và, thật sự, cũng không thuận tháo cho thế vị của ông, đến nỗi bao nhiêu khó khăn lại nhanh chóng bày ra trước vị tổng thống mới nhiệm chức.

Khi Tôn nhận trách nhiệm, lập tức ông điều động ngay một cuộc chinh phạt quân sự lên miền Bắc, và ông tin rằng không thể nào hoàn thành công cuộc thống nhất Trung Hoa bằng con đường hội thảo thương nghị. Nhiều hoạt động chống đối ở địa phương lại nỗi lên ngăn trở ý định của Tôn; thủ phủ Quảng Châu và các vùng quê ngoại vi rơi vào một tình thế rất rối ren, làm cho quyền hành của Tôn bị giới hạn từ tất cả các phía. Ông có những kẻ thù tại miền Nam và nhiều địch thủ ở miền Bắc. Lòng ghen ti, sự ngờ vực và mưu kế nguy hiểm cùng khắp.

... Người ngoại quốc khuyên cáo ông rằng cách dàn xếp tốt nhất là có thể chia Trung Hoa ra thành một Liên minh của miền Bắc và một Liên minh của miền Nam. Họ mô tả rằng đất nước phải chia ra cách ấy theo sự đồng tình của hai miền Nam-Bắc và, như thế, cả hai miền các cường quốc đều sẽ thừa nhận. Tôn không chấp nhận giải pháp ấy, dù chỉ trong một phút giây : ông quá quyết rằng toàn dân sẽ phản đối sự chia cắt như thế. Ông viễn dẫn tính thông nhất chung tộc của người Hán, chiều dài lịch sử Trung Hoa, với một nền văn hóa có cội nguồn, một hệ thống Đạo học đồng nhất, cùng chung những phong tục và truyền thống. Quá thật người dân có nói nhiều thứ ngữ, phương ngữ khác nhau, nhưng tất cả đều nói chung một tiếng quan thoại và những người có học thức đều có thể trao đổi với nhau bằng hệ thống bách thoại để san bằng sự khác biệt của những thứ ngữ. Tôn hoàn toàn đồng ý với những ai chủ trương cần phải giảng dạy tiếng quan thoại trong tất cả những trường lớn của đất nước, với hy vọng rằng nhiều thứ ngữ rời ra sẽ biến tiêu dần dần. Trước khi chết, ông chủ tâm vào công trình của nhóm cấp tiến đã khởi sự thi hành, cái người ta gọi là nền giáo dục cộng đồng, mục đích chiến thắng giặc đốt đồng thời kích thích một tinh thần quốc gia.

Trong năm 1921, Ngô Bội Phu (Wa Pei Fu), một tướng lãnh miền Bắc, bày tỏ lòng mong muốn thống nhất xứ sở dưới một chính phủ lập hiến, Ngô đặt quan hệ thân thiện với Tôn và người ta trù tính tổ chức một đại hội. Qua vài lần trao đổi thư tín, dự án di tản dở vỡ, và Tôn đã tung một tuyên ngôn chống lại tổng thống và chính quyền ở Bắc Kinh.

Mùa hè năm 1921, nhiều rắc rối đã phát sinh tại Quảng Châu, trong đó có sự bất đồng chính kiến giữa tổng thống Tôn và tướng Trần Quỳnh Minh (Chen Chiung Ming). Tướng Trần là người chỉ huy quân sự tỉnh Phúc Kiến đã được Tôn đề nghị sáp nhập vào lực lượng toàn miền Nam. Khi Tôn ra lệnh mở một cuộc chính phạt lên miền Bắc, Trần đã thoái thác rằng quân lực chưa chuẩn bị sẵn sàng. Tôn một mực đòi tiến quân, nhưng, sau một vài thành công bé nhỏ, tắt cá nỏ lực quân sự thất bại nặng nề. Trần yêu cầu Tôn không nên theo đuổi ý định Bắc tiến nữa, như Tôn đã từng làm, một trận cãi vã đã nổ tiệp sau đó và Trần đã dẫn đoàn quân của ông đến Quảng Châu, bỏ mặc vị tổng thống một mình ngoài ngoại ô thủ phủ. Tôn tìm đến tị nạn dưới một chiếc pháo hầm của Anh đang trên đường đi Hồng Kông, mảnh đất nhoong địa

Tôn đã nhìn băng thái độ cứu thị. Vợ Tôn cũng thoát đi liền sau đó. Ngày 6 tháng 6, lúc 2 giờ sáng, Tôn bước vào phòng vợ bảo bà thức dậy và rời khỏi ngôi biệt thự, vì các binh đội dưới quyền chỉ huy của Trần, đang đốt phá thành phố. Bà vợ nắn nิ đòi ở lại, nghĩ rằng sẽ rất an toàn trong tòa nhà của tổng thống. Tôn để lại một phần đội cảnh vệ gồm 50 người trong sân phủ tổng thống và đi nhanh ra sông. Sau đó không bao lâu, binh lính của Trần kéo đến và dùng súng máy, từ trên mái của một ngôi nhà lân cận, bắn vào toán cảnh vệ. Thấy nguy hiểm cho tư thế của mình, vợ Tôn cùng hai người cảnh vệ tự cứu bằng cách bò trên một chiếc cầu phao và đèn được hàng cây xanh ngoài ven thành, ở đó vợ Tôn đã trú ẩn trong một trang trại. Cũng tại đây, bà đã cải trang thành người dân bà nông dân để đến ngôi trường Đồng ở Quảng Châu. Không còn một khò khăn nào nữa, bà đã gặp Tôn dưới chiếc pháo hạm Anh và cùng chồng đi Thượng Hải.

Thế rồi Tôn ở Thượng Hải lần ấy, chính phủ Bắc Kinh một lần nữa lại cảm nhận sự liên kết của ông, dưới một dạng thỏa hiệp và hòa bình. Nhưng cuộc thương nghị này kéo dài từ cuối năm 1922 cho đến những tháng đầu năm 1923. Hình như Tôn đã the

hiện những gì tốt đẹp nhất để kết thúc một cuộc dàn xếp hữu ái. Do sự khẩn khoản áp lực của ông, các thành viên của Tham nghị viện đã rời Bắc Kinh trước đó sáu tháng, đều tim đến với Tôn để xem có thể làm được gì. Khi gặp nhau, họ nhận ra rằng các thành viên của Nghị viện miền Bắc không hề thay đổi ý kiến, thê là ai lại trở về nhà này.

Trong thời gian những cuộc hội nghị này, một sự việc tối quan trọng đã phát sinh và có những hậu quả tầm cỡ lâu dài. Sau chiến tranh thế giới, khá nhiều người Nga đến Thương Hải và Tôn có đặt quan hệ với những người này. Tháng giêng năm 1923, ông gặp đại diện của các nước Xô-viết, Adolff Ioffe và, cùng với ông này, Tôn đã có nhiều cuộc nói chuyện. Người ta đồn rằng Tôn đang tìm hiểu để xác tín chủ nghĩa Xô-viết: sự thật ông đang xay xở tìm sự giúp đỡ nơi những người Xô-viết này. Ông hiểu rằng xã hội Trung Hoa không hề là mảnh đất tốt, thuận lợi cho những tư tưởng Xô-viết bén rễ và, trong nội dung gấp gáp, rất có thể ông đã quyết định chấp nhận những lời khuyên và lóng nghe những lời hứa giúp đỡ về tài chính.

Trong mục đích làm dịu những mâu ngòi vực của người nước ngoài, Tôn và Ioffe đã trao cho báo chí một thông cáo chung.

Bác sĩ Tôn nghĩ rằng tổ chức cộng sản hoàe ngay cả hệ tư tưởng xô-viết, thực tế không thể nào du nhập vào Trung Hoa cũng như sự gieo rác của người Nga không thể có một thành tựu may mắn nào ở đây. Ông Ioffe hoàn toàn chia sẻ cái nhìn ấy và sớm thông báo rằng vấn đề Trung Hoa cấp thiết nhất, ưu tiên nhất là thực hiện thống nhất quốc gia và tranh thủ nền độc lập trọn vẹn. Và, để hoàn thành trọng trách lớn lao ấy, ông Ioffe doan chắc với bác sĩ Tôn rằng dân tộc Nga có mối cảm tình nồng nhiệt đối với nước Trung Hoa, và nước Nga sẵn lòng giúp đỡ ổn định xã hội sau cách mạng của Trung Hoa.

Đó là sự khởi đầu của nguồn ánh hường lớn do việc người Nga xâm nhập vào guồng máy ở Quảng Châu và miền Nam Trung Hoa.

Sau khi trở lại nắm quyền ở Quảng Châu, Tôn và phe nhóm của ông thâm nhập vào hàng ngũ của những kẻ đánh thuê của hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây và, bằng sự giúp sức của thế lực hai tỉnh này tháng 2 năm 1923, con đường dài lại mở ra để đón Tôn trở về thủ phủ Quảng Châu. Trên đường dừng chân tại Hồng Kông, ông trực nhận rằng thái độ cướp

người, nhất là báo chí, đã thay đổi; ông được tiếp đón khá thân tình và lời bình luận thì cũng không kém sút. Người ta cho rằng, bây giờ, Tôn là người có thể mạnh nhất ở miền Nam và phi Tôn, không ai có thể giải quyết tình trạng hỗn loạn của công việc ở đây. Còn một lẽ khác nữa : Tôn từng thăm dò nhà chức trách Anh trong những cuộc đàm xếp thân hữu và cả hai bên đều biểu đồng tình và có sách lược tốt. Quyền lợi của nước Anh tại Trung Hoa thật bao la, hơn hẳn quyền lợi của bất cứ một quốc gia nào. Tại Bắc Kinh, chỉ có một chính quyền khá đã được thừa nhận, trong khi các nhà đương cuộc Anh tại Hồng Kông, tung cỏ những mối quan hệ công vụ với Quảng Châu, buộc lòng phải có những liên lạc bán chính thức với Tôn và chính phủ của ông, ngay cả khi ông đang còn là một kẻ phiến loạn.

Tại Quảng Châu, một lần nữa, với danh nghĩa tổng thống của miền Nam, Tôn rất nhọc nhằn khó khăn để liệu lý công vụ. Những người Vân Nam đánh thuê, với sự giúp đỡ của họ, tướng Trần (Chen) đã bị đuổi khéo, để họ lập thành một nhóm biến loạn, không tuân hành mệnh lệnh của cấp trên. Khi Tôn nắm quyền hành vào năm 1921-1922, ông có đóng cứu các

*nha du hí (maison de jeu) ở Quảng Châu, nhưng khi binh đội của Trần vào thành phố, người ta lại mở cửa các nha du hí ấy trở lại. Tuyệt vọng vì không có tiền trả cho binh lính, Tôn buộc lòng phải cho phép các nha trù hành nghề trở lại, nhưng phải đóng thuế nặng nề. Ông hiểu rằng sẽ có một cuộc nổi loạn, nếu các cơ ngơi không được trả lương và đó là trường hợp cuối cùng xảy ra không bao lâu nữa.*

*Giữa tình hình rối ren này, tháng 8 năm 1923, Michel Borodine từ Moscou đã đến Quảng Châu. Theo lời mời của Tôn, Borodine đã được chính quyền xô-viết chỉ định đến để hoạt động với danh nghĩa cố vấn chính phủ miền Nam. Trước khi trở về Trung Hoa năm 1911, Tôn có gặp Tchitcherine, nhà cách mạng Nga. Lúc đó, cả hai người đều đang là những kẻ lưu đày và, lẽ tự nhiên, họ đều thay đổi tầm nhìn của họ. Họ duy trì liên lạc tin tức với nhau và, năm 1920, cả hai đều được chứng kiến vua của nước họ thoái vị. Tchitcherine từ Nga viết thư cho Tôn, bày tỏ mối hy vọng truyền bá chủ nghĩa xô-viết khắp các quốc gia khác trên thế giới. Trong lá thư ấy, viết bằng tiếng Anh, người Nga nói: "Đất nước anh bây giờ nhất định tiến tới, dân tộc anh quả đã dần thận vào con đường*

chóng lại ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc". Thư kết luận rằng : "Những quan hệ thương mại cần phải đặt ngay với nước chúng tôi. Đừng để mất một cơ hội. Nhất định, phải để cho Trung Hoa bước đi trên con đường hữu nghị với chúng tôi".

Hai năm sau ngày nhận cảnh thư kia, Tôn gặp Ioffe tại Thương Hải và, như người ta đã giải thích, ông nhận nỗi Ioffe những lời hứa hẹn giúp đỡ. Phải mất tới sáu tháng sau, Borodine mới tới Quảng Châu. Thoát dấu, Moscou trả lương cho Borodine, nhưng về sau chính quyền Trung Hoa đã nhận cấp b้อง cho ông.

Người thư ký riêng của Tôn vào thời đó là Eugène Chen, về sau trở thành người rất có ảnh hưởng trong chính phủ quốc dân. Eugène sinh ở đảo Antilles và không mang dòng máu thuần túy Trung Hoa. Ông được dạy dỗ tại Anh quốc, nhưng là một người bài ngoại tận cẩn, lại tâm đặc với những giáo điều của người Nga. Eugène hiện diện ngay trong cuộc tiếp tân của Tôn với Borodine, lúc ấy, mang danh nghĩa cố vấn cao cấp của tổng thống. Eugène chủ trương Tôn cần thảm nhập vào chủ thuyết xã-viết và nói thêm rằng việc phong tang chức vụ cho Borodine đã được tổng thống cân nhắc suy nghĩ chín chắn. Thế rồi, Borodine

tiệm tiến trở thành chân bộ trưởng đầu tiên của nền Cộng Hòa miền Nam; cho đến lúc chết, Tôn còn ngầm tin tưởng vào khả năng và lòng trung thực của Borodine cũng như của những người Nga khác từng đến làm việc dưới quyền điều khiển của tổng thống.

Tôn nhận thấy rằng, không có sự giúp đỡ, ông không bao giờ có thể kết thúc hoặc rút ra hệ luận từ những tư duy miên man của mình. Ông còn tin tưởng vào chương trình trình bày trong cuốn sách của ông: Sự phát triển uy tín của Trung Hoa trên trường Quốc tế, và ông hiểu rằng người ta cũng không thể làm tổn hại đến công cuộc của ông mà không phải không nhờ đến sự giúp đỡ của ngoại quốc. Hai nước Mỹ và Anh không giúp gì cả, Tôn bèn quay sang Nga là nước đã có lời hứa đầy nhiệt tình cũng như sự hợp tác về tài chính. Đó là những gì Eugène Chen đã tuyên bố công khai.

Nhiều hiện tượng nổi lên trên những bến cảng, cho thấy rằng Tôn đã ngã theo xu hướng liên kết với người Nga, người ta thảng thốt lên tiếng báo động; nhà chức trách xô-viết thông báo họ sẵn sàng hủy bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng. Borodine, không đầy một tháng sau ngày đến Quảng Châu, khuyên cáo Tôn - bằng việc quyền lợi chung của xứ sở - mà yêu cầu các bộ phận hai

quan phái sung vào nền tài chính của chính phủ miền Nam tòng số tiền lời đánh trên các thủ thuế trung thu trong tỉnh Quảng Đông. Ngành hải quan tổ chức và vận hành cho chính phủ Bắc Kinh do người ngoại quốc đảm trách, dưới quyền điều khiển của người Anh, và nguồn thu nhập đầu tiên chính là lợi tức từ những chuyên vay của nước ngoài, bảo đảm theo sự thỏa thuận của chính quyền Trung Hoa.

Không có một phúc thư nào đáp ứng lời thỉnh cầu của Tôn, trong tháng 12 lại còn viết thư đe dọa chiếm hữu các cơ sở hải quan của miền Nam. Rồi các cường quốc cũng ký kết trong hiệp ước gởi một kháng thư đồng thời phái đến Quảng Châu một hạm đội quốc tế gồm nhiều tàu chiến mang cờ của các quốc tịch Mỹ, Anh, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha và Nhật Bản. Làm theo lời yêu cầu của Tôn tức là thừa nhận chính quyền phiến loạn và, như thế, là một khiêm khuyết đối với những thỏa ước đã ký kết với Bắc Kinh. Hình như chưa bao giờ Tôn chịu khó phân tích điều ấy. Thật tàn nhẫn cho ông khi nhìn những nguồn tài chính thu được trong tỉnh Quảng Đông phải gởi lên miền Bắc để giúp dịch thủ của ông và, như lời ông tuyên bố, để chống lại những nguyên tắc Cộng Hòa.

*Hành động của các cường quốc làm dậy lên lòng ác cảm đối với sự thống trị của ngoại bang, trong đó nhấn mạnh đến ánh hào quang ban đầu của người Nga. Đó là ý kiến chung, tổng quát vào lúc ấy và về sau mà Borodine đã cố gắng làm hết sức mình để loại trừ ánh hào quang của Anh. Lúc ấy và mãi nhiều năm kế tiếp, những vụ bái công và biểu tình chính là nguyên nhân của những nguồn thất thu lớn lao của giải thương mại Trung Hoa và tầng lớp châm chí làm ăn.*

*Trong diễn văn đọc ngày 31 tháng 12 năm 1923, trước một cử tọa đông đảo tại Y.M.C.A. ở Quảng Châu, Tôn nói : "Chúng ta nhất thiết không trông cậy gì ở các nước phương Tây, Chúng ta cần ngoảnh mặt về phía nước Nga". Vào tháng sáu năm sau, có 34 nhân viên do chính quyền xô-viết phái tới để tham gia vào chính phủ Quảng Châu, trong số đó có đến 30 người là chuyên gia giảm định về quân sự, bởi vì Tôn đã trú tính một cuộc tiến quân lên phía Bắc. Năm 1924, ông sáng lập trường quân sự Hoàng Phố (Whampoa), theo lời khuyên của Borodine và các giảng viên người Nga am tường về những phương thức chiến tranh hiện đại. Thế rồi một đoàn quân em nguyện được tập hợp, từ hạt nứa này người ta phát triển thành một lực lượng chính quy.*

Miền Bắc cũng thế, có nhiều người nước ngoài tham gia trong bộ máy nhà nước, hoạt động về chính trị, tài chính và quân sự. Theo niên giám Trung Hoa, công tác chất chẽ với chính phủ Bắc Kinh, vào thời đó, có 6 cô vấn Hoa Kỳ, 4 người Nhật, 2 người Anh, 1 người Bỉ và 2 người Pháp.

Ngoài số cô vấn kể trên, còn có 121 nhân viên ngoại quốc làm việc tại ngành Bưu chính, 5 người ở sở Thuế muối và gần 100 người trong ngành Thuế quan.

Trong khi ý thức quốc gia có chiều hướng dì lên, thì một tình tự quá khích cho rằng nước Trung Hoa nhất định phải là của người Hán. Tôn phản nắn rằng các chuyên gia ngoại quốc đứng đầu các ngành trong nội các không chịu đào tạo những người Trung Hoa nhằm bổ sung vào các ngành cao cấp, mà chỉ sử dụng họ trong nhiều vai trò, chức năng thấp thỏI.

Tôn, trước khi quay về phía người Nga, đã từng thử gõ nhiều cửa, như người ta đã biết; ngay cả sau những cuộc hiệp nghị với các nước, ông tỏ ra sẵn sàng chấp nhận sự giúp đỡ của họ. Năm 1923, khi đại biện Hoa Kỳ ở Bắc Kinh, Jacob Gould Shurman, mở cuộc thăm viếng Quảng Châu, Tôn chất vấn Shurman về

thiện chí của các cường quốc; ông thảng thốt bộc trực rằng, không một nhân vật nào, không một giải pháp nào có thể vẫn hồi hòa bình cho Trung Hoa là một đất nước bị phân hóa, chia cắt trầm trọng.

*Shurman không đủ khả năng cầm kết một hành động giúp đỡ từ bên ngoài vào.*

*Người ta mong muốn, nhưng người Trung Hoa lại cho đó là không tưởng, rằng, ít lâu trước khi chết, Tôn thủ có một hành động tích cực coi như là phương thức duy nhất để đem lại hòa bình cho Trung Hoa. Ông cũng đã nghị - theo người ta nói - các cường quốc ký kết trong hiệp ước, dưới sự chỉ đạo của Hiệp Chúng Quốc hoặc Anh quốc, nên đó xô vào Trung Hoa, đặt đòn trú trong thủ phủ của các tỉnh, nắm lấy bờ máy nhà nước, gởi đến những chuyên gia giám định và những nhà hành chánh, và cai trị Trung Hoa trong vòng 4 năm, lập lại trật tự và thấy chừng nào cần rút lui để giao chính quyền lại cho các chức năng chủ quản có khả năng mà các cường quốc đã có công đào tạo. Người ta cũng nói rằng Tôn có hứa, nếu thảo án của ông được chấp nhận, ông sẽ hiến đồng khoán đất còn lại để đạt tới cựu cảnh mới thôi. Đường như Tôn rất mong muốn hòa bình, nhưng không phải thế sau*

binh trên một đất nước chia cắt. Nguồn hy vọng phục hồi xứ sở do việc lật đổ đế chế Mân Thanh đã không thực hiện được. Ông thất bại trong sứ mạng mà ông rất tâm đắc. Ông nhìn thấy những thời gian xáo trộn hiện diện trước mắt và ông đã nhuốm bệnh.

## CHƯƠNG XVI

### NHỮNG NĂM CUỐI CÙNG

Rối loạn ở miền Nam.

Cái chết và đám tang của Tôn Đật Tiên.

Di chúc và ảnh hưởng trí nhớ của ông.

Giai đoạn kết thúc công việc hành chính của chức vụ tổng thống miền Nam thật là đầy ưu tú phiền muộn cho Tôn Đật Tiên. Những người đánh thuế Văn Nam khùng bô tráng trộn dán chúng. Vì tổng thống, theo lề thường, cựt đường tài chính, mặc dù người ta đã nâng cao các sắc thuế và cho phép mở lại các nhà du hí<sup>7</sup>. Những kẻ đánh thuế, không được trả lương, bắt đầu tấn công vào các cửa hàng; rồi thi, rối loạn và đốt phá tiếp theo sau. Để tự vệ, các nhà buôn hợp thành một lực lượng bảo vệ nền thương mại. Các thành viên của lực lượng mặc đồng phục và, với số vũ khí tự xoay xở được, họ canh giữ quanh các cửa hiệu. Tổ chức không đủ người, lại thiếu quân dụng, thậm chí

<sup>7</sup> Việc này do các bạn ông đề xuất. Tôn đã từng đóng cửa một cách rẽ dang các nhà trọ ở Quảng Châu và Nam Kinh khi ông nắm quyền.

dã phải phái người đại diện đến yết kiến bác sĩ Tôn và xin giấy phép để được nhập cảnh một số lượng súng đạn cần thiết.

Một lô hàng cấp tốc đã tới nơi, trước khi giấy phép đưa ra, nhiều hơn hẳn số súng đạn đặt mua; gần như số lượng đã lên tới gấp ba lần con số cho phép. Đến nỗi tổng thống và những cố vấn của ông sinh nghi là vũ khí mới nhập này dùng để chống lại chính phủ.

Lô hàng bị giữ lại. Các nhà buôn bức tức và, để trả thù, họ ngăn cản nhiều đoàn đường dẫn vào các cửa hiệu và không chịu mở cửa hàng buôn bán. Đó là cái kiêu dịnh công theo lối Trung Hoa từ rất lâu mà tập đoàn con buôn thường áp dụng để chống lại những ai toan tấn công vào họ. Như vậy là giới buôn bán đã nằm trong tình trạng phiền loạn chống lại vị tổng thống.

Nếu người Nga Borodine, lúc ấy, là cố vấn để nhất cho bác sĩ Tôn, không bày mưu cho lực lượng cảnh sát giữ lại số khí giới kia, chắc ông phải bỏ chạy. Người ta phải nhớ lại rằng, Tân có nhiều kẻ thù bao vây, quấy rối trật tự, và, không ngờ gì nữa, ông đã than thở cái xấu cứ theo ánh ánh ông, hai năm sau.

Ông có một đội quân gồm 2000 người Quảng Châu trung thành, ông hoàn toàn đặt tin tưởng ở lực lượng này : chính những người này nhận lệnh lập lại trật tự cho tình hình. Họ khép chặt các ngả đường có rào ngăn và tiếp theo là hai bên bám nhau; rồi một trận hỏa hoạn mà Tôn là người chịu trách nhiệm, không rõ do lệnh ông đốt hay không, đã thiêu hủy một phần cái thành phố đồngduc và gây ra những thiệt hại lớn cũng như nhiều đau khổ không nhỏ cho dân chúng.

Những khó khăn với người Văn Nam vẫn tồn tại thường xuyên. Muốn trừ khử bọn họ, ông dùng chiến thuật kéo số quân trung thành theo sông Chieu giang đến đảo Hồ Nam, do hai nhánh sông hợp lại. Đảo dài khoảng 12 dặm và khá hẹp. Thêm vào đó, ông ra lệnh cho hàng ngàn ghe thuyền phải rời bờ Quảng Châu để đến gần đảo. Thế rồi cứ địa cỏ thú của những người đánh thuê Văn Nam bị trừng phạt bằng một trận mưa bom khủng khiếp. Tháy tình thế không thể giữ được và lực lượng thì tan nát, những kẻ đánh thuê phải rút về biên giới của tỉnh họ.

Những người nước ngoài ở Sa Diện và từ Hồng Kông đến, rái đau khổ vì những cuộc bão công, làm reo diền di diền lai trong một tình hình rối ren, còn dân

chúng Quảng Châu, con số hơn một triệu người, đã thừa thử thách với sự đốt phá, sự chống trả toàn diện và cuộc sống đầy hiểm nguy. Nơi nào đều than vãn Tôn.

Tình hình trong tỉnh Quảng Đông, từ khi Tôn trở về vào tháng 2 năm 1923 cho đến lúc ông ra đi vào tháng 11 năm 1924, thật đáng thương tâm. Với chức vụ tổng thống, ông đã chỉ kiểm soát phần tây-bắc của tỉnh, còn tướng Trần (Chen) thì hùng cứ phía đông-nam.

Tôn hết hy vọng tái lập trật tự và ổn định giá cả trong một xứ sở chia cắt, và không tìm được sự giúp đỡ của một cường quốc nào, ông dần dần quay về phía những người Nga. Nhưng sự thuận hảo của ông với họ không đòi hỏi ông phải tìm kiếm những phương thức nào khác có tính chất mang lại hòa bình và thống nhất cho Trung Hoa. Dần dà, ông liên lạc lại với Bắc Kinh và, năm 1924, ông dần xếp để có một cuộc hội nghị với chính phủ miền Bắc. Tháng 12 cùng năm ấy, ông đến Bắc Kinh với tư cách đại biểu của miền Nam và, ở đây, ông có thể gặp không chỉ nhà cầm quyền Trung Hoa mà cả đại diện các cường quốc.

Ít lâu trước khi rời Quảng Châu để lên phía Bắc, Tôn bị một trận đột kích làm ông mất tinh thần và

*nhiều cỗ ván của ông thì kinh hãi khôn xiết. Các thầy thuốc ở Bắc Kinh, sau đó, khám nghiệm tin rằng sự cố ấy đã kéo theo một cơn xuất huyết bên trong cơ thể.*

*Một người Trung Hoa, tốt nghiệp từ đại học Harvard, sống tại Bắc Kinh trong những năm 1924-1925, có nói với biên giả về tình hình của thủ đô vào thời ấy. Ông sinh hoạt tại một câu lạc bộ gồm toàn người Quảng Châu, và, ngay trong những cuộc họp, tên tuổi của bác sĩ Tôn cũng ít được đề cập tới. Ngoài cuộc sống, người ta lại càng không hề nhắc tới ông; trong câu chuyện, bạn làm cho người ta nghĩ ngờ là đồng chí của Tôn, át bạn có thể chuộc lấy nguy hiểm, vì khắp nơi đều có thám tử. Câu lạc bộ ngoài các thành viên, còn có nhiều người theo học ở nước ngoài về, một số là công dân Hoa Kỳ, sinh tại Hiệp Chúng Quốc. Trong khi họ chú tâm vào điều thảo luận với nhau, ý kiến cho rằng Tôn là một người thành thật và một người yêu nước gian nan, nhưng ông đã làm lẩn vì Trung Hoa chưa đến độ chín muồi cho một thế chế Cộng Hòa dân chủ.*

*Khi Tôn đến Bắc Kinh, ông tham khảo ý kiến một người thầy thuốc để đưa ông vào bệnh viện của Trường Y khoa Bắc Kinh, một đường đường do tổ chức Fondation*

Rockefeller dài tho moei khoản chì phủ. Ở đó, người ta bảo ông rằng để đạt tới một thông báo bệnh lý, cần phải khám nghiệm toàn khoa (da khoa). Ông chấp nhận. Cuộc giải phẫu khám phá một chứng ung thư đã tấn công vào gan và vài bộ phận khác, và thật vô ích hoặc không thể tiến hành phẫu thuật, sau đó vết cắt được may lại\*. Tồn nằm lưu lạc bệnh viện vài tuần lễ, nhưng cơn đau đớn dìu dần được chứng nào hay chứng áy. Ông chết êm ái vào ngày 12 tháng 3 năm 1925.

Thi hài của ông, trước tiên, được đưa vào chính điện trong Đại công viên, á đó, trong một đại sảnh, có lấp bàn thờ tưởng niệm theo nghi lễ Không giáo, và người ta đặt quan tài trước bàn thờ. Phía sau là bức chân dung của người lãnh tụ quá cố và toàn gian phòng đặt dây hồng hoa. Ngày cắt dám, 5 tháng 4, quan tài được đưa đến hội trường của Trường đại học tổng hợp Y khoa Bắc Kinh. Nơi đây, một bức màn kéo lên phía sau, trên màn treo tấm chân dung bao phủ bởi một vòng rồng hoa. Theo yêu cầu của người góa phu, một nghi thức Cơ Đốc đã được cử hành. George C.Hsu đọc một bài diêu văn; một tờ báo Trung Hoa đã

\* Thông tin này do bác sĩ M.F.Chung, hiện còn sống, cung cấp cho biên giả (H.B.R.).

dăng tái tám hình chụp quang cảnh đọc bài điêu văn, viết : "Diễn giả đã ví bác sĩ Tôn là một sứ đồ và một người bạn cách mạng của Chúa Kitô".

Về việc này, một lá thư của ngài Logan R.Roots, thuộc Tân giáo hội Hoa Kỳ tại Hán Khẩu, gởi cho biên giả, có đoạn như sau :

Bác sĩ Không (Kung)\*, một hậu duệ của Không Tú, có nói với tôi [Roots] rằng ông đã có mặt bên Tôn Đật Tiên lúc bác sĩ Tôn sắp chết. Bác sĩ Tôn chia bàn tay ra ngoài tẩm châm da, và để nguyên như thế một cách vô thức, đoạn rút tay vào. Tôn lại đưa bàn tay ra lần nữa, và làm dấu hiệu, bác sĩ Không nghiêng mình xuống bên Tôn. Bác sĩ Tôn giọng yếu ớt : "Tôi muốn người ta biết rằng tôi chết như một người Cơ Đốc".

Lời yêu cầu của bà góa phụ về một nghi lễ Cơ Đốc giáo đã được tiến hành theo ý muốn của Tôn Đật Tiên.

Những cuộc lễ châm dứt, đoàn rước tang kéo dài trên các phố, đọc di đường một đám đông không lồ đã tụ tập để làm lễ. Chân dung mang di trước xe tang, đoàn người hộ tang, xe cộ và đồng người bắt tay nối đuôi sau xe tang. Nơi yên nghỉ tạm thời của thi hài bác sĩ Tôn là tu viện Pi Yun, ở phía đông, cách kinh thành

\* Túc Không Tường Hy (Indc).

Bắc Kinh 10 dặm về hướng tây và 5 dặm cách Cung điện Mùa hè. Một lối đi lót toàn đá dẫn tới một nhà mồ. Chính giữa, người ta đặt nhiều tảng ván và, theo những sợi dây thừng lớn trong tay các lãnh tụ Quốc dân, người ta dây chiếc quan tài vào đến tận nhà mồ. Thi hài nằm ở đây và bức chân dung dựng bên trên.

Nhiều lễ truy diệu tổ chức trong khắp các thành phố thuộc Trung Hoa và tại tất cả các nơi có người Trung Hoa cư ngụ trên thế giới. Tại Honolulu, một cuộc lễ khá cảm động, một trong những nét nổi bật là sự họp mặt của nhiều gia đình gốc gác làng sinh quán (Thúy Hanh) của bác sĩ Tôn. Vào dịp kỷ niệm năm thứ nhất ngày qua đời của bác sĩ Tôn, 12 tháng 3 năm 1926, một lễ truy diệu được tổ chức tại Thái Hòa điện (Tai Ho Tien) ngôi hoàng cung xưa, có các cháu nội của bác sĩ Tôn tham dự. Một người trong đám cháu nội ngó lời cảm ơn những người có mặt và đã thúc giục chúng tiếp tục sự nghiệp của ông nội chúng.

Ngày lễ hằng năm, nghi thức này đã thành lệ, là tổ chức lễ tưởng niệm khắp nơi nào có nhiều người Trung Hoa cư ngụ.

Lúc sắp chết, Tôn Dật Tiên trỗi trán, trước nhiều nhân chứng hiện diện, những lời chỉ giáo đền dám mòn đẽ và gia đình : những điều, dai dẳng, người ta gọi

là di chúc. Phần dành cho các đồng chí của ông thường được đem đọc trong những ngày lễ tưởng niệm, và cả trong những dịp khác. In ấn bằng Trung ngữ và Anh ngữ, phần di ngôn này được truyền bá rộng rãi. Phiên dịch như sau\*.

### NHỮNG LỜI NÓI SAU CÙNG CỦA BÁC SĨ TÔN NHẤN NHƯ CÁC MÔN ĐỀ

Trong bốn mươi năm tôi làm việc không ngừng cho công cuộc cách mạng của đồng bào tôi, mục đích đem lại Tự do và Công bằng cho nước Trung Hoa. Kinh nghiệm tích lũy trong bốn mươi năm ấy giúp tôi xác tin rằng, để hoàn thành sứ mạng, điều cần thiết tuyệt đối là thức tỉnh cho kỳ được khôi đại đa số dân chúng và liên kết chúng ta với các dân tộc trên thế giới, đổi dải một cách bình đẳng để thương nghị về những nỗ lực của chúng ta.

\* *Ghi chú*: người ta chú ý trên những từ ngữ của Tôn Dật Tiên ở dòng thứ nhất của Những lời kỵ thác, trong đó nói rằng: trong 40 năm, ông đã làm việc không ngừng cho công cuộc cách mạng. Như thế có nghĩa là từ cái mốc 1915, thời khoảng 40 năm trước chúng ta lui lại 1885 là năm ông thách thức các tướng thần ở dinh lăng Thúy Hanh. Người ta bảo, như đã từng chứng minh ở chương V, rằng cuộc cách mạng khởi sự vào lúc ấy và bởi hành động ấy, Biên giới [Restorick] không được thấy Những lời kỵ thác khi viết chương sách

này, nhưng những lời của Tôi chỉ rõ rằng sự phỏng đoán thời điểm  
đang đã làm "phiền loạn" kẻ từ khoán ấy là chính xác.

Hiện tại, cuộc cách mạng là một thành quả chưa  
trọn vẹn. Tôi nghĩ rằng các bạn đồng sự cần theo những  
nguyên lý và chính sách mà tôi đã từng công bố : "Đề án  
tái thiết quốc gia" - "Nguyên tắc tổng quát về tái thiết" -  
"Những nền móng của dân chủ" và "Tuyên ngôn về bản  
Tâm ước đầu tiên của các đại biểu" bằng một nỗ lực liên  
tục, sao cho những kế hoạch có thể thực hiện được hoàn  
toàn mới thôi.

Điều người ta mới vừa phán đối, cho phép hiểu  
rằng: việc triệu tập một đại hội đại biểu nhân dân và sự  
xóa bỏ những hiệp ước bất công và tệ hại hiện có cần  
phải thực hiện nhanh chóng với điều kiện có thể có. Đó  
là lời nhắn nhủ cấp thiết nhất của tôi

11 tháng 3 năm 1925.

Ký tên : Tân Văn.

### LỜI DẶN DÒ CUỐI CÙNG CỦA BÁC SĨ TÔN ĐẬT TIỀN ĐỂ LẠI CHO GIA ĐÌNH

Vì dốc lòng phục vụ tổ quốc, tôi không có thời giờ  
để lo cho gia đình. Sách vở, quần áo, nhà cửa và những  
tài sản cá nhân khác mà tôi có được, phải dành để lại cho  
vợ tôi - Tổng Khánh Linh - coi như kỷ vật lưu niệm. Con  
trai và những con gái tôi đã khôn lớn; chúng có thể tu

xoay xó công việc. Tôi thành tâm hy vọng rằng mỗi đứa có thể tự chăm lo lấy bản thân và tiếp tục sự nghiệp mà tôi đã quyết tâm theo đuổi. Đó là những lời nhắn nhủ của tôi.

Ký tên : Tân Văn.

Những tài liệu do Uông Tinh Vệ (Wang Ching Wei) ghi chép theo lời trói trăn của Tôn Dật Tiên, có sự hiện diện của bà Tôn Dật Tiên, của Tôn Khoa\*, Chao Yuen Ching và những người khác, và do chính bác sĩ Tôn thú ký ngày 11 tháng 3 năm 1925 tại Bắc Kinh. Sau bốn mươi năm hoạt động cách mạng với nhiều cơ hội dào ra tiền, cuối cùng Tôn chết trong sự nghèo túng. Như một tác giả đã viết: "Ở Trung Hoa, điều này được xem như là thử thách tốt nhất mà người ta có thể tìm thấy sự lương thiện của Tôn".

Ở Trung Hoa, một sự ngưỡng mộ chưa từng thấy đối với Tôn Dật Tiên đó những người quốc gia tin tưởng áp dụng kiệu quả những nguyên lý của Tôn. Một sự thờ kính bao phủ quanh tên tuổi và những kỵ vật của ông. Cứ mỗi sáng ngày đầu tuần, thứ hai, học sinh đến trường, công chức đến sở, đều cúi đầu ba lần trước chân dung của Tôn, bên cạnh bức ảnh treo những lá cờ và nhiều lúc có cả một biển ngữ mang

\* Tôn Khoa, con trai của người vợ trước; nay đang giữ chức tổng lý thi phái Quảng Châu.

*hàng chủ : Người cha đẻ nền Cộng Hòa. Lòng tôn kính người dân tò mò, theo những người am hiểu phong tục Trung Hoa, có phần lớn hơn lòng kính phụng đối với tổ tiên và không thể không so sánh với sự sùng bái Khổng Tử. Trong tất cả các cuộc hội họp công cộng, cuộc lễ đều tổ chức cùng một nghi thức và di chúc được đem ra đọc.*

*Khi những người quốc gia chinh phục được Hoa trung và lấy Nam Kinh làm thủ đô, họ quyết định xây một lăng mộ lộng lẫy xem như là nơi an nghỉ đời đời của nhà cách mạng vĩ đại. Lăng mộ này nằm trên một sườn đồi ven rừng cây xanh ngoại ô thành phố, trên một khoảnh đất bao bọc đầy cây cối. Một lối đi trang nghiêm dẫn vào kiến trúc vòng quanh làm thành nhà bài vọng, nơi đây người ta thiết lập bàn thờ để hành lễ tôn giáo, theo tục lệ Trung Hoa. Kiến trúc lăng thuần túy Trung Hoa, không hề mô phỏng những kiểu thức phương tây. Vô số người viếng thăm khu lăng mộ chứ không riêng gì những người tâm đắc với những nguyên lý của Tôn và đã xem Tôn như là người Cha của nền Cộng Hòa.*

*Ít lâu trước khi Tôn Dật Tiên mệnh chung, các môn đệ thường tôn xưng ông dưới tên hiệu Trung Sơn<sup>\*</sup>.*

\* Âm Quảng Đông : Chung Son; âm quan thoại : Chung Shon.

Hai chữ này theo ngữ nghĩa : ngọn núi chính giữa. Ở Nhật Bản, Tôn luôn dùng tá danh Nakayama, cũng có cùng ý nghĩa, và người Trung Hoa dùng ý tú trong thư từ do Tôn trình bày qua những tự dạng người ta có thể phát âm gần như Trung Sơn. Một ngọn núi trong tỉnh Thiểm Tây (Shensi), từng được nhắc đến trong thư tịch cổ điển, mang tên Trung Sơn, và có thể rằng Tôn đã tự nhận danh hiệu này do sự thích nghĩa liên hệ. Điều đó có thể muốn nói rằng ngọn núi của Trung triều, như người ta gọi Trung nguyên, vì nó được giả định là trung tâm của quá đất. Đối với người trí thức Trung Hoa, cũng có thể danh hiệu hàm nghĩa quan trọng như ngọn núi của Trung triều. Có một câu chuyện truyền miệng người ta thêu dệt, nói rằng một người Trung Hoa gốc Quảng Châu tiên đoán một ngày nào đó Tôn sẽ trở thành nhân vật rất quan trọng của thế giới, và có thể do đó sự dùng danh hiệu Trung Sơn đã được nghĩ đến.

Người ta không cần phải tưởng tượng rằng, trong khi đó, cả người Trung Hoa hoặc ngay người Quảng Châu đã hiệp đồng với Tân một việc quan trọng nào đó, hoặc giả đã hoàn toàn tách thành với hoạt động cách mạng của ông. Ngay cả ở hải ngoại, dù những người bảo vệ cách nghĩ của họ, nhìn chung, họ cùn-

không thể nghĩ hay hành động gì khác. Nhiều du khách đến Trung Hoa, thăm nhiều vùng khác nhau, tố về nghi ngờ về ý niệm dân chủ trong nhiều khái niệm. Sự ăn bớt cũng như nạn hối lộ, theo họ nói, không hề giảm từ khi có cuộc thay đổi chính thể; một nền dân chủ đúng nghĩa không bao giờ dung túng những tinh thần phát sinh do các nhà quân phiệt thi hành, kể cả sự ham hố quyền lực của các nhà vô bờ này. Thế nhưng đây là những ý kiến của một số người Trung Hoa, họ không chấp nhận luận điểm trên, miễn sao nền Cộng Hòa Trung Hoa có Tôn đại biểu là được rồi. Một biểu ngữ từ bàn tay của tướng Tôn, phỏng đại mô phỏng những dòng chữ của ông, được phát di vô số một cách rộng rãi; người ta thường để biểu ngữ trên bức mờ ra, khi những người quốc dân tổ chức hội nghị, và nó được tuyên đọc cùng lúc với bản di chúc của Tôn. Nhiều người hình dung rằng, những gì viết về nền Cộng Hòa, đó đều là bó cục tư tưởng của riêng Tôn, nhưng, sự thật, đó là nội dung trích dẫn từ Khóng Tử. Những người chịu khó giữ lại cổ thư Trung Hoa, nói rằng Tôn đã phán đoán và cấu trúc chủ nghĩa theo cách hiểu của ông chứ không phải lối tư duy của một tri thức có nghiên cứu, nhưng do tư tưởng già dặn, ông thường sử dụng một cách công nhiên như các dòng

chữ trên biểu ngữ đã cho thấy. Dịch các dòng chữ ấy không phải dễ dàng, vì ý từ nluều đoạn nghịch đáo. Phân chuyên ngữ tam có như sau :

Lý lẽ nó có phép tắc của nó : thế giới là một cộng đồng các quốc gia. Những người sáng giá và có khả năng, chỉ duy họ mới được giao phó thiên chức, thành ý và hòa đồng là những điều người ta tìm kiếm cùng khắp. Ở nơi những người không chỉ riêng thương yêu cha mẹ, con cái của mình. Có những khoản bảo trợ cho người già, công ăn việc làm cho người tráng kiện, giáo dục cho phu nữ và đỡ đần những quả phu, trẻ mồ côi, già dỗng, những kẻ khốn khổ và những người bệnh tật. Tất cả những người thuộc phái mạnh đều có việc làm thích hợp, tất cả những người thuộc phái yếu đều có nơi chốn để nương tựa. Con người làm việc cật lực để khai thác sự giàu có từ trong lòng đất, nhưng không phải chỉ cần thiết cho nhu cầu cá nhân. Như thế, kết quả là sự ích kỷ, sự tính toán và độc quyền át xung đột nhau: lợi tộc, Dao tộc và sự tàn bạo, những hành động xấu xa phải được loại trừ và rời cửa nhà rộng mở, dêm cũng như ngày. Đó gọi là Đại Cộng Hòa.\*

Nhiều trí thức Trung Hoa nói rằng dùng chữ "Cộng Hòa" là một sai lầm, Không Tú có ý mô tả lý tưởng xã hội. Nhưng hiển nhiên khi dùng như trên, Tôn vinh dụng ý của ông vào một đời sống quốc gia toàn hảo.

\* Không Tú, Sách Lễ ký (Live des Rites).

Tôn Dật Tiên thức tỉnh ý thức quốc gia nơi nhiều người, nhưng ông không động não được khỏi đại quân chúng. Ông có cái nhìn Trung Hoa như là một nước hùng mạnh và không có gì cầm ông suy tưởng như vậy. Ông cố gắng kéo Trung Hoa ra khỏi cơn hôn mê hú lậu, hàn gắn cả một người nào khác; và uy tín của Tôn, so với khi còn sống, trong tim và óc của đồng bào ông lớn mạnh hơn nhiều sau cái chết của ông.

Tôn tin tưởng khả năng người Trung Hoa dù sức tự quản lý lấy chính quyền của mình và ông có lý lẽ để lay chuyển những bản chất tốt đẹp của họ, huy động nền công nghiệp cùng như tính năng động trong công việc của họ, nhưng ông đã quên những đức tính tốt cần thiết khác của họ. Ông phạm phải sai lầm, là đã xét đoán những người Trung Hoa khác theo chủ quan của ông, đánh giá họ dù trưởng thành cho ý thức một nền Cộng Hòa. Từ thuở nhỏ ông đã buộc chất với những người Trung Hoa từng có quan hệ với người phương Tây, dân ông cũng như dân bà, và ông nghĩ rằng chính những người Trung Hoa này đại diện cho khối toàn dân Trung Hoa. Tại Honolulu, Hồng Kông và trong các chuyến bốn ba khắp thế giới, bạn bè của ông là những người sống dưới các nhà nước ở hải

ngoại và được giáo dục từ bên ngoài, những người này, trong một chừng mực nào đó, đã tôn trọng những tư tưởng của ông và hiểu vài ý niệm về dân chủ. Tôn hình như tin rằng khôi quần chúng Trung Hoa đã sẵn sàng, theo sự thăm dò của ban bè thân thiết của ông, nhận hiểu và ưa thích một chính thể lập hiến.

Ngoài ra, hình như Tôn không có một ý thức chính xác về sự hối lâu thâm căn cố đe và, đầu óc thì ưa tranh biện vụn vặt, thậm chí cãi bướng của đẳng cấp án trên ngồi trước. Ông thường đối xử với những người này trung thực và lương thiện như chính bản chất con người của ông. Ông tin tưởng nơi Viên Thế Khải cũng như ở tướng Trần [Quýnh Minh] và nhiều người khác để rồi tu hành xác và làm tiêu tràm những niềm hy vọng thiêng thần. Quả thật người Trung Hoa có lương thiện, nhưng họ chỉ lương thiện trong dịch vụ khi một cuộc mua bán kết thúc, kỳ đà, hiển nhiên, họ rất hủ bại trong những công cuộc chính trị.

Henry T. Hogkin khá thông hiểu và nói rằng những gì Trung Hoa hiện cần kíp, là : 1/ một nhà nước lập hiến đủ mạnh; 2/ một mục thuốc đạo lý khá hơn nơi những người làm chính trị; 3/ một sự cải tiến về giao thông vận tải; 4/ một hệ thống giáo dục lương hảo; 5/ một sự mở mang kỹ thuật công nghiệp; 6/ tổ chức lại hệ thống tư pháp.

Tôn úng hộ tất cả những điểm nhìn trên và, khi có thể, là đem thực hiện ngay. Ông đồng ý với Hogkin, qua những dòng viết và, khi có thể, là đem thực hiện ngay. Ông đồng ý với Hogkin, qua những dòng viết thêm của ông này : "Phương Tây phải để cho Trung Hoa có thời gian làm việc vì hạnh phúc của họ, phải hiếu Trung Hoa nhiều hơn, phải đổi đổi thăng thắn với nó, phải chứng tỏ cho nó thấy được những gì là tốt đẹp của nền văn minh phương Tây".

Những gì có thể thay đổi tại Trung Hoa, đó là công trình theo đuổi của Tôn Dật Tiên. Ý thức bài ngoại và chống tôn giáo phái triệt tiêu như ở Nhật bản. Ngày đó phải đến với những tuyên cáo tối tấp, về phần người nước ngoài, nên có lòng tốt, công bằng và không nên xa rời các chính sách tiến bộ của mình. Có nhiều dấu hiệu cho thấy các cường quốc, ngày nay, muốn cản thông với Trung Hoa hơn. Họ đã chứng tỏ một sự kiên nhẫn và tự chế từ những năm qua. Trận hoà hoạn mà Tôn Dật Tiên đã châm ngòi sẽ không tắt ngùm, mà tiếp tục bùng cháy cho tới chừng nào một nước Trung Hoa mới vươn lên để chiếm lấy một địa vị bình đẳng, công chính trong đại gia đình các quốc gia trên thế giới.

---

\* Henry T.Hogkin, Trung Hoa trong công đồng quốc tế.

## CHƯƠNG XVII

### TÔN DẬT TIỀN VÀ NHỮNG NGƯỜI PHÓNG VÂN

Tôn Dật Tiên, trong những năm cuối giữ chức tổng lý tại Quảng Châu, có chấp nhận nhiều cuộc phỏng vấn do một số người yêu cầu. Trong số những người sau cùng, có thể kể George Mathew Dutcher, giáo sư sử học, từng giảng dạy trong nhiều trường đại học. Ý kiến của ông về bác sĩ Tôn khá quan trọng và đúng như rất đúng đắn. Dutcher viết: "Bác sĩ Tôn, không nghi ngờ gì nữa, là con người tuyệt đối tâm thành với chủ nghĩa Cộng hòa Dân chủ, cái nhìn của ông đối với quyền lợi quốc gia tỏ ra phỏng khoáng và thành thực. Đúng hay sai, cách hành động của ông dường như dễ gây khả nghi, đặc biệt xu hướng nương tựa vào Nhật Bản cũng như các cường quốc khác. Phản động cho ông là con người quá lý tưởng, không mấy quan tâm tới công việc quản lý hành chính hay chính trị. Có thể công bằng mà nói rằng ông hoàn toàn trung thành với những nguyên lý cơ bản, nhưng, để bảo đảm thành công, ông sẵn sàng dùng đủ loại phương tiện. Kinh nghiệm nắm chính quyền chưa đủ lịch lâm để sử dụng từ tháp nhát cho đến một sự dồn

giá dùng dẫn khả năng của mình. Những biếu có từng chung tỏ qua nhiều lần tái diễn sự vụng về của ông nhằm kiểm soát tình hình quân sự ở miền Nam và, hơn một lần thua thiệt, như lần ông bị khu trục khỏi Quảng Châu vào mùa hè 1922. Mặc cho những gì nói về Tôn, điều không thể ngờ là, hơn bất cứ ai, lòng ngưỡng mộ và niềm tin tưởng của những người Trung Hoa thông minh và đứng đầu trong khắp nước đối với Tôn đã khá rõ ràng”\*.

Năm 1924, C.C. Dixon, nhà báo, trong cuốn sách *Từ Melbour đến Moscow*, đã đưa vào sách của mình cuộc nói chuyện dài dòng về những vấn đề của Trung Hoa mà tác giả đã phỏng vấn bác sĩ Tôn. Dixon mô tả tình hình hiện hữu của Trung Hoa, nhưng, khi đọc cuốn sách này, không nên quên rằng Dixon là một người Anh và ông có thể nhìn xa một chút trong những dòng nhận xét của ông. Dixon viết: “Nền Cộng hòa đang trên đà bị cuốn trôi. Binh lính của Tôn chỉ được lãnh có nửa lương, và thành phố thì tiến nhanh đến tình trạng vô chính phủ. Hàng ngàn binh lính lang thang trên các đường phố, hiển nhiên tìm một cơ hội để nổ súng. Một số lớn nhà buôn đã rào cản gắt gao

\* George M. Dutcher: *The Political Awakening of the East*, tr. 138

cửa tiệm của họ để chống lại bọn đạo tặc và, tiếp đó là sự bất lực của Tôn trong công tác duy trì trật tự, giới buôn bán đang tổ chức một lực lượng để tự bảo vệ nền thương mại của họ.

"Nhờ ông Eugène Chen giới thiệu, sau nhiều cố gắng, tôi [Dixon] đã đạt được một cuộc phỏng vấn bác sĩ Tôn. Ông mặc một chiếc áo dài trắng quốc phục Trung Hoa mà không phục sức theo người châu Âu. Tôi trình ông mục đích cuộc viếng thăm. Ông trả lời tôi bằng tiếng Anh rất thông thạo :

Trở ngại chính cho hòa bình và thống nhất chính trị của Trung Hoa là việc các cường quốc tiếp tục thừa nhận phe phái ở Bắc Kinh. Người ngoài quốc tướng rằng cái trực chỉ đạo Bắc Kinh cần phải được chấp nhận như là chính quyền của Trung Hoa, dù Quảng Châu là một thủ phủ rất lâu đời, có lịch sử và nền thương mại khá sầm uất. Hiện tại, Bắc Kinh không đại diện cho toàn miền Bắc.

"Tôn than phiền các cường quốc tăng thuế muối và trả số tiền thặng dư cho Bắc Kinh, làm như thế tức là chi viện cho miền Bắc chống lại miền Nam.

"Tôi có nghe nói rằng Tôn ngã về phía những người Bôn-sê-vich\*, ông đã tìm đến với họ từ một thoá

\* Đảng cách mạng Nga, trước khi thành công năm 1917, chia làm 2 phái : phái đa số chủ trương công sản (bolchevique), phái thiểu số (menchevique) chỉ đòi hỏi cải lương (luldo).

hiệp với Moscou và trở thành "đó" hoàn toàn, thậm chí sửa soạn thay đổi cả máu cờ. Những lời sau đây của ông chứng tỏ rằng dư luận không phải là sai :

Các cường quốc nói họ muốn có một chính phủ rộng rãi và một nhân vật cứng rắn; trong khi đó họ luôn luôn ủng hộ người thiểu uy tín, và theo đuổi những nguyên tắc phản động. Trong lợi ích của họ cũng như của chúng tôi, các cường quốc không làm gì xấu để迫使 thay đổi chính sách của họ, vì hiện tại, nếu không ngăn ngại họ đã gây ngay chiến tranh. Nhưng vấn đề của Ba-nhê-cân<sup>\*</sup> và Thổ-nhĩ-kỳ đã được giải quyết.

Nước Nga đang hồi phục; duy chỉ Trung Hoa vẫn còn hỗn loạn. Với bao nhiêu quyền lợi giàn lì giật, và châm bao nhiêu thế lực to tát, lạ thay xứ sở này không biến thành bãi chiến trường của châu Âu.

"Tôi còn nói nhiều sự việc trong ý nghĩa tương tự. Mỗi ngày ông phải chủ tọa nhiều cuộc hội nghị. Nhiều lần tự dối lập chống lại ông và ông hiểu rằng nếu phải rơi vào tay họ, ông sẽ bị tống khứ khỏi đất nước ngay, hoặc bị giết. Nơi nơi trộm cướp và phe phái nô lén như ong.

"Àn mưu từng giai đoạn, làm cách mạng chuyên nghiệp và khuấy động theo thói quen, Tôi không bao

\* thuộc về bán đảo Balkan (Inde).

giờ còn quyết đoán và tiến hành một công việc gì. Ông cũng không chung tỏ là một chính khách hành động, thực tiễn. Qua nhiều cuộc âm mưu làm di làm lại, ván hội lớn từng lầm lúc đến với ông, nhưng ông thường để lỡ cơ, bởi vì dù có thông minh và giàu suy tưởng, ông đã tỏ ra thiếu nhạy bén cảm nhận lòng tốt của quần chúng, điều rất cần thiết cho sự thành công của một lãnh tụ.

"Trong khi Tôn là một nhân vật nổi bật, thì trong ông, con người thật sự yêu nước, lý tưởng đã trộn lẫn với ngón lọc lửa của ông. Nếu trên cương vị người quản lý nhà nước ông đã thất bại, ông lại chính là kết tinh trí tuệ của nước Trung Hoa và là người thầy của tri thức cội nguồn dân tộc. Khỏi dại quần chúng hầu như hoàn toàn mù tịt về lợi ích cũng như rất ít tu lỵ về công cuộc cách mạng dân tộc và xã hội. Muỗi lâm năm trước, họ bị ngược dài và tước đoạt tài sản do bọn quân chủ chuyên chế dân sự và quân sự của thiên triều. Bây giờ họ cũng bị hành hạ và cướp bóc đúng cùng một kiểu cách.

"Guồng máy cai trị của đất nước không thể xán, dù ngay dưới quyền lực của Tôn; nhưng nó sẽ rất quan trọng nếu nhìn đó là một sự nghiệp. Ở Quảng Châu

ông có ra lệnh triệt hạ nhà cửa để mở rộng lồng đường, và phá hủy đèn miếu để bán vật liệu và mặt bằng.

"Sự cứu thị nước ngoài không phải là mối hiềm khích trong tư tưởng của ông mà chính là lòng mong mỏi muốn thấy trật tự được tái lập với bất cứ giá nào. Chính từ đó mà Tôn có sự bối rối. Người ta có thể nói đó cũng là trạng thái của Washington, Garibaldi và các lãnh tụ khác. Tất cả đã làm tiêu phí sinh lực, ý chí tranh đấu của ông. Trước khi đưa ra một sự phán xét quyết định cuối cùng, chúng ta cần nhớ lại rằng Tôn vẫn là người cầm ngọn đuốc soi đường và là thần tượng của nước Trung Hoa mới".

Nhưng gì Dixon viết, có thể đại diện cho ý kiến của những người ngoại quốc khác nghĩ về Tôn Dật Tiên. Giá dụ như, một người Mỹ sống 47 năm tại Trung Hoa, từng có công vụ trong chính phủ Trung Hoa và rất biết về Tôn. Lần đầu tiên ông biết Tôn, lời ông nói với tôi [Restarick], là khi ông đi với bác sĩ Cantlie, lúc đó Tôn là sinh viên trường Y khoa Hồng Kông. Người Mỹ lý giải Tôn là một nhà lý thuyết không có một cảm thức thực tiễn, một người mộng tưởng,

\* C.C. Dixon, *Melbourne to Moscow*, tr 90.

hơn thê, một người xúi giục rối loạn. Tôn tin rằng Trung Hoa cần có một chính quyền trung ương mạnh mẽ nhưng dân chúng thì chẳng có gì gọi là chuẩn bị cho một nền Cộng hòa. Thật là buồn cười mà nghĩ rằng - người Mỹ nói - những tư tưởng của Tôn lại có thể đem thực hiện. Như phản động người nước ngoài khác, người Mỹ tin rằng Tôn đã nhận nhiều khoản tiền to lớn từ Nhật Bản và từ các nguồn khác. Ông\* phán xét, những điều đó theo kinh nghiệm bản thân đối với những người làm chính trị Trung Hoa mà không thể trưng dẫn được một bằng cớ nào, nếu ai có vấn hỏi, chỉ có thể đáp: "Người ta thường đồn dại như thế". Trong vài trường hợp, người Mỹ nói bóng gió rằng nhiều người Trung Hoa cùng hoạt động với Tôn biết ông từng có món tiền đáng kể, nhưng Tôn không muốn giữ lấy cho riêng mình; vì như thế có nghĩa là đồng lõa với một sức ý nặng nề cho tiến trình của Trung Hoa. Những người có quan hệ chặt chẽ với Tôn cho ông là một con người hoàn toàn lương thiện, rất ít quan tâm đến vấn đề tiền của cho cá nhân mình.

Một người Mỹ khác, bác sĩ H.N. Kinsear, làm mục sư kiêm thầy thuốc tại Trung Hoa trong 37 năm

\* Người Mỹ (ndc)

vợ ông còn tiếp tục lưu ngự ở Trung Hoa khá lâu, có biệt Tôn và số có vắn thân can của ông khi mục sư chữa bệnh cho các người này. Bác sĩ Kinnear, do nghề nghiệp, thường tiếp xúc với bệnh nhân mà khởi lên lòng thương cảm người dân Trung Hoa. Cái thành phố lớn nơi ông sinh sống, một lần, bị Tôn xua quân tiến đánh và chiếm cứ. Điều ông nói với tôi về chuyện này hoàn toàn phù hợp với những ý kiến đã dẫn ở đoạn trên. Bác sĩ Kinnear trình bày tư tưởng của mình như là người làm nghề tự do hơn là một mục sư thông thường. Tôn và những sinh viên từ hải ngoại trở về Trung Hoa, họ từng quan sát những chính thể lập hiến và đại nghị, bác sĩ Kinnear nói, dường như họ thấy rằng không thể đem thực hiện những mô thức chính trị vào điều kiện của Trung Hoa để áp đặt một chính phủ như thế chè ở Hiệp Chủng Quốc hoặc nước Anh. Lý tưởng của họ là tư tưởng vay mượn, không thể đem thực hành vì sự ngu dốt, ý thức dâm rẻ vào quá khứ, nền luận lý lỗi thời, thêm vào đó là lòng ích kỷ của bọn quân phiệt. "Nếu, bác sĩ Kinnear nói, một tay quân phiệt nghĩ rằng bên nào sẽ thắng, y sẽ qui phục phê ấy, nhưng, nếu bên ấy bắt đầu thua thiệt, tay quân phiệt có thể lập tức phản bội ngay".

Cả hai người Mỹ đều nói với tôi [Restarick] rằng nếu Tôn thành tâm khuyên dụ các cường quốc có ký trong hiệp ước, dưới sự điều động của Hoa Kỳ và Anh quốc, can thiệp và gìn giữ Trung Hoa cho đến khi thiết lập được một chính quyền ổn định, đó là cách khôn ngoan nhất và đúng đắn nhất, nhưng tiếc thay, Tôn đã không dè nglị như thế.

Về phần người Trung Hoa, họ rất hiếu Tôn, khó mà tìm trong họ một người không ôm ấp sự ngưỡng vọng lớn lao và sùng bái đối với Tôn. Không một ai có mối nghi ngờ, dù nhỏ nhất, về sự lương thiện của ông. Một số người thử đưa ra những thí dụ và vài trường hợp theo đó Tôn đã kinh tài cho riêng bản thân.

Eugène Chen, người có quan hệ rất nhiều với Tôn, là thư ký riêng của ông về những công việc đối ngoại trong ba năm cuối của đời ông, bảo đảm sự liêm khiết của Tôn. Eugène Chen từng dự phần trong nỗ lực kết thúc đế chế với một thỏa ước với người Anh năm 1923, và rất am tường những gì đinh đáng tội người lãnh tụ vĩ đại cũng như nhất cử nhất động của Tôn đối với những người xô-viết. Eugène viết : "Một người bạn Nhật có quan hệ với Tôn nhiều việc hé trọng trong chuyến lưu đày cuối cùng của ông tại Nhật Bản, từn-

cực kỳ khó nhọc để từ chối một việc gì. Tôn yêu cầu, thế mà khi người bạn Nhật này viết thư nhờ Tôn, nhân danh tổng lý chính quyền Quảng Châu, ký nhượng cho người Nhật phần trữ lượng phân lân chim (phosphate) trên nhóm đảo ngầm Pratas dường như sẽ hình thành một căn cứ kỵ diệu giữa khơi đại dương, có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh giành giựt giữa Nhật Bản, Anh quốc và Hoa Kỳ, vì vị trí của đảo : cách Hồng Kông thuộc Anh độ 50 hải lý về phía đông-nam, và gần tâm điểm của một vòng tròn mà những đường bán kính hải trình tiếp cận tới thuộc địa của Anh là Hồng Kông, thuộc địa của Nhật Bản là đảo Đài Loan và thuộc địa của Hoa Kỳ là quần đảo Phi luật Tân\*. Lời yêu cầu của người bạn Nhật đến với Tôn đúng lúc có cuộc hội nghị ở Hoa Thịnh Đốn, bác sĩ Tôn cùi đầu suy nghĩ, thấy rằng người bạn của ông chưa đủ tư cách một người hùng quyền đặc húc về phân lân chim biển, mà chỉ là một nhân viên mật vụ của chính phủ Nhật Bản chuẩn bị khôn khéo để lâm thời, một ngày nào đó, tiến

\* Về nhóm đảo Pratas, cũng như Spratley (Hoàng Sa) và Paracels, để nghị tham khảo lại thư tịch cổ cùng các văn kiện ngoại giao bị vong lục của Việt Nam xưa nay, và của chính quyền Đông Dương thuộc Pháp (Indochine française) (ndc).

tới liên minh Anh-Nhật. Kết quả, bác sĩ đã khẩn khoản yêu cầu tôi [Eugène Chen] viết một bức thư lời lẽ khá ái dέ khéo từ lời thỉnh cầu đặc nhượng. Vu áy có một hậu quả về sau. Khi người ta bàn cãi vấn đề viện trợ tài chánh của nước Anh cho guồng máy hành chánh của bác sĩ Tôn, người ta ám dẫn trở lại cho nước Anh thấy rằng việc từ chối thỏa thuận đặc nhượng những đảo phân lán chim biển á Pratas cho Nhật Bản như là một chỉ dẫn của thói quen thật sự của Tôn đối với tư thế của Anh trong trường hợp có xung đột quyền lợi giữa Anh-Mỹ-Nhật trên vùng biển Cực Đông. Nhưng Tôn đã nhất quyết bảo vệ, công khai đưa sự việc ra giữa hội nghị, thác rõ ràng người bạn Nhật của ông chỉ trình xin ông một cách bí mật, riêng kín\*.

Sự việc rắc rối này thật đã chứng tỏ một quan niệm lớn về lòng danh dự và sự chán thành sâu sắc đối với một người bạn, nó có khả năng gạt ra ngoài ý kiến cho rằng Tôn là một con người giáo quyết, khôn khéo và vu lợi. Người ta có thể đưa ra nhiều thí dụ khác để làm nổi bật gốc cành này bản chất của Tôn. Ngay cả những người cho ông là một người mông tưởng và lý thuyết suông, đại thể cũng đã chấp nhận tính lương thiện và lòng yêu nước của ông.

\* The China Press, Shanghai [Thượng Hải].

Tôi [Restarick] sẽ trung dấn thêm ý kiến của một người khác : Timothy Richard, tức ngài N.Jordan, cựu sứ thần Anh tại Bắc Kinh, có viết : "Không một người nước ngoài nào, dù là giáo sĩ hay dân thường, được mọi người tiếp tục lưu ý, ở Trung Hoa. Trong khi đó thì tất cả những tính, thành phố và làng mạc của Trung Hoa, tên tuổi Tôn đã được nhắc đến một cách kính trọng. Kể từ vị hoàng đế trên ngai vàng cho đến anh sinh viên chốn thôn dã, đều phải đọc những gì ông viết ra và tình yêu của ông đối với Trung Hoa đã được thâm giá đúng mức". Ý kiến một người\* mà tên tuổi không cần công dán r้า ở đây. Ông này sống gần 50 năm ở Trung Hoa, từng học chữ Hán, từng nhập cuộc theo dòng lịch sử, và các cung tận tuy vì lợi ích của xú sô. Ông là một trong những người (và họ còn khá đông) tin rằng những cải cách tiệm tiến có nhiều kết quả giá trị cho Trung Hoa hơn một cuộc cách mạng. Ông ta có ảnh hưởng mạnh và nhiều trong các sắc chỉ cải cách do nhà vua công bố năm 1898 để rồi bị xóa bỏ bởi bà thái hậu già nua. Người ta nói rằng ông là người có uẩn rất tồi mà Trung Hoa không bao giờ cần tới.

\* H.B. Restarick muốn nói tới Khang Hữu Vi (1860).

Bác sĩ Richard gặp gỡ Tôn Dật Tiên tại Luân Đôn năm 1896, đúng ngay sau ngày Tôn thoát khỏi tòa lãnh sự Trung Hoa. Tôn liền đến thăm bác sĩ Richard để bày tỏ lòng biết ơn đối với những gì bác sĩ đã làm trên đất nước Trung Hoa, nhất là những dòng chữ kêu gọi cùng nghĩa cử cứu đói của bác sĩ. Người chép hành trạng của bác sĩ Richard viết về câu chuyện qua cuộc phỏng vấn : "Tôn gồng mình lâu dài trên quyền lực chuyên chế và sự dối bại của triều đại Mãn Thanh, kêu gào với dân chúng rằng người Mãn Châu tất cả đều xấu xa, và tất cả sẽ tốt đẹp hơn nếu người ta thay thế được họ, người Hán tộc phải cầm đầu mọi công việc quốc gia. Bác sĩ Richard thử chứng minh cho Tôn thấy rằng có thể có những viên chức tốt người Mãn Châu đồng thời cũng có thể có những kẻ giáo hoạt người Hán tộc. Ông cũng có thể dễ dàng chứng minh cho Tôn thấy rằng những người lãnh đạo hàng đầu Mãn Châu hầu như rất có khả năng hơn số người Hán tộc nắm giữ nhiều chức vụ then chốt trong chính quyền Mãn Thanh, một kỷ nguyên thịnh trị chưa từng thấy, và, từ một thế kỷ qua, so với thiểu số người Mãn Châu, chính những người Hán tộc tự họ đã quản lý đất nước Trung Hoa, vì họ đã chiếm đa số trong bờ mày nhà nước và guồng máy hành chính hất

hoàn toàn nằm trong tay họ. Bác sĩ Richard lại thử thuyết phục cho Tôn hiểu rằng, không có một cuộc thay đổi tận gốc, từ tâm địa cho đến cung cách cai trị, chỉ đơn giản chuyển giao quyền hành từ người Mãn sang người Hán, như vậy chẳng khác nào tránh vỏ đàp vỏ dừa, và rồi có thể vỏ dừa còn tệ hại hơn vỏ đàp. Cần thi hành cải cách hơn là làm cuộc cách mạng. Thế nhưng Tôn là người không thể can gián. Chính từ đó, Trung Hoa phải gánh chịu sự hỗn loạn như ngày nay”\*.

Ít lâu sau, bác sĩ Richard lại gặp Tôn ở Hồng Kông, và, lần này, hiệp đồng với nhà cải cách Ko Kai, ông lại cố lý giải rằng những cải cách đem lại hiệu quả giá trị nhiều hơn cuộc cách mạng; nhưng không thể lay chuyển nổi Tôn. Năm 1900, bác sĩ Richard còn viếng thăm Tôn một lần nữa tại Yokohama, nơi mà những chương trình khuynh đảo người Mãn Châu hoàn toàn thu hút lấy Tôn. Sau một cuộc tranh biện dài dòng, bác sĩ Richard đánh phái ra Tôn vì ông thầm tin rằng cần phải soi sáng cho chính phủ chứ không phải tìm cách tiêu diệt nó.

\* Chi tiết này và các sự kiện kế tiếp được rút từ tác phẩm viết về Timothy Richard do W.E. Soothill viết trong chương XXVII. (H.B.R)

Năm 1903, bác sĩ Richard viết : "Việc canh tân nước Trung Hoa có hai cái nhìn : một, người làm cách mạng, và người kia, nhà cải cách. Tôi không phải là đồng chí của người thứ nhất, vì tôi từng mục kích những tai biến khủng khiếp có thể thách thức những thủ đoạn kịch liệt, tàn bạo. Nhưng tôi có gắng làm những gì khả dĩ góp phần soi sáng vào tất cả những vấn đề của Trung Hoa. Chúng tôi đang biên soạn những cuốn sách về nội dung này và chúng tôi hy vọng sẽ công bố chúng ở các nước Anh, Pháp, Đức, Nga và Mỹ, giúp cho các người có lòng nghe đến hạnh phúc của Trung Hoa có những khám phá đúng đắn các mạnh mẽ của nó. Chúng tôi cố gắng cải thiện thân phận người dân bằng những phương sách tinh thần và trí tuệ tốt hơn là dùng bạo lực của vật chất. Bác sĩ Richard kết luận về phương pháp hành động thứ hai, rằng : "Kẻ nào sử dụng gươm dao, sẽ chết vì gươm dao".

Khi Tôn Dật Tiên từ chức tổng thống, bác sĩ Richard viết : "Đây là phản khôn ngoan nhất mà Tôn không bao giờ có trong cuộc đời ông. Hơn ai hết, ông thừa hiểu rằng ông không có một kinh nghiệm nào trong nghệ thuật quản lý nhà nước, trong khi Viện Thé Khái lă chính khách giàu kinh nghiệm của Trung

Hoa". Bác sĩ Richard nghĩ rằng, trong giai đoạn cầm quyền ngắn ngủi, Tôn có phong chức cho nhiều viên chức nổi tiếng tham tàn hơn những người tiền nhiệm của họ. Kết quả cuộc cách mạng làm Tôn chán nán, và rồi Tôn phải cầm bút viết: "Phá hoại môi chí là một nỗ công việc, cái trách vụ khó khăn nhất là phải tái thiết. Thay vì hiệp lực với nước Trung Hoa mới, tôi rất khó tâm để phải nhìn biết bao người, tự đặt mình lên hàng đầu, không đủ năng lực, thiếu cá tư cách để dẫn dắt hoặc gây niềm tin đối với người đồng bang qua những trách vụ khả kính hoặc những công tác trọng đại. Tuy nhiên, ta không nên thất chí, vì, chóng chầy, chắc chắn, Chúa sẽ thẳng tay trừng trị bạo lực". Dù bác sĩ Richard không có hảo ý xem Tôn như là chính khách, ông cũng đã viết: "Lòng trung thực của Tôn cũng như sự ngưỡng mộ của dân chúng đối với Tôn đã được khẳng định".

Tôi [Restarick] sở dĩ dẫn dài dòng về bác sĩ Richard, vì những lời nói của ông chứng minh rằng, trong số những người hoạt động cho công cuộc cải cách và theo đuổi một cách nhiệt thành, có một sự bất đồng ý kiến lớn về những phương thức đưa cuộc cải cách đó áp dụng vào Trung Hoa. Tôn nhảy quyết tin rằng phải có một cuộc cách mạng. Nhiều người khác

nghĩ rằng nên bắt đầu từ việc khai dân trí. Nhưng Tôn chỉ trương ánh sáng dân trí kia sẽ có kết quả từ cuộc cách mạng; cách thức của Richard thì đạt được nhiều sáng tạo trước khi dân tối kêt quả mong muốn; còn nếu hiểu cuộc cách mạng đến ở đây quá sớm, nó không còn đem lại (kể cả những năm sau khi Tôn mệnh chung) những thành quả có thể dẫn khởi cho một đáp số thuận chiều.

Trong tất cả mọi trường hợp, tương lai của Trung Hoa bây giờ\* đều nằm trong tay người Hán tộc. Những người Mân Châu thì không hề mất chung tộc của họ. Trung Hoa là một nước Công hòa trên danh xưng; nó sẽ đầu vào đây khi dân chúng được giáo dục.

Trong những trang viết trên đây, tôi có đưa ý kiến của những người đã nhìn Tôn Dật Tiên dưới những nhân quan khác nhau, cùng những phán đoán của họ về bản chất của Tôn có liên quan đến trách nhiệm mà ông đã bao biện. Những lời phán bình có cá phản đối lẫn đồng tình, Nhưng điều người ta có thể nói về Tôn Dật Tiên, ấy là nhờ sự tuyên truyền không ngừng nghỉ của ông mà người Mân Châu đã bị lật nhào.

\* Độc giả cần lưu ý sách này của H.B. Reserick viết và ấn hành từ năm 1932 (nike).

## THU MỤC THAM KHẢO

JAMES CANTLIE, *Sun Yat Sen and the Awakening of China* (London : Jarrold and Sons, 1912) - Tôn Dật Tiên và sự thức tỉnh của Trung Hoa.

F.E. COLEMAN, *The Far East Unveiled* (London : Cassell and Co, 1918) - Cõi Viễn Đông tự vén màn.

EDWIN DINGLE, *China's Revolution : 1911-1912* (Shanghai : Commercial Press, 1912) - Cách mạng Trung Hoa.

C.C. DIXON, *Melbourne to Moscow*. (London : George Bles, 1925) - Từ Melbourne đến Mạc tu khoa.

GEORGE M. DUTCHER, *Political Awakening in the East* (New York : The Abingdon Press, 1925) - Sự thức tỉnh chính trị ở phương Đông.

FERNAND FARJENEL, *A travers la Révolution chinoise, 1916* - Kinh qua cuộc cách mạng Trung Hoa.

STANLEY HIGH, *China's Place in the Sun* (London : The Macmillan Company, 1924) - Vị trí Trung Hoa trong con người của Tôn.

HENRY T. HOGKIN, *China in the Family of Nations* (New York : Geo H. Doran, 1923) - Trung Hoa trong cộng đồng các quốc gia.

*PAUL HUTCHINSON, What and why in China* (New York : Willett, Clark and Colby, 1927) - Ở Trung Hoa đã xảy ra những gì và như thế nào.

*STEPHEN KING-HALL, China* (London : Methuen, 1924) - Trung Hoa

*K.S. LATOURETTE, The Development of China* (New York and Boston : Houghton Mifflin, 1929) - Sự phát triển của Trung Hoa.

*PAUL M. LINEBARGER, Sun Yat Sen and the Chinese Revolution* (New York : Century Company, 1925) - Tôn Dát Tiên và cuộc cách mạng Trung Hoa

*FREDERICK MC CORMICK, The Flower Republic* (New York : D.Appleton and Co, 1913) - Nền Cộng Hòa nở hoa.

*PAUL S. REINSCH, An American Diplomat in China*. New York : Doubleday, Page Company, 1922) - Một nhà ngoại giao Mỹ ở Trung Hoa.

*W. E. SOOTHILL, China and the West* (London : Oxford University Press, 1925) - Trung Hoa và phương Tây.

*TIMOTHY RICHARD, The most Disinterested Adviser China Ever Had* (London : Seeley Service and Co, 1924) - Người khuyên nhủ thờ ơ nhất mà Trung Hoa đã có.

*SUN YAT SEN, The International Development of China* (New York : G. P. Putnam's Sons, 1922) - Sự phát triển của Trung Hoa trên trường Quốc tế.

*Memoirs of a Chinese Revolutionist: A Program for the Reconstruction of China* (Philadelphia : Mc Kay, 1929) -  
*Hồi ức của một nhà cách mạng Trung Hoa - Một chương trình tái thiết nước Trung Hoa.*

*The Three Principles of the People* (Shanghai : Commercial Press, 1928) - *Tam Dân chủ nghĩa.*

*SOUUMÉ TCHENG, Souvenirs d'Enfance et de Révolution* (Payot, Páï, 1922) - *Ký niệm thời thơ ấu và cách mạng.*

*M.Y.Z. TYAU, China Awakened* (New York : Mc Millan Company 1922) - *Trung Hoa thức tỉnh.*

*PUTNAM WEAL, The Fight for the Republic in China* (New York : Dodd Mead Company, 1917) - *Sự đấu tranh cho nền Cộng hòa ở Trung Hoa.*

- *The Vanished Empire* (London : Mc Millan Company 1926) - *Đế quyền tiêu tan.*
- *Why China Sees Red* (Dodd Mead Company, 1925) - *Vì sao nước Trung Hoa nhuộm đỏ.*

#### Báo chí :

*Le China Press* (Shanghai); *Le Tiéntsin Times* (Tientsin); *Le Shun Pao* (Shanghai); *Le Honolulu Advertiser* (Honolulu); *Les journaux de San Francisco*; *Le Strand Magazine* (London).



# TÔN DẬT TIÊN

*Người giải phóng Trung Hoa*

Dịch từ bản Pháp ngữ

**SUN YAT SEN**

*Libérateur de la Chine*

*Do*

**R. CH. DUVAL**

*Chuyển ngữ*

## MỤC LỤC

	Trang
Lời người dịch .....	3
Trước khi vào đề .....	6
<i>Chương I.</i> Nơi sinh của Tôn Dật Tiên .....	13
<i>Chương II.</i> Đời học sinh của Đề Tương.....	26
<i>Chương III.</i> Bị đuổi khỏi làng.....	38
<i>Chương IV.</i> Đề Tương trở thành Tôn Dật Tiên .....	47
<i>Chương V.</i> Lần thứ nghiệm cách mạng đầu tiên.....	65
<i>Chương VI.</i> Đi Honolulu, Hoa Kỳ và Anh Cát Lợi .....	77
<i>Chương VII.</i> Chuẩn bị cuộc khởi nghĩa năm 1900.....	90
<i>Chương VIII.</i> Thí nghiệm bạo động năm 1900.....	103
<i>Chương IX.</i> Lại đi xa.....	116
<i>Chương X.</i> Sự không may của cuộc khởi nghĩa năm 1904 .....	127
<i>Chương XI.</i> Vũ bùng nổ năm 1907 .....	137
<i>Chương XII.</i> Thắng lợi đầu tiên .....	147
<i>Chương XIII.</i> Lòng man trá và sự tinh ngô .....	163
<i>Chương XIV.</i> Tôn Dật Tiên và gia đình ông .....	188
<i>Chương XV.</i> Lại trở về Quảng Châu .....	198
<i>Chương XVI.</i> Những năm cuối cùng .....	223
<i>Chương XVII.</i> Tôn Dật Tiên và những người phóng vấn .....	241
<i>Thư mục tham khảo .....</i>	<i>258</i>

# **TÔN DẬT TIÊN**

## **NGƯỜI GIẢI PHÓNG TRUNG HOA**

**HENRI BOND RESTARICK**

***Nguyễn Sinh Duy (Biên dịch)***

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**MAI THỜI CHÍNH**

*Biên tập:*

**THANH LONG**

*Bìa:*

**HUỲNH PHI HẢI**

---

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Số đăng ký kế hoạch  
xuất bản 71/65-CXB do cục xuất bản cấp ngày  
16/01/2003. Giấy trích ngang số 93/TN/XBTN. In  
tại Công ty Cổ phần In Bến Tre. In xong và nộp lưu  
chiểu Quý III năm 2003.

# TÔN ĐẬT TIÊN NGƯỜI GIẢI PHÓNG TRUNG HOA

(TIỂU TRUYỆN DANH NHÂN)



DOANH NGHIỆP SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH  
288B An Dương Vương, Q.5, TP Hồ Chí Minh - ĐT/Fax: 8392516  
*Phát hành*

Giá: 30.000đ